

**PHÙNG THÀNH CHUNG**

**KIÊN**

**Tiểu thuyết**

**NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN**





**KIÊN**



**(THƯỢNG QUÁI)**

**Tiểu thuyết**



## CHƯƠNG MỞ

**Theo "Hùng triều thế phổ" (tiền biên):**

Đế Nghi và Lộc Tục (Kinh Dương Vương) là hai anh em (cùng cha khác mẹ):

Đế Nghi là anh.

Lộc Tục là em.

Đế Nghi sinh Đế Lai; Đế Lai sinh Âu Cơ

Lộc Tục (Kinh Dương Vương) sinh Lạc Long Quân (Sùng Lãm)

Lạc Long Quân (chú) là đầu đàn Lạc Việt, cai quản phần lãnh thổ bao gồm: Đồng bằng, sông, biển.

Âu Cơ (cháu) là đầu đàn Âu Việt, cai quản phần lãnh thổ bao gồm: Rừng, núi, đồi, gò.

Trong một lần vi hành từ biển lên rừng, Lạc Long Quân gặp Âu Cơ. Chú cháu thích nhau, hợp hoan rồi lấy nhau. Sau một thời gian chung đặng, viển khảo (Lạc Long Quân) nhận ra tập tục của hai bộ lạc có sự "lệch pha"! Trong khi những con đực thuộc bộ lạc viển khảo có quyền sở hữu nhiều con cái, nhưng những con cái chỉ được phép thuộc quyền sở hữu của một con đực; Song ở bộ lạc viển tỉ (Âu Cơ) những con thuộc giống đực cũng như giống cái có thể thoải mái quan hệ với nhau bất cứ lúc nào nếu có nhu cầu. Do đó, những con đực thuộc bộ lạc viển tỉ (trong quan hệ tính giao) không phân biệt được trong số những con cái (mà mình quan hệ) ai là con mình, cũng như

những con cái không phân biệt đợc trong số những con đợc (mà mình quan hệ) con nào là bố mình! Bởi vậy vai trò và vị thế của con cái (nói chung) mà cụ thể là của viễn tử (Âu Cơ) - con đầu đàn của bộ lạc rất lớn, bởi đợc những con thuộc giống đợc trong bộ lạc mặc nhiên thần phục. Trong khi đó, nắm giữ quyền con đầu đàn thuộc bộ lạc viễn khảo phải là thuộc giống đợc.

Quan hệ giữa viễn khảo và viễn tử do đó không mấy êm đẹp! Hai người không ai chịu ai! Sự lục đợc, cãi cọ thường xảy ra luôn. Ai cũng muốn người kia phải dưới quyền mình. Nhiều khi dẫn đến bạo hành (thường thì viễn tử bạo hành đối với viễn khảo)! Nên viễn khảo đành phải chia tay viễn tử: *"Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên. Tuy âm dương tương hợp nhưng thủy hỏa tương khắc, chung hợp thật khó, không thể cùng nhau. Bèn chia tay"*. Không thấy nói chia của. Thì *"Giang sơn nào anh hùng nấy"*. Chỉ thấy nói chia con. Tục truyền: *"Viễn khảo quan hệ với viễn tử, sinh đợc một bọc trăm trứng, nở ra một trăm người con trai"*. Vì số những đứa con là số chẵn lại đều là giống đợc, nên không có chuyện tranh giành, hai bên đều bằng nhau: *"Năm mươi người con theo mẹ về núi là sơn thần; năm mươi người con theo cha xuống biển là thủy thần"*.

Hẳn đây là vụ li hôn đầu tiên và là vụ ly hôn vĩ đại cũng như hi hữu nhất trong lịch sử ngành tư pháp nói riêng và trong sử Việt nói chung. Không thấy nói

sự nghi ngờ của viên khảo trong số một trăm đứa con ấy, đứa nào là con mình, đứa nào là con của những con đực khác, điều làm viên khảo đau khổ, đã hành hạ viên khảo, khiến viên khảo nhiều đêm mất ngủ và không phải là không có lý khi viên khảo nghe tin viên tử và 50 đứa con theo viên tử đã suy tôn người con trưởng là Hùng (chứ không phải Lạc) Quốc Vương lên ngôi, đóng đô ở Phong Châu, đặt Quốc hiệu là Văn Lang...

Nó đã cất công tìm hiểu cả Quốc Sử cũng như cái gọi là "**Hùng triều thế phở**" nhà Nó và thấy có những điểm đáng ngờ:

\* Viên khảo (Lạc Long Quân) và viên tử (Âu Cơ) đều thuộc giống thú đâu phải giống cầm mà đẻ ra "*bọc một trăm trứng*"? Hay viên khảo và viên tử đều thuộc loài lưỡng thê - nửa cầm, nửa thú?

\* Sao lại một bọc tròn một trăm trứng rồi một trăm trứng nở ra một trăm người con trai?

\* Phải chăng những chuyện hoang đường đó là để biện minh cho nguồn gốc của Bách Việt là cùng sinh ra từ một bọc (đồng bào), là có chung một tổ phụ, tổ mẫu và đều là con Lạc cháu Hồng, nhằm có được sự đoàn kết của bầy đàn mỗi khi có họa ngoại xâm?!

\* Nhưng chẳng phải suốt chiều dài lịch sử khi đất nước yên hàn, một số trong cái bọc một trăm trứng ấy lại quay ra kinh chống lẫn nhau để tranh giành vị



trí con đầu đàn, gây ra cảnh nội chiến nôi da xáo thịt, huynh đệ tương tàn?!

\* Và phải chăng họ Lạc nhà nó không phải như những gì được ghi trong "**Hùng triều thế phổ**" cũng như trong "Quốc sử" - là tổ của Bách Việt - mà đã bị/ được những con đầu đàn lợi dụng và như vậy cái được gọi là "Quốc sử" cũng như "**Hùng triều thế phổ**" đâu có phải là căn cước của Bách Việt ?!

Bất giác Nó nhớ đến chuyện họ Lạc (chi Xứ Đoài) nhà Nó giao cho Nó chịu trách nhiệm về tư liệu cho phần "**Hùng triều thế phổ**" (tục biên) để nối điếu với "**Hùng triều thế phổ**" (tiên biên) bởi đó là niềm tự hào của cả dòng họ là họ nhà mình đã được ghi trong Quốc sử và là tổ (gốc) của các dòng họ! Chẳng dặng dưng, Nó đành phải "*ăn theo*" những gì đã được ghi trong cái gọi là "Quốc sử"! Đến khi chuyển sang tìm người chấp bút thì một ông lão lù lù xuất hiện: "*Xin các ông, các bà "dón" tay làm ơn làm phúc. Trong tôi mất mùa..."*

Không ai bảo ai, tất cả những người có mặt hôm đó đều ngẩng lên và cảm thấy như là ông lão đã đến quấy rầy không đúng nơi, đúng lúc!

Ông trưởng họ sẵng giọng:

"*Đi chỗ khác! Đây là việc họ!*"

"*Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đệ...*" - cuốn "**Hùng triều thế phổ**" (tục biên) vừa chấp bút được vài dòng, bỗng nghe nhón nháo ngoài cổng nhà

thờ họ có lão ăn mày vừa ở đây ra bị chẹt xe! Tất cả chạy ra. Theo cơ quan chức năng, căn cứ vào giấy tờ tùy thân thì Lạc Âu Mỗ là họ và tên của người bị nạn!

**“Hùng triều thế phổ” - (tục biên)** đã được nói điêu:

### DI HUẤN

Dòng dõi Lạc Hồng

Nhiều người là khanh tướng công hầu

Nhưng...

Cũng không ít người mang tiếng như phản  
nghịch

*Văn thì đốt*

*Võ thì sát*

Thôi thì đừng:

*Được làm vua*

Thôi thì đừng:

*Thua làm giặc*

Về học làm thường dân.

# 1

Nó sinh giờ Tuất ngày mười tháng mười năm Canh Dần (Tây lịch là ngày 19 tháng 11 năm 1950). Lá số Tử Vi của Nó, cung Thiên bàn ghi:

Lạc Âu Phùng: Canh Dần niên, thập nguyệt, sơ thập nhật, Tuất thời. Dương nam. Mộc (tùng bách) mệnh. Hoả cục. Theo đó, vị trí của 12 cung và sự phân bố các sao:

Mệnh cư Sửu: Vũ Khúc, Tham Lang, Tả Phụ, Hữu Bật, Đường Phù, Hoá Quyền, Hồng Loan, Tấu Thờ, Địa Không, Quả Tú, Trục Phù, Dưỡng.

Phụ Mẫu cư Dần: Cự Môn, Thái Dương, Văn Khúc, Thiên Việt, Thiên Trù, Hoá Lộc, Trường Sinh, Thái Tuế, Phi Liêm.

Phúc cư Mão: Thiên Tướng, Đào Hoa, Thiếu Dương, Hỉ Thần, Thiên Tài, Lưu Hà, Thiên Không, Mộc Dục, Đẩu Quân.

Điền cư Thìn: Thiên Cơ, Thiên Lương, Thai Phụ, Quốc Ấn, Bát Toạ, Thiên Khốc, Tang Môn, Bệnh Phù, Quan Đới, Thiên La, Địa Giải.

Quan cư Tỵ: Tử vi, Thất Sát, Thiên Giải, Thiếu Âm, Lâm Quan, Cô Thần, Linh Tinh, Đại Hao.

Nô (vô chính diệu) cư Ngọ: Thiên Khôi, Thiên Phúc, Long Trì, Đế Vượng, Thiên Quý, Thiên Hình, Quan Phù, Phục Bình, Thiên Thương.

Di (vô chính diệu) cư Mùi: Nguyệt Đức, Thiên Hỉ, Đà La, Tử Phù, Quan Phù, Suy.

Ách (vô chính diệu) cư Thân: Lộc Tồn, Thiên Mã, Phượng Các, Giải Thần, Bác Sĩ, Ân Quang, Thiên Sứ, Thiên Hư, Tuế Phá, Bệnh.

Thân cư Tài Bạch (tại Dậu): Liêm Trinh, Phá Quân, Long Đức, Lục Sĩ, Địa Kiếp, Kinh Dương, Phá Toái, Tử.

Tử (vô chính diệu) cư Tuất: Thiên Y, Thanh Long, Tam Thai, Thiên Riêu, Bạch Hổ, Địa Vong, Hoa Cái, Mộ.

Thê cư Hợi: Thiên Phủ, Lưu Niên Văn Tinh, Thiên Quan, Thiên Đức, Phúc Đức, Thiên Thọ, Kiếp Sát, Hoả Tinh, Tiêu Hao, Tuyệt.

Bào cư Tý: Thiên Đông, Thái Âm, Văn Xương, Phong Cáo, Hoá Khoa, Hoá Ky, Điều Khách, Tướng Quân, Thai

Hai sao Tuần, Triệt đồng cư tại Ngọ (Nô Bộc) và Mùi (Thiên Di)

Vô tình hay hữu ý, lá số chỉ có phần lập trình, thiếu mất phần luận đoán! Không mách bảo được điều gì; trái lại - thật trớ trêu - phần còn thiếu của lá số, với

Nó, cứ lơ lửng như là một ám ảnh về cõi nhân sinh trong cuộc hành trình tìm về với cái “*bản lai diện mục*” của mình! Phải chăng đó là một bi kịch, khi - ở cực này - con người tin vào Thượng đế, nhưng qua đó cho mình cái quyền nhân danh Thượng đế nắm giữ trong tay chìa khóa cánh cửa số phận của các tín đồ, và - ở cực kia - con người phủ nhận Thượng đế, nhưng với tham vọng thiết lập với các tín đồ vai trò Thượng đế của mình!

## 2

Trí nhớ của con người thật tuyệt vời nhưng cũng thật nghiêm khắc và lạnh lùng. Ở từng trường hợp cụ thể và với mỗi con người cụ thể, nó biết nhớ những gì cần nhớ cũng như biết quên những gì nên quên. Với nó, không có sự phụ thuộc về thời gian - nếu lấy khái niệm thời gian làm thước đo. Điều đó lý giải vì sao có những sự kiện xảy ra chỉ vừa đây thôi, ta đã chẳng còn nhớ nữa; ngược lại, có những sự kiện xảy ra từ nhiều chục năm về trước, song - với ta - nó vẫn tươi ròn như mới hôm nào. Ở đây, có lẽ phải kể đến vai trò của các giác quan, những bộ phận rất nhạy cảm với những gì đang được bộ nhớ lưu giữ. Bởi chỉ cần một tín hiệu của ngoại cảnh “chạm” đến một trong những chương trình được “cài đặt”, lập tức - như một phản xạ có điều kiện - giác quan nơi nhận sẽ “lệnh” ngay cho bộ nhớ, và - cũng ngay lập tức - những dữ liệu cần thiết sẽ được lấy ra...

Với Nó, đó là ấn tượng về một bài hát. Nhiều chục năm đã trôi qua, bài hát đó bây giờ không còn thấy ai hát nữa, nhưng trước đây chỉ nghe đến câu mở đầu: *“Kết đoàn chúng ta là sức mạnh...”* là Nó như người bị ám thị! Một đứa trẻ mới năm, sáu tuổi là Nó ngơ ngác không hiểu tại sao trong khi những đứa trẻ khác cùng chạc tuổi Nó được là “đội viên nhi đồng”,

tôi tôi được tập trung sinh hoạt, được các anh, các chị phụ trách dạy học múa, học hát..., còn Nó thì không (!) Trong cái đầu còn non nớt của Nó, Nó chưa thể biết được những gì đang xảy ra xung quanh, liên quan đến những chuyện của người lớn. Bởi vậy, Nó chỉ đơn giản nghĩ rằng có thể Nó bị bỏ sót, có thể do một sự sơ xuất nào đó mà người ta quên mất Nó, người ta đã không nhớ ra còn có một đứa trẻ khác là Nó hiện đang tồn tại trên cõi đời này...

Một buổi tối mùa đông, dưới ánh sáng của ngọn đèn bão nơi sân đình làng, khoảng năm, sáu chục đứa trẻ xấp xỉ tuổi Nó, trai có, gái có, được anh phụ trách “cầm càn” đồng thanh hát bài hát ấy - bài “*Kết đoàn*” mở đầu buổi sinh hoạt. Cách đó không xa, phía sau lưng anh phụ trách và đứng day mặt về phía lũ trẻ là Nó. Hai hàm răng va vào nhau lập cập vì rét, vì cảm giác lẻ loi của kẻ ngoài cuộc, nhưng Nó lại toát mồ hôi vì ước muốn được hoà nhập với đám đông những đứa trẻ bạn Nó, đã khiến đôi chân Nó từng lúc, từng lúc tiến dần về phía ánh đèn. Bây giờ thì không thể được nữa rồi! Khoảng cách giữa Nó và lũ trẻ đã được rút ngắn đến mức Nó có cảm tưởng chỉ cần anh phụ trách lùi một bước và vung tay ra là chạm phải Nó, và, nếu được vào “sinh hoạt”, chỉ ba bước, Nó đã ngồi ở hàng đầu ngay dưới chân anh. “Báo cáo anh, còn bạn

Phùng ạ!” - Giá đũa nào nhắc với anh phụ trách sự có mặt của Nó! Giá anh phụ trách quay lại: “Ồ, Phùng! Sao em lại đứng đây? Vào hàng, sinh hoạt với các bạn đi em!” - Nó tưởng ra như thế và mong điều đó sẽ xảy ra, nhưng chẳng ai để ý đến Nó cả. Lũ trẻ vẫn đang chăm chú ngồi nghe, còn anh phụ trách thì vẫn đang say sưa nói. Ngây thơ và rất trẻ con, Nó quay qua kịt kịt mũi để đánh động. Rồi, có lẽ cảm thấy như thế vẫn chưa đủ, ngoài kịt mũi, Nó còn hắng giọng và ho gằn. Việc làm không bình thường và lộ rõ là có ý đồ của Nó đã khiến lũ trẻ chú ý.

“Các em trật tự!...” - Tiếng nhắc nhở của anh phụ trách làm Nó giật mình! Mong khơi gợi nơi anh lòng trắc ẩn và nhận được ở anh sự thương hại, Nó cúi gầm mặt như kẻ có lỗi - “Ồ, Phùng! Sao em đứng đây?...” - Nó chờ anh quay lại và chờ để được nghe một câu nói như thế hoặc tương tự thế; nhưng không, anh vẫn đang nói với những đũa kia: “...Các em phải thấy vinh dự và tự hào đã được đứng trong hàng ngũ của Đội, bởi có những em dù muốn cũng không được, vì hàng ngũ chúng ta không có chỗ đứng cho con em bọn cường hào, ác bá; bọn địa chủ, phong kiến bóc lột... - Lúc này anh mới quay lại và chỉ vào Nó - “... cụ thể, như em Phùng đây!”



Thì ra, không phải anh phụ trách không nhận ra sự có mặt của Nó! Không phải Nó bị quên, bị người ta bỏ sót như Nó vẫn tưởng!

Tại Nó ù đi! Đất dưới chỗ Nó đứng như đang sụt! Lòng tự trọng bị tổn thương, Nó méu máo vùng chạy ra khỏi sân đình. Như người bị đánh oan, tiếng khóc của Nó lúc oà ra nức nở, lúc tức tưởi nghẹn ngào. Từ đình làng về nhà Nó, dọc theo hai bên con đường nhỏ ngoằn ngoèo lát gạch nghiêng là những lũy tre được vây quanh bởi những bụi mây mái um tùm, là ao chuôm, miếu mạo, cầu quán... - Những nơi Nó nghe người ta kể có những con Ma, con Nam quần áo trắng lôm lôm, đêm đêm vẫn thường hiện lên để nát người, khiến Nó chưa một lần dám nghĩ đến chuyện đi qua một mình vào ban đêm. Nhưng đêm hôm đó, lần đầu tiên, Nó chẳng còn thấy sợ như mọi lần. Cũng chẳng thấy con Ma, con Nam nào hiện ra để nát Nó cả. Chỉ có tiếng hát của lũ trẻ đồng thanh hát bài “*Kết đoàn*” kết thúc buổi sinh hoạt từ sân đình vắng đến như vẫn đuổi theo Nó...

### 3

Cải cách ruộng đất. Với tài sản mười thước đất ở, năm gian nhà tranh và bốn sào ruộng cấy, nhà Nó được xếp thuộc thành phần bần nông. Bần nông nhưng nằm trong hàng ngũ giai cấp phong kiến bóc lột! Lý do: Bố Nó là thầy cúng!

Tiếp theo việc người ta tuyên bố Nó không được vào Đội, Nó đã chứng kiến cảnh bố Nó run lên vì sợ khi đội thiếu niên với dàn trống ếch trợ oai tiến vào nhà Nó. Sau mỗi tiếng hô: “Đả đảo bọn phong kiến bóc lột” của đũa cầm trích là tất cả mấy chục cánh tay lại nhất loạt giơ lên, hạ xuống cùng đồng thanh: “Đả đảo! Đả đảo! Đả đảo!” trong khi lực lượng dân quân có nhiệm vụ chuyển những pho tượng Phật nơi gian điện thờ nhà Nó mang đi. Sau đận ấy, tinh thần bố Nó sa sút hẳn. Không một buổi họp nhân dân nào bố Nó dám vắng mặt và là người luôn gương mẫu trong việc chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đề ra. Điều đó giải thích vì sao bố Nó đã sốt sắng tham gia phong trào “Tổ đổi công” ngay từ những ngày đầu thành lập và là một trong những người đầu tiên làm đơn xin vào Hợp tác xã...

Cũng may, Nó còn được đi học. Người ta không cấm Nó đến trường! Nhưng các sinh hoạt đoàn thể của trường, Nó vẫn không được tham gia! Giờ chào

cờ hoặc khi xếp hàng vào lớp phải đứng cuối vì không có khăn quàng đỏ (không phải là đội viên). Chưa kể những chuyện trớ trêu: Không được học hát, học múa, Nó chẳng thuộc một bài hát nào cho đến đầu, đến đũa. Điều đó dẫn đến việc: Thường đầu giờ học, cả lớp - theo lệnh của đũa quản ca - phải đồng thanh hát một bài. Những khi như thế, Nó chỉ còn biết ngồi... nghe! Vì việc này, các thầy cô giáo đã cho Nó là thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, nghĩa là kéo theo điểm hạnh kiểm kém, mà Nó không biết kêu ai!

Những bài ca dao và những chuyện kể mang nội dung chống mê tín dị đoan được đưa vào chương trình giảng dạy trong sách giáo khoa môn văn cũng làm khổ Nó:

*Chập chập rồi lại cheng cheng  
Con gà trống thiên để riêng cho thầy  
Đơm xôi thì đơm cho đầy  
Đơm voi thì thánh nhà thầy mất thiêng!*

Nó đã tái mặt, còn hai tai thì nóng lên, cảm tưởng như mấy chục cặp mắt của những đũa bạn cùng lớp đang đổ dồn vào Nó trong giờ giảng văn hôm đó. Loáng thoáng tiếng thầy giáo, nhưng rõ ra tiếng thì thào của bọn con trai và những tiếng cười khúc khích của bọn con gái. Nó bậm môi để khỏi oà khóc và để ngăn những dòng nước mắt chỉ chực trào ra. Rồi bài

luận văn “*Phù thủy sợ ma*”: Một thầy phù thủy vẫn thường khoác lác với vợ về tài “trừ tà, trừ quỷ” của mình. Để thử xem thầy “cao tay ấn” đến đâu, nhằm một lần thầy đi làm lễ phải về khuya, vợ thầy đã đón đường với cục than hồng trên tay, giả làm “ma trời” để dọa thầy! Lúc đầu thầy còn làm bộ “cứng”, cũng bắt quyết, cũng đọc thần chú, nhưng sau đó thấy “con ma trời” làm dữ quá, thầy đã sợ đến riu lưỡi, phải quảng bỏ cả xôi chuối và cái thủ lợn người ta biếu để... chạy... và... chạy cho nhanh! Hôm sau, thấy trên mâm cơm vợ dọn ra, cũng có xôi chuối, thủ lợn - những thứ như người ta biếu hôm trước - thầy đã buột miệng: “Ủa! Sao... thủ giống... thủ, xôi giống... xôi?”. Lúc này, vợ thầy mới tùm tùm: “Thủ chẳng giống thủ, xôi chẳng giống xôi thì giống gì? Hay là giống cái con “ma trời” tối hôm qua?!” Nghe thế, biết là bị mắc lừa vợ, thầy ngượng quá, từ đấy trở đi không còn dám phét lác nữa!” Đề bài luận văn lần đó: “Em hãy tóm tắt nội dung truyện “*Phù thủy sợ ma*” và cho biết cảm tưởng của mình”. Lúc đầu Nó đã định bỏ giấy trắng không làm, nhưng gần đến giờ phải nộp bài, Nó bỗng dưng đổi ý. Thời gian 90 phút dành cho bài luận văn rốt cục được Nó nguệch ngoạc mấy chữ: “Thầy không sợ ma! Thầy chỉ sợ mẹ vợ voi dầy của thầy thôi!” Kết quả là Nó đã bị không (0) điểm với lời phê: “Không học bài!” Thấy điểm không to tướng như

quả trứng ngỗng trong tập bài kiểm tra của Nó, chẳng cần tìm hiểu nguyên do, bố Nó đã nọc Nó nằm sấp xuống đất để hỏi tội. Không phân bua, không khóc lóc, Nó đã “vui vẻ” nằm xuống và nhận đủ mười ngọn roi mây phần thưởng vào đít. Sau đó, hình như biết chuyện gì đã xảy ra với Nó, Nó đang tay bế tay dắt hai đứa em tha thân ngoài sân, bỗng nghe một giọng là lạ, không bình thường, như giọng của người nghệt mũi: “Phùng vào đây bố bảo!” Quả nhiên, bố Nó đã kéo Nó vào lòng, rất âu yếm, rất dịu dàng, một cử chỉ hiếm thấy ở bố Nó: “Lúc nãy bố đánh con có đau không?!” Rất bản năng, Nó đã lắc đầu và lần đầu tiên Nó thấy bố Nó... khóc!

Chưa kể, những bài học đó còn là đề tài, là cái cớ để Nó bị đám bạn bè cùng lớp đem ra châm chọc, chế diễu; là nguyên nhân dẫn đến những cuộc ẩu đả mà kết cục Nó luôn là kẻ bại trận, vì những trường hợp như vậy, thường thì đó là những đứa lớn hoặc khoẻ hơn Nó!

Bù lại, Nó học tương đối khá và có dịp kết thân với những người “bạn” mới. Đó là những pho truyện kiếm hiệp, truyện trinh thám và dã sử trong cái “rương” sách của nhà Nó. Lần đầu tiên, Nó biết đến một thế giới khác cùng với những nhân vật như: Tiết Đinh Sơn, Tiết Đinh Quý trong “Chinh đông, Chinh

tây”; Tống Địch Thanh, Phan Lê Hoa trong “Ngũ hổ bình Nam”, “Ngũ hổ bình Liêu”, Kim Hồ Điệp, Ngọc Kỳ Lân trong “Giao trì hiệp nữ” và “Bồng lai hiệp khách”; La Côn, La Sán trong “Phấn trang lâu”; La Thông trong “La Thông tảo Bắc”; Chiêu Quân, Tô Vũ, Mao Diên Thọ trong “Chiêu Quân công Hồ”. Rồi Tam quốc chí (với lời bàn sau mỗi hồi của Mao Tôn Cương), Thuyết Đường, Thủy hử, Đãng khấu chí (tục Thủy hử), rồi Tả Ao, Tiêu Sơn tráng sĩ, Người Nhạn Trắng, Vụ án mạng không có thủ phạm... cho đến những truyện thơ Nôm khuyết danh như: Nhị thập tứ hiếu, Tống Trân - Cúc Hoa, Phạm Tải - Ngọc Hoa, Nhị độ mai, Hoàng Trừu, Trê Cóc, Trinh Thử...

Nhờ đọc sách, Nó biết thêm được nhiều điều. Ở trường, người ta dạy Nó về nguồn gốc và xuất xứ của câu thành ngữ: “Con Rồng, cháu Tiên”. Đó là chuyện tình của Quốc phụ Lạc Long Quân và Quốc mẫu Âu Cơ. Chuyện kể:

Lạc Long Quân lấy Âu Cơ đẻ ra một cái bọc một trăm quả trứng, nở ra một trăm người con trai. Tuy vậy, hai người ít gần gũi nhau! Khi các con đã trưởng thành, một hôm Lạc Long Quân bảo Âu Cơ: “Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, tuy âm dương tương hợp nhưng thủy hỏa tương khắc, dòng giống bất đồng, chung hợp thật khó...”! Họ bèn chia tay! Một trăm

người con, một nửa theo mẹ lên rừng, một nửa theo cha xuống biển. Người con trưởng theo mẹ, được mẹ và các em suy tôn lên ngôi Vương, lập nên nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu, chính là Hùng Vương, tổ của người Lạc Việt...”

Người ta dạy Nó như thế, nhưng nhờ đọc sách, Nó còn biết được những điều mà ở nhà trường người ta không dạy, hoặc không muốn những đứa trẻ ở tuổi như Nó được biết:

Đế Nghi và Lộc Tục (Kinh Dương Vương) là hai anh em cùng bố khác mẹ. Đế Nghi là anh, Lộc Tục là em.

- Đế Nghi (anh) sinh ra Đế Lai; Đế Lai sinh ra Âu Cơ

- Lộc Tục (em) sinh ra Lạc Long Quân (Sùng Lãm)

Âu Cơ là cháu gọi Lạc Long Quân bằng chú ruột. Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, nghĩa là chú lấy cháu!

Như vậy, lịch sử “Con Rồng, cháu Tiên” với Nó bắt đầu từ một chuyện loạn luân...

## 4

Cách nhà Nó khoảng trăm mét là từ đường cụ Trạng được xây cất trên một khu đất rộng quãng hơn hai sào. Từ ngoài vào, đầu tiên là đại bái với bức đại tự (chữ Hán) “*Dĩ Phúc Tư Văn*” - là một ngôi nhà ba gian hai rĩ, lợp ngói mũi, kiến trúc theo lối kẻ truyền. Qua đại bái đến sân lọng. Hết sân lọng là hậu cung. Bên ngoài, phía trước từ đường là một cái ao hình bán nguyệt, có tên là ao Nghiên. Ngày xưa, ao được thả sen, và là nguồn nước ăn cho cả làng, nhưng từ khi có giếng khơi, người ta cho dọn bỏ để làm nơi tắm rửa, giặt giũ! Sở dĩ có cái tên ao Nghiên, vì theo thuyết phong thủy, ao có tượng cái Nghiên - quan hệ đến việc học hành, đỗ đạt của làng.

Cũng như đình chùa, từ đường cụ Trạng được người ta lấy làm trường học. Tấm bia đá từ thời Lê Hồng Đức ở đầu nhà đại bái bị bầy đồ và đưa ra làm bậc cầu ao! Chưa cập sách đến trường, đã được học “*chữ thánh hiền*” - hết “*Tam tự kinh*”, đến “*Tứ tự kinh văn*” rồi “*Sơ học vấn tân*” - Nó vẫn thường được bố Nó dặn: Nếu thấy tờ giấy có chữ thánh hiền rơi dưới đất, phải lượm lên, hoá bỏ, không được dẫm lên, hoặc dùng vào những việc ô ւế, bậy bạ. Vậy mà, bây giờ... tấm bia với những dòng chữ thánh hiền được khắc trên đó đã chẳng còn thiêng liêng nữa! Cho đến



một buổi sáng, một đứa trong lũ bạn học cùng lớp với Nó bỗng phát hiện ra “tảng đá” được kê làm bậc cầu ao, nặng phải bốn thanh niên lực lưỡng mới khiêng nổi ấy đã biến mất! Nhưng, chuyện đó rồi cũng qua đi, chẳng ai để ý! Thì - có gì quan trọng lắm đâu - khi giá trị của nó có hơn gì một phiến đá?!

Sự tích cụ Trạng: Tiên sinh họ Nguyễn huý Trục, tự Công Đĩnh, hiệu Hu Liêu. Nguyên quán: Xã Bối Khê, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Thiên, trấn Sơn Nam. Nhưng từ đời thân phụ (vì có nạn người Minh) đã thiên cư đến thôn Tiểu Động Mông, xã Nghĩa Bang, huyện Yên Sơn, Phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây lập nghiệp. Sinh ngày 16 tháng 5 năm Đinh Dậu (1417) tại chùa Long Đầu (huyện Yên Sơn) khi thân mẫu đến đây lễ. Đỗ: Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ, đệ nhất danh (Trạng nguyên) năm Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo thứ 3 (1442) đời Lê Thái Tông. Theo *“Lưỡng quốc trạng nguyên Hu Liêu tiên sinh phả”* thì khoa thi năm đó, kỳ Điện thí nhằm ngày mùng 2 tháng 2. Hôm đó vua ngự ra điện Hội Anh, thân hành ra đề sách vấn để định cao thấp. Trong số 33 người trúng cách, bài của tiên sinh được lấy đỗ đầu. Tương truyền thời gian được cử đi sứ Trung Quốc, gặp lúc nhà Minh mở khoa thi để chọn người tài, tiên sinh xin ứng thí, lại đỗ cao, nên được người đời gọi là *“Lưỡng quốc trạng nguyên”*. Làm quan đến Gia Hạnh đại phu,

Hàn lâm viện thừa chỉ kiêm Tế tửu Quốc Tử Giám. Mất giờ sử ngày 28 tháng 12 năm Quý Tỵ (1473) tại phường Thịnh Quang, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên, thọ 57 tuổi. Mộ táng tại xứ Muội Nguyên, xã Nghĩa Bang, huyện Yên Sơn, Phủ Quốc Oai. Sau cải táng về thảo đường cũ tại núi Thịnh Linh, thôn Đại Lại, xã Bạch Thạch, huyện Mỹ Lương (cùng phủ). Về trước tác có “Bảo Anh lương phương”, “Hu Liêu tập”, “Bối Khê tập” và “Ngu nhàn tập”. Khi thân phụ và thân mẫu qua đời, trong khoảng thời gian hai lần tiên sinh về cư tang, sĩ tử các nơi nghe tiếng kéo đến xin thụ giáo rất đông. Trong số đó, tiêu biểu cho đám môn sinh về gương nhà nghèo nhưng hiếu học, học giỏi và đỗ cao - người được tiên sinh chu cấp, giúp đỡ cho lương ăn và tiền giấy bút suốt thời gian thụ học - là ông Kiều Phú người trang Liệp Hạ (Sau đỗ Hoàng giáp năm Ất Mùi, niên hiệu Hồng Đức thứ 6 (1475) đời Lê Thánh Tông).

Sinh thời đỗ đầu đại khoa, được dự vào hàng quan cao, chức trọng, nhưng tiên sinh là người coi rẻ công danh, nhiều lần cáo quan xin về không được. Tâm sự đó đã được tiên sinh gửi gắm rải rác trong các thi tập. Đơn cử hai bài:

### **1. Ngẫu thành**

Bệnh thừa ân chiếu cử lưu kinh

Quy kế như kim nhất vị thành  
Hà nhật Sơn Tây, sơn hạ lộ  
Thoa y tiểu lạp khán xuân canh.

**Nghĩa:**

Có bệnh, ơn vua lưu lại kinh đô đã lâu  
Tính đường về quê đến nay vẫn chưa thành  
Biết đến ngày nào mới được đứng ở bên đường  
Sơn Tây

Mặc áo toi, đội nón lá xem người nông phu cày  
ruộng ngày xuân?!

**2. Vô đề**

Đại đình tăng đối tam thiên tự  
Phù thế hư kinh ngũ thập niên  
Bất thị vô tâm lai cảm sảnh  
Chỉ duyên đa bệnh ức điền viên

**Nghĩa:**

Ở sân vua từng làm bài đối sách ba nghìn chữ  
Giật mình về việc đã năm mươi năm trôi theo  
đuôi hư danh phù thế

Không phải là vô tâm đối với cung cấm nhà vua  
Chỉ vì lắm bệnh, nhớ cảnh điền viên.

...Cũng theo “*Lưỡng quốc trạng nguyên Hu Liêu tiên sinh phả*”: Từ đường cụ Trạng do vua Lê Thánh Tông đích thân chỉ định cho Báo thao đồng

Tổng tri Nguyễn Như Tông chọn trong số thợ ở bộ Công lấy mấy chục người thợ khéo về làm. Khởi công ngày 20 tháng 2 năm Ất Ty, niên hiệu Hồng Đức thứ 16 (1485) đến ngày 19 tháng 7 (cùng năm) - nghĩa là vừa đúng 5 tháng thì hoàn thành.

Tại đây, còn bài thơ bằng chữ Nôm do tự tay vua Lê Thánh Tông viết ban cho cụ Trạng:

*Đời đời Nho tông phát ập bang*

*Trong đạo đức có từ chương*

*Nói dòng thi lễ nhà truyền báu*

*Tranh giải khôi nguyên bảng chổi vàng*

*Nam Bắc hai triều danh dậy*

*Phong lưu một cửa họ sang*

*Từ đường ở đấy niêm Tây lạnh*

*Dấu cũ càng thơm xạ có hương...*

## 5

Ông bà Nó sinh hạ được ba người con, hai trai một gái. Bố Nó thứ hai. Trên bố Nó là cô Khai và dưới bố Nó là chú Thụ. Cô Khai thì Nó biết, vì vài năm một lần cô vẫn về chơi và mỗi lần về cô lại đưa Nó ra phố huyện, khi thì mua cho Nó chiếc mũ, khi thì đôi dép cao su, khi thì mảnh vải rồi dẫn Nó đến nhà ông phó may già giữa phố cắt cho Nó bộ quần áo. Mẹ Nó kể: Cô lấy bác Ván người cùng làng nhưng chê chồng! Khi mẹ Nó về làm dâu, cô đã bỏ nhà bác Ván trốn đi biệt tích! Vón là người rất nghiêm khắc với con cái, ông Nó đã tuyên bố từ mặt cô, coi như không có cô, như cô đã chết rồi, vì việc làm của cô, theo ông Nó, là đã làm điểm nhục gia phong.

Sau khi ông bà Nó qua đời, nhờ một người quen, chuyên buôn chuyến đường dài tuyến Hà Nội - Lào Cai mách là đã gặp cô ở ga Mậu Đông (Yên Bái) bố Nó liền com đùm, com nắm lặn lội lên tìm. Lúc này, cô đã lấy một người chồng khác. Bác My - người chồng sau của cô quê Nam Định, nghe đâu có chân trong Quốc dân đảng, không hiểu vì sinh kế hay do sự phân công của tổ chức, lên đây sống bằng nghề buôn bè. Không cưới treo, dạm hỏi, bác và cô gặp nhau, yêu thương nhau rồi nên vợ, nên chồng. Nơi cô ở là một xóm nhỏ tập trung dân tứ xứ, loi thôi mấy chục

nóc nhà nằm heo hút sát bờ sông, nhìn ra xung quanh chỉ thấy bạt ngàn những nứa là nứa, cách ga chừng độ hơn một tiếng đồng hồ đi bộ. Lần ấy, sợ phía nhà chồng cũ gây khó dễ, cô để bác My theo bố Nó về trước, vừa để cho biết cửa biết nhà, vừa để thăm dò... và cô đã tính đến chuyện sau chuyến đó sẽ thu xếp về để trả của nhà bác Ván. Nhưng rồi chiến sự diễn ra ngày càng ác liệt, việc đi lại khó khăn, mãi đến ngày hoà bình lập lại cô mới về được. Đến lúc đó, chuyện đã mười mấy năm, bác Ván chồng cũ của cô cũng đã lấy vợ, đã có con có cái cả rồi! Hơn nữa, cũng chẳng ai còn nhắc đến chuyện ấy nữa, nên việc đó rồi cũng thôi.

Nó nhớ, trong con mắt của mẹ Nó hồi đó, cô không phải là người giàu có nhưng cũng vào loại khá giả. Mỗi lần về, cô thường đem theo cao, mật ong, măng khô, mộc nhĩ, có lần cả mấy cái cẳng nai và cẳng lợn lòi sấy gác bếp - nghĩa là toàn những thứ đặc sản rừng - để làm quà. Anh em, họ hàng mời cô đến ăn cơm, vì cô hay cho Nó đi theo, mẹ Nó thường dặn Nó để ý xem cô có cho ai cái gì không (!?)

Nó nhớ, trước đó Nó chỉ biết đến những bộ quần áo ta được may bằng độc một thứ vải thô, nhuộm với nước củ nâu rồi phơi nắng nhiều lần. Áo mỗi kiểu cổ chó, hai túi dưới. Quần thì thắt giải rút lòng thòng

trước bụng, khi đi tiểu phải vén một ống lên. Nhờ cô, lần đầu tiên Nó biết đến “quần áo tây”. Đó là một chiếc quần vải xanh chéo, có hai túi sườn, một túi hậu và sáu “con đĩa” đính quanh cạp để lồng dây thắt lưng, có cúc đóng mở (chứ không phải thắt giải rút) và một chiếc áo sơ mi, cổ bẻ, vải phin trắng. Khi cô đưa Nó đi cắt, mẹ Nó dặn đi dặn lại: “Cô phải bảo người ta may cho cháu nó dài, rộng một tý, phòng lớn...”! Do đó, khi mặc thử, chiếc áo còn khả trợ, riêng chiếc quần, Nó phải vận lên đến ba gấu! (Về điểm này, mẹ Nó đã quá lo xa, bởi mặc dù đã rất giữ gìn, chiếc quần vẫn bị rách trước khi Nó đủ lớn để buông nốt hai gấu còn lại!) Nó nhớ, sau đó mẹ Nó bắt phải để dành đến tết mới được mặc. Trước tết một tháng, Nó đếm giật lùi từng ngày: 30, 29, 28,... 20, 19, 18,... rồi đến 10, 9, 8,... mong cho đến 1 - tức 30-tết - ngày Nó được lấy xuống mặc, và mỗi lần như thế, Nó lại chạy vào buồng, nơi bộ quần áo được vắt trên chiếc dây thừng, áp mặt vào đó để hít hà cái mùi hồ của vải đến nỗi bây giờ nhắm mắt lại, Nó có thể “gọi” được cái mùi “ấy” ra, hoặc một khi khứu giác của Nó bất chợt “chạm” phải cái mùi “ấy” ở đâu là những kỷ niệm kia lập tức sống lại...

Chú Thụ thì Nó không biết mặt, bởi chú đi từ lúc Nó còn chưa đẻ rồi bật tin luôn! Nghe nói, chú là

người hiếu động, hay nghĩ ra những trò nghịch ngợm tinh quái, và... rất lý! Ngày ngày, nếu không lên động Hoàng Xá trong dãy núi Tượng Linh sau nhà bắt chim, bắt sáo, chú lại vác cần câu đi câu ném. Chú rất “sát” chim và cá, không đi thì thôi, đã đi là có chim hoặc cá mang về. Mẹ Nó kể: Chú mắc tật nói ngọng, nhưng khoẻ và chịu khó. Là hai anh em, song tính nết bố Nó và chú không giống nhau một tí nào! Bố Nó thích ăn diện, lại bài bạc, nhân tình nhân nghĩa. Còn chú thì quanh năm quần nâu áo vá, thấy con gái đã đỏ mặt, không biết rượu chè, cờ bạc là gì. Vậy mà, ông Nó lại quý bố Nó hơn chú, bởi - theo ông Nó - chỉ có bố Nó là nổi được nghiệp nhà. Khi mẹ Nó về làm dâu, bố Nó đã theo ông Nó đi cúng các nơi và lúc cần có thể đi một mình, không cần phải ông Nó đi kèm. Ngược lại, chú chỉ rình ông Nó không để mắt đến là trốn đi chơi! Chẳng những thế, chú lại còn thường xuyên “dính” vào những cuộc ẩu đả, mà kết cục là đối thủ - kể cả những đứa lớn hơn - đều bị chú đánh cho brou đầu, sút trán, khiến ông Nó không ít lần phải đích thân đến tận nhà người ta để van xin! Do đó, hễ chú đi đâu thì chớ, còn chú cứ thò mặt về là y như lại bị ông Nó mắng chửi! Cho đến một hôm, chỉ có mẹ Nó ở nhà, chú gấp hai bộ quần áo vào chiếc tay nải, xin mẹ Nó một cái nón, chú bảo:



“Em theo người ta vào Nam Kỳ làm ăn, lúc nào thầy mẹ và anh về, chị nói lại giúp em...” Nghe chú nói, mẹ Nó hơi bị bất ngờ! Chẳng biết chú có tiền nong gì không? Mới về làm dâu, mẹ Nó cũng chẳng có tiền để mà cho chú và cũng không dám gàn bởi biết có gàn cũng không được! Rồi từ đây chú biệt tăm luôn! Duy chỉ có một lần sau ngày chú đi được hai năm, một người cùng làng ở trong đó ra nói là có gặp chú và cho biết sau đó chú đã sang Xiêm...

Mẹ Nó bảo: Thực tình, mắng chửi thì mắng chửi, nhưng trong thâm tâm ông Nó rất thương chú. Bằng chứng là ông Nó vẫn nhắc đến chú trước khi mất! Còn bà Nó, quanh năm đôn gánh trĩu vai, tất tả ngược xuôi nay chợ này, mai chợ khác, chắt chiu nhặt nhạnh từng xu, từng đồng, mua được một sào ruộng cấy trầu - thuốc hạng nhất đẳng điền - để phòng khi chú về, có cái bán đi lo vợ cho chú. Chuyện này, mãi đến khi ốm nặng, biết là không qua khỏi, bà Nó mới “dối” lại cho bố mẹ Nó biết.

Một dạo, Nó thấy bố Nó rất chăm đọc nhật trình. Đó là thời gian kiêu bào ta ở Thái Lan (Xiêm) và Tân Đảo về nước. Bố Nó hy vọng sẽ gặp lại chú. Nhưng, niềm hi vọng ấy đã tắt ngấm khi danh sách những người về chuyến cuối cùng được đăng trên báo vẫn không có ai tên là Lạc Âu Thụ người Sơn Tây! Đúng

lúc đó thì thím và hai em Nó (vợ và con chú) tìm về. Đưa cho bố mẹ Nó bức ảnh chân dung chú cùng với bút tích của chú, qua những lá thư chú gửi cho thím và chờ ở bố mẹ Nó một sự khẳng định là thím đã tìm đúng địa chỉ, thím cho biết thím về nước đã được hơn một tháng, nhưng về thẳng quê ngoại. Theo đó, thím là người Kẻ Sặt (có tên mới là xã Trần Phú), thuộc huyện bên, cách nhà Nó ngót hai chục cây số. Thím kể, thím hơn chú 5 tuổi và trước khi gặp chú, thím đã có một đời chồng (người cùng làng, cũng sang đây làm ăn), nhưng hai người đã chia tay nhau sau khi có với nhau một đứa con trai! Cùng thời gian này, chú được bên nước giao nhiệm vụ sang Thái Lan hoạt động trong tổ chức Việt kiều yêu nước và một trong những địa chỉ đầu tiên chú tìm đến để gây cơ sở là thím. Thím nhớ khi gặp chú, chú đang bị lên ô gà ở cả hai nách và bị sốt cao, thím phải đưa chú về nhà để chạy chữa. Cũng từ đó, thím được chú giác ngộ và trở thành người liên lạc cho chú. Về việc chú thím đến với nhau, thím bảo thím cũng không hiểu tại sao chú lại yêu thím! Khi nghe chú ngỏ lời muốn lấy thím làm vợ, thím đã từ chối bởi tuổi tác của hai người quá chênh lệch, nhưng chú bảo nếu không lấy được thím, chú sẽ ở vậy suốt đời...

Lấy nhau bốn năm, có với nhau hai mặt con (là thằng Đạo và cái Bích bây giờ) nhưng thời gian thím

và chú được ở bên nhau rất ít, vì theo thím: “Chú cứ đi suốt, không mấy khi ở nhà”! Cho đến đầu năm 1953, dưới danh nghĩa quân tình nguyện, chú được điều sang tham gia chiến dịch Thượng Lào và đã hy sinh (Theo giấy báo tử là ngày 3/5/1953) tại Sầm Nưa, khi thăng Đạo mới hơn 2 tuổi, còn cái Bích mới được 6 tháng! Cũng theo đó, chú đã là đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương từ năm 1946.

Như vậy, rõ ràng chú là người “của ta”! Như vậy, gia đình Nó cũng có người tham gia hoạt động cách mạng! Hơn nữa, là một đảng viên, một liệt sĩ! Và - như vậy - những định kiến với “giai cấp phong kiến bóc lột” trong lý lịch nhà Nó hẳn sẽ bớt phần nặng nề, nếu không muốn nói là sẽ được cải thiện, sẽ được định giá lại (?) Bố Nó đã nghĩ thế (Ôi! Bố tội nghiệp) và đã đi khắp làng, gặp cả chính quyền (với cái cơ là trình báo giấy tờ khi có người lạ ngủ lại qua đêm!) để mời mọi người đến uống nước (nhân sự kiện thím và hai em Nó tìm về) và để... ngâm lấy chú ra làm cái mác bảo hiểm cho “lô hàng hoá kém phẩm chất” là cái... lý lịch gia đình nhà Nó!

Sau khi thím và hai em Nó trở lại quê ngoại (thím đã đăng ký hộ khẩu ở đó), bố Nó đã lập một bàn thờ riêng cho chú, trên đó là ảnh của chú với dòng chữ: “Đảng viên, liệt sĩ Lạc Âu Thụ” ở một vị trí trang

trọng ở gian biên. Chỉ có điều, ảnh thì nhỏ mà hàng chữ lại to, choán gần như hết lòng khung (hồi đó, chỉ ảnh các lãnh tụ mới được phóng to!) nên trông rất phản cảm!

Phải mãi về sau, Nó mới hiểu bố Nó đã kỳ vọng vào cái mác “liệt sĩ” của chú như kỳ vọng vào một thứ bùa yểm...

## 6

Niên khóa 1964 - 1965

Nó học lưu ban lớp 6 (hệ 10 năm) mặc dù điểm tổng kết hai học kỳ và cả năm cho các môn không có môn nào dưới trung bình, chưa kể ba môn: Văn, Sử và Sinh vật còn thuộc diện nhất nhì lớp nhưng Nó phải lưu ban vì bị xếp vào loại... hạnh kiểm kém!

Nó không ngờ đó cũng là năm cuối cùng của cuộc đời học sinh của Nó!

Hồi đó, các trường chưa có cơ sở nội trú cho giáo viên như sau này. Bởi vậy việc ăn ở của các thầy cô giáo, nếu không phải là người địa phương đều phải dựa vào chính quyền sở tại, nhằm vào những gia đình có con em đi học, nhờ ngoại trú. Ở trọ nhà Nó là thầy Diên, người khu trong, mới chuyển về trong niên học này. Không hiểu ngẫu nhiên hay là có sự dàn xếp nào đó giữa ông đội trưởng đội sản xuất với bố mẹ Nó khi đặt vấn đề cho một thầy giáo đến ở mà lại là thầy chủ nhiệm lớp Nó. Buổi tối hôm thầy dọn đến, Nó nhớ sau ngày khai giảng khoảng trên dưới một tháng. Trước đó, không hiểu thầy trọ ở đâu và không hiểu vì lý do gì mà thầy phải đổi chỗ? Chuyển đồ cho thầy là mấy đứa con gái cùng lớp. Cho đến lúc đó Nó mới biết thầy chủ nhiệm đến ở nhà mình. Ghen tị với lũ con gái vì không được thầy bảo đi chuyển đồ cho thầy, Nó

ngĩ “chắc thầy chỉ nhờ một hai đũa nhưng chúng nó rủ nhau cùng đi cho vui, bởi bọn con gái là chúa hay xí sớn, chứ đồ đoàn của thầy chỉ có ít sách vở và chiếc hòm gỗ thay cho va ly trong đựng tư trang và vài bộ quần áo chứ có nhiều nhận gì!” Song, liệu có phải vì thế, liệu có phải vì không muốn để cho mọi người thấy rõ sự nghèo khó của mình hay còn vì một lý do nào đó khác khi từ nơi ở cũ chuyển đến nơi ở mới mà thầy dọn đến nhà Nó vào ban đêm?

Kể từ sự có mặt của thầy, mọi sinh hoạt của nhà Nó có những thay đổi

Thầy ăn chung với nhà Nó.

Mỗi tháng, ngoài tiêu chuẩn lương thực 13,5kg cả màu (độn) thầy đưa cho mẹ Nó 22 đồng gọi là tiền thức ăn.

Bữa sáng, mẹ Nó lựa từ nồi khoai lang đã được luộc từ tối hôm trước những củ ngon nhất, xếp vào đĩa, bảo Nó bung lên chiếc bàn uống nước kê ở chính gian giữa, mời thầy; còn bố mẹ Nó và mấy anh em Nó xúm quanh mớ khoai còn lại đã được mẹ Nó trút ra một cái rổ, ngồi ăn luôn tại bếp.

Bữa trưa và bữa tối là hai bữa chính thì cả nhà Nó và thầy ngồi cùng mâm. Thức ăn chủ đạo vẫn là vại dưa, vại cà, chum tương, hũ mắm cua tự cung tự cấp lúc nào cũng sẵn trong nhà; còn rau củ quả thì mùa nào thức nấy đã có mấy thước đất phân trăm

không những là nguồn cung cấp thực phẩm hằng ngày mà còn là nguồn thu nhập chính của nhà Nó. Nhưng bây giờ trên mâm cơm mỗi bữa đã có khi thì đĩa trứng trắng, lúc thì đĩa cá kho hoặc thịt, hoặc đậu phụ dim tương mua theo tiêu chuẩn tem phiếu thực phẩm của thầy, hoặc mua ngoài chợ đen. Không còn nữa cảnh mẹ Nó cắp rổ ra chợ chỉ dành cho những dịp giỗ tết hoặc mỗi khi có khách! Duy khẩu phần lương thực, ngoài thêm vào tiêu chuẩn của thầy, định mức cũ vẫn được giữ nguyên, không có gì thay đổi! Bởi thay đổi làm sao được trong khi khẩu phần lương thực của cả nhà phụ thuộc vào cái gọi là định suất của Hợp tác xã!

Nhà Nó tuy không thuộc vào diện những gia đình khá giả ở làng nhưng chưa đến nỗi phải dứt bữa, chưa đến nỗi bố mẹ, vợ chồng, con cái phải chia nhau từng bát cơm hoặc tùy theo là lao động chính hay phụ trong gia đình, đặt ra quy ước mỗi bữa được mấy lần đơm, ăn xong tự giác mà đứng dậy, đừng có lại chia bát ra làm ảnh hưởng đến khẩu phần của người khác, nhất là những khi nhà có khách.

Song, bữa nào ăn xong, trước khi đứng dậy, nhìn vào nồi cơm, Nó vẫn thấy đói, vẫn thấy thèm cơm, mặc dù một phần cơm thì hai, ba phần khoai hoặc sắn! Cái “ngữ” khẩu phần lương thực mỗi bữa được mẹ Nó ấn định từ khi chưa có thầy đến ở đã thế và giờ có thầy vẫn thế! Mẹ Nó vẫn không thể thêm một hai lế

gạo hoặc vốc khoai hay sắn vì làm gì có tiền dư dật để bỏ xung cho khẩu phần lương thực vốn dĩ đã bị thiếu hụt "cung thấp hơn cầu" ngoài chợ đen! Nhưng Nó thấy vui vì sự đối xử của bố mẹ Nó với thầy giáo chủ nhiệm, nên để vui lòng bố mẹ, Nó đã cố gắng phụ giúp bố mẹ Nó cả những việc nhiều khi không phải của Nó (hồi đó chỉ học có buổi sáng hoặc chiều chứ không học cả ngày mà vẫn học thêm như bây giờ) và trong học tập Nó cũng tỏ ra có tiến bộ hơn bởi không còn mặc cảm bị thầy cô và bạn bè kỳ thị như trước khi có thầy đến ở.

Nhưng được quãng ba tháng, một buổi tối Nó thấy mẹ Nó nói với bố Nó “Này thầy em, trước đây nhà mình ăn uống qua quýt thế nào cũng xong nhưng từ ngày có thầy giáo thằng Phùng, tôi nghĩ "người ta" dạy con mình, mà “*muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy*” nên cũng đã cố làm sao để bữa ăn được thay đổi, nay món này, mai món khác chứ không thể úi xùi như trước. Vẫn biết là mỗi tháng thầy đưa cho hai mươi hai đồng, song không lẽ chỉ mua thức ăn cho thầy mà phải lo cho cả nhà thì tốn quá! Nếu lâu dài thì lấy đâu ra tiền! Hay là, tôi bàn với thầy em thế này: Từ ngày mai đến bữa, mình dọn để thầy ăn trước, còn vợ chồng con cái ăn sau...”

Rồi không hiểu mẹ Nó đã nói với thầy giáo chủ nhiệm của Nó thế nào mà sau đó nhà Nó và thầy



chuyển sang chế độ nấu chung ăn riêng! Vẫn trên chiếc bàn dành để ngồi uống nước được kê ở chính gian giữa, nếu thầy về sớm, mẹ Nó sắp mâm bung lên mời thầy, nếu thầy về muộn vì phải dạy tiết cuối hoặc phải họp hành gì đó, mẹ Nó sắp mâm bung lên đặt trên bàn, úp lồng bàn cẩn thận phần thầy. Có lần vô tình thầy và Nó cùng về khi nhà Nó đã xong bữa, thầy gọi Nó lên ăn cùng nhưng mẹ Nó ngăn lại “Xin phép thầy để cháu ăn dưới này” và thầy ăn một mình trên nhà, Nó ăn một mình dưới bếp. Ấy là buổi sáng, buổi chiều thầy ở nhà chấm bài, soạn bài; Nó thì lo phụ giúp bố mẹ Nó những việc vặt trong nhà như trông em hoặc com nước để bố mẹ Nó đi làm, còn học bài làm bài vào buổi tối, nên thường thì - dù sáng hay chiều - mẹ Nó cũng dọn để thầy ăn trước và chờ cho thầy ăn xong - bao giờ Nó cũng là người dọn mâm - nhà Nó mới ăn. Nó để ý từ ngày nhà Nó và thầy chuyển sang chế độ nấu chung ăn riêng, mâm com nhà Nó lại trở về chế độ tự cung, tự cấp như trước khi thầy đến ở! Riêng thầy, ngoài khẩu phần thức ăn chung cho cả nhà, còn có riêng tiêu chuẩn tem phiếu của những ô thực phẩm và 22 đồng đưa cho mẹ Nó mỗi tháng, nhưng bao giờ dọn mâm Nó cũng thấy hiếm khi thầy mới ăn hết. Com thì thừa bữa lưng, bữa dặc; thức ăn thì vài miếng mà nào có nhiều nhận gì cho cam! Phần thừa đó, com thì mẹ Nó sẽ cho mấy anh em Nó mỗi

đưa một ít, còn thức ăn họa hoàn lắm mẹ Nó mới để lại cho mấy anh em Nó ăn nốt, còn thì mẹ Nó gạt vào xoong thức ăn riêng tiêu chuẩn của thầy rồi cất đi và bảo mấy anh em Nó “nhà người ta cơm còn không có mà ăn! Nhà mình ít nhiều cũng ngày ba bữa có cái mà cho vào bụng là phúc lắm rồi...”

Vậy mà được quãng một tháng, một hôm Nó lại nghe mẹ Nó nói với bố Nó:

"Này thầy em, cứ như những gì tôi nghe người ta nói thì thằng Phùng nhà mình có học thể chứ học nữa rồi cũng về theo đít con trâu!"

Bố Nó nhìn mẹ Nó: “Mẹ em định cho Nó bỏ học?”

“Không bỏ! Nhưng học được đến đâu thì học chứ không vì lo cho Nó mà mình phải khổ...!”

“Có gì mà khổ?” - Bố nó ngập ngừng.

Lúc này mẹ Nó mới đưa ra quyết định của mình:

“Tôi nay tôi sẽ nói chuyện với thầy giáo thằng Phùng để thầy nấu riêng, ăn riêng. Tôi cũng mệt lắm rồi, không thể lo phục vụ cho thầy được nữa!”

Quả nhiên, từ hôm sau Nó thấy thầy không ăn ở nhà Nó!

Đến bữa, thầy không thổi nấu mà đi ăn ở đâu hoặc nhờ một thầy cô nào đó thổi nấu giúp không rõ, nhưng được vài ngày thầy đã nói chuyện với bố mẹ Nó xin được chuyển nhà! Buổi tối hôm thầy dọn đi

(lại buổi tối), chuyển đồ cho thầy vẫn là mấy đứa con gái cùng lớp nhưng thay vì ghen tị với chúng nó hôm thầy dọn đến là cảm giác tủi hổ như bị coi thường, bị ghét bỏ vì mặc cảm bố mẹ Nó đã đối xử không phải với thầy! Ngồi trong buồng, dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu và cuốn vở mở sẵn để trước mặt nhưng Nó chẳng còn tâm trí nào để mà học nữa! Ngoài nhà, cách chỗ Nó ngồi chỉ vài bước chân là bọn con gái cùng lớp mà bây giờ sao cách biệt, xa lạ! Nó nghe rõ tiếng chúng nó vừa dọn đồ cho thầy vừa cười đùa như trêu ngươi, như chọc tức, như hả hê, sung sướng vì thầy đã dọn đi không ở nhà Nó nữa! Và khi dọn xong, khi đã kéo khỏi nhà Nó, khi Nó không còn nghe thấy tiếng léo nhéo của chúng nó nữa thì bất ngờ thầy bước vào, đặt tay lên một bên vai Nó: “Thầy đi, chịu khó mà học Phùng nhé!” Trước đó, mặc dù đã cố kìm nén nhưng trang vở trước mặt vẫn nhòe nhoẹt nước mắt. Đến lúc này Nó mới có dịp nấc lên, tức tưởi, ghen ngào...

Những ngày sau đó tuy vẫn đến lớp đều đều nhưng Nó cảm thấy không chỉ lũ con gái đến dọn đồ cho thầy mà cả lớp đều nhìn Nó với ánh mắt ghe lạnh! Nó nảy sinh tâm lý chán học và cũng không còn thiết tha gì việc phụ giúp bố mẹ nó những việc vặt trong nhà như trước. Lực học của nó sa sút trông thấy! Nó trở nên một đứa trẻ lêu lổng, bất cần...

Rồi như là định mệnh, buổi học hôm đó có tiết sinh vật. Cũng như thường lệ trước khi học bài mới, thầy ra một câu hỏi kiểm tra liên quan đến những bài đã học trước và chỉ định Nó trả lời. Câu hỏi là: "Em hãy cho biết quá trình tiến hóa từ vượn thành người?" Không hiểu sao Nó lại đứng lên trả lời không như những gì đã học:

"Thưa thầy, người là người, vượn là vượn. Không có chuyện nhờ quá trình lao động mà vượn biến thành người! Bởi nếu tổ tiên chúng ta là vượn thì chẳng hóa chúng ta là những quái thai (vì vượn đẻ ra người) hoặc là một bầy vượn mất gốc, bởi nếu không mất gốc thì chúng ta phải là những con vượn!"

Có lẽ không chờ một đáp án ngoài luồng như thế, sau thoáng sững sờ, thầy đã chỉ mặt Nó: "Bố cậu ăn cơm mòn cả bát đũa thiên hạ mà không biết dạy con! Hình như tôi còn nghe đâu bố mẹ cậu đuổi cả thầy giáo chủ nhiệm..."

Không nói không rằng, Nó vơ đồng sách vở trước mặt và dưới ngăn bàn vào cặp rồi nghênh ngang bước ra khỏi lớp. Được một đoạn, nghĩ thế nào Nó mở cặp lôi đồng sách vở ra giật xé lung tung rồi vút vung vút dọc đường về...

Cái ngày định mệnh ấy, chỉ còn vài ngày nữa là kết thúc học kỳ I.

## 7

*Trâu ơi, ta bảo trâu này  
Ấn no, nhớ đồng phân đây cho ta  
Hót phân vốn dĩ nghiệp nhà  
Ta đây trâu đấy ai mà quản công  
Sớm chiều hai gánh nặng phân  
Thì còn ngọn cỏ ta dành trâu ăn*

(Nguồn: Ca dao)

Công việc của Nó bây giờ là ngày hai buổi với đôi quang gánh xin đi lùa trâu cho những đứa nhà nhận nuôi trâu cho Hợp tác xã, để lấy phân về đổ chuồng lợn, cân cho hợp tác xã, đến vụ đôi lấy thóc.

Dong trâu ra đồng, lũ trẻ có trâu thả cỏ cho Nó rồi tìm nơi tránh mưa, tránh nắng dưới các lùm cây hoặc trong những cái diêm canh kê bày những trò chơi như: chọi cỏ gà, cờ quân sự, ô ăn quan, đánh bi, đánh đáo...

Cùng tham dự vào những trò chơi đó nhưng Nó phải luôn đề mắt canh chừng những con trâu đang hiền lành gặm cỏ tản mát dọc triền kê hay trên các bờ nương bờ máng, không để chúng tạt ngang tạt ngựa sà xuống ăn lúa hoặc hoa màu. Rồi những ngày đông giá rét, gió bắc thổi hun hút trên những mảnh ruộng chỉ còn trơ gốc rạ sau vụ gặt, răng đánh vào nhau lập cập, Nó cùng lũ trẻ chia nhau đi vơ củi rác, bới trộm

khoai của Hợp tác xã, ngồi đốt sủi nướng ăn. Nhưng, thường thì Nó lạng lẽ rời ruộc chơi, rồi nằm bò trên lưng một con trâu nào đó với quyển truyện lôi ra từ trong cặp quần hoặc mượn được hoặc đổi cho nhau mượn với những đứa cũng hay đọc truyện như Nó, lúc thì cùng Rôbinson Cruxô sống trên hoang đảo, lúc thì dõi theo lão Silver cụt chân trong suốt quá trình tìm đến với “Đảo giấu vàng” hoặc đắm chìm với những nhân vật trong “Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam” của Nguyễn Đông Chi...

Mùi trâu, mùi phân trâu, mùi nước đá trâu - đặc trưng của những thứ mùi đó và những con rận màu trắng, nhỏ li ti đã ăn sâu vào tiềm thức của Nó đến nỗi nhiều chục năm sau và ngay cả đến bây giờ - nếu muốn - Nó có thể “gọi về” bất cứ lúc nào và nhắm mắt lại Nó vẫn thấy như trên lưng trâu những con rận đang bò...

Thứ mùi đặc trưng đó, với Nó, rất gần gũi chứ không khó ngửi như đặc trưng của mùi những con vật ăn thịt.

Vậy mà cũng không ít lần những con trâu đã phụ công Nó.

... Trưa. Đã đến tầm lũ trẻ dong trâu về. Gánh phân trên vai bên nhẹ, bên nặng. Kệnh! Nó còng lưng, vì phải dùng cả hai tay vít phần đòn gánh một bên xuống cho cân bằng, lẻo đẻo theo sau con trâu còn

chưa trả công cho Nó. Nắng và nóng. Đến một chuôm nước ven đường, con trâu bỗng nhiên dừng lại, quay đầu và à xuống. Hốt hoảng nhưng nhanh trí, Nó đặt vội gánh phân và gỡ ngay chiếc nón mê đang đội trên đầu xuống, à theo. Nhưng không kịp! Con trâu đã dặng hai chân sau vừa tè vừa “bĩnh” xuống chuôm trước khi trằm mình trong chuôm nước vừa ngoáy cái mũi lên thở phì phì. Nó đứng lặng như trời trồng rồi quay lại nơi gánh phân, lấy đôi cặp hót (là hai chiếc xương sườn trâu) san lại hai bên gánh phân cho cân và để giấu đi những giọt nước mắt mà Nó không muốn để cho những đứa khác nhìn thấy. Lúc này Nó mới nhận ra đã bị ướt sũng từ bụng trở xuống kể cả quyền truyền dất trong cặp quần...

Rồi, cũng tầm dong trâu về, một con vẫn chưa chịu “bĩnh” mặc dù Nó đã dất xuống tràn ruộng gặt rồi còn sấm sập nước để hỗ trợ nhưng con trâu vẫn cứ ì ra. Tháng 10 ngày ngắn, trời đã gần chạng vạng. Nó đành phải quảy gánh phân lẻo đẻo theo thằng có trâu. Đến lối rẽ về nhà Nó, con trâu vẫn không chịu ị! Thằng có trâu lại khác xóm, Nó đành phải bám theo. Còn khoảng độ mười bước chân thì đến nhà thằng kia, con trâu mới chịu dừng lại và dặng hai chân ra. Nó vội đặt gánh phân xuống, cầm lấy đôi cặp hót chờ sẵn.

“Hôm nay mày làm gì ở ngoài đồng mà giờ mới về?” - mẹ thằng có trâu từ trong cổng đi ra, giọng the

thé. Chợt nhìn thấy Nó với đôi cặp hót trên tay, bà ta sấn đến:

“Này thằng kia! Ai cho mày hót phân nhà tao!” - Rồi bà ta giang tay giáng cho thằng con trai một cái tát: “Rõ là đồ khôn nhà đại chợ!” và không nói không rằng, bà ta nhặt lấy một cọng rom dưới đất cắm vào bãi phân trâu để báo rằng đồng phân đã có chủ.

Nó quảy gánh phân lộn lại đường về nhà, vừa đi vừa khóc.

Ấy là chưa kể có những nhà bớt rom trâu để làm chất đốt, đến vụ thu hoạch khoai lang vợ về hàng gánh dây già (dành để dầm xuống ruộng làm phân) cho trâu ăn, gặp phải con yếu dạ, bị té re...

Lại một chuyện liên quan đến bố Nó mà mãi sau này Nó mới hiểu.

Lần ấy, nhờ lừa cho nhiều đứa có trâu, Nó hót được một gánh phân nặng. Đến nỗi cứ quảy được một đoạn Nó lại phải đặt xuống để nghỉ. Nghĩ đến sẽ được bố mẹ khen nên mặc dù nặng Nó vẫn cố! Bỗng, “rắc” một tiếng, hai đầu quang trĩu xuống. Chiếc đòn gánh không gãy hẳn nhưng bị rạn, tước phần bọng về hai đầu, chỉ còn nguyên phần cật. Nó vội nhờ một đứa nhẵn mẹ nó mang cho chiếc đòn gánh khác và ra quảy cho Nó.

Bố Nó mang ra chiếc đòn gánh khác, bảo Nó:

“Mẹ con đi làm chưa về!”



Nó ngáp ngừng:

“Bố gánh đỡ con!”

Đến lượt bố Nó nhìn Nó:

“Nặng lắm hả con? Nếu nặng, con chịu khó “đâm độ” từ đây về nhà, mệt đâu nghỉ đấy! Bố về, nếu mẹ có nhà, bố bảo mẹ đi đón” - Rồi cầm lấy chiếc đòn gánh bị rạn, bố nó cung cúc quay về.

Cuối cùng, dù phải đâm độ, dù phải mệt đâu nghỉ đấy, Nó cũng lết được gánh phân về đến nhà.

Mẹ Nó vẫn chưa đi làm về. Khác với mọi lần, Nó không đổ ngay chỗ phân hót được vào chuồng lợn mà để nguyên cả gánh trước cửa chuồng để khoe với mẹ Nó.

Song Nó cứ âm ức về chuyện sao bố Nó không quảy đỡ Nó?!

Mãi về sau Nó mới vỡ lẽ: “Bố Nó dù sao cũng phải giữ thể diện của một ông thầy - thầy cúng!”.

## 8

Sau một năm, ngày hai buổi đi hót phân trâu về đổ chuồng lợn, Nó khai tăng tuổi lên mười bảy, làm đơn xin "đi công nhân" để được "là người nhà nước", mặc dù cũng chẳng biết cái "Đoạn bảo dưỡng đường bộ một" ấy là gì! Đó là ngày 18 tháng 11 âm, tức là ngày 10 tháng 12 dương lịch (năm 1965) được Nó ghi nguệch ngoạc bằng mẩu than củi lên bức tường bếp, vách trát đứng nhà Nó như là một kỉ niệm.

Hành trang vào đời của Nó, ngoài bộ quần áo "Tây" mất đứt tiêu chuẩn phiếu vải ô 4 mét của cả nhà (6 người trong một năm) - dành cho Nó là mới, còn tất cả đều là những thứ đang dùng, được gấp lại, bó trong tấm vải mưa và chằng ngoài là sợi dây đay cắt ra từ một chiếc võng hỏng!

Xe khách Hà Đông - Sơn Tây chạy bốn chuyến/ngày, nhưng phải đến chuyến cuối cùng mới vãn khách và mới dừng lại cho đoàn của Nó lên xe. Đến bến xe thị xã đã hơn 5 giờ chiều. Xuống xe, Nó rùng mình vì lạnh. Lần đầu được đi ô tô, biết thị xã và thế nào là đường nhựa vì con đường 21B chạy qua phố huyện - quê Nó - ngày đó vẫn còn rải cấp phối.

Đến đây, vị trưởng đoàn nhắc mọi người giữ lại vé xe (Nó nhớ là 5 hào hai xu, đoạn Quốc Oai - Sơn Tây) để sau này thanh toán và cho biết là phải ngược

trở lại 2km (nơi xe vừa chạy qua) về nơi tập trung là Điểm Tổng - Hạt giao thông thị xã. Cả đoàn tay xách nách mang, lồi thoi lếch thếch quay lại. Gió từ những cánh đồng trồng trái hai bên đường, sau vụ gặt thổi lồng lộng. Rét, rét đến đau cả lưng. Hai hàm răng đánh vào nhau lập cập, Nó run lên vì rét. Đến nơi tập trung, ngoài đoàn của Nó là các đoàn những huyện khác. Người ta đã lo chuẩn bị cơm nước cho các đoàn: năm người một "mâm", không phân biệt quen lạ, cứ thế mà ăn. Nó không nhớ hôm đó người ta cho ăn những gì. Chỉ nhớ trời rét. Lại buốt nữa! Chiếc áo Đông Xuân cổ lọ không đủ ấm khiến Nó nhớ tới cái ổ rơm ở góc bếp nhà mình. Cơm canh nấu sớm (chắc thế) lại phải dỡ ra để chia nên nguội ngắt, nguội nguội! Bụng thì đói nhưng vừa ăn vừa run lại ngồi cùng với toàn người lạ, nên Nó trệu trạo cố nhai cho hết bát cơm rồi buông đũa đứng dậy!

Đêm hôm đó, đêm đầu tiên xa nhà, không hiểu sao Nó cứ lan man với ý nghĩ "thế là Nó đã xa gia đình, xa bố mẹ, xa ba đứa em. Từ nay, Nó đã tự lập. Bố mẹ Nó không còn phải nuôi Nó nữa. Nó đã lớn. Xa lắm rồi những ngày đôi quang gánh trên vai đi hót phân. Xa lắm những trò chơi, những nghịch ngợm trẻ con. Xa lắm những ngày vừa đi học vừa phải trông em, bố mẹ ra khỏi nhà là bé em lên võng "À...oi..."

ép chúng nó ngủ để đọc truyện, quên cả cho ăn bột, bị bố đánh phải nhin com bỏ nhà trốn đi....

Không hiểu bây giờ ở nhà bố mẹ Nó và các em Nó đang làm gì? Liệu có nhắc đến Nó? Ôi, tất cả chỉ vừa mới hôm nào mà giờ đây như đã xa lắc, xa lơ, nên.....phải mãi gần sáng Nó mới thiếp đi....

Sáng hôm sau, lần đầu tiên Nó biết thế nào là đánh răng! Bởi ở nhà, bố mẹ Nó, Nó và các em Nó xưa nay ngủ dậy chỉ xúc miệng! Theo người ta ra giếng, vì đông người phải đợi nhau từng gàu nước, Nó phải nhìn những người khác lấy "thuốc" đánh răng ra bàn chải như thế nào để làm theo. Cầm cái bàn chải đã lóng ngóng và vì là lần đầu tiên nên lợi Nó bị chảy máu đỏ cả bàn chải! Sau đó, Nó được người ta phát cho nửa cái bánh mì loại 225 gram ăn sáng...

Một tuần sau đó, tất cả các đoàn đều phải qua một khóa học ngắn hạn để nghe lên lớp về tầm quan trọng của ngành giao thông nói chung và ngành giao thông vận tải đường bộ nói riêng. Rồi các loại biển báo. Rồi trước tình hình đế quốc Mỹ thua to ở miền Nam sẽ ngày càng leo thang tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng việc tăng cường cho máy bay oanh tạc miền Bắc mà một trong những mục tiêu là nhằm cắt đứt mạch máu giao thông vận tải, nhưng nhiệm vụ của những chiến sĩ trên mặt trận giao thông vận tải là phải làm sao để mạch máu giao thông được

thông suốt bất kể ngày đêm bằng bất cứ giá nào. Rồi tiêu chuẩn chế độ (3 tháng đầu, lương 35,5 đồng một tháng theo chế độ tập sự. Từ tháng thứ tư 37 đồng/tháng bậc I, lương biên chế chính thức. Tiêu chuẩn lương thực 18kg/tháng cả màu, phiếu đường, phiếu thực phẩm, phiếu vải ô 5 mét, chế độ khám chữa bệnh, chế độ các ngày lễ tết, chế độ nghỉ phép, nghỉ hưu v...v...)

Kết thúc khóa học, tất cả các đoàn được bố trí lên xí nghiệp Đá Chẹt bốc đá thuê một tuần để lấy tiền liên hoan chia tay trước khi được phân bổ đi các Hạt và điều về các Cung.

Nó được người ta phát cho một chiếc chăn chiên, một màn, một áo mưa, một bộ quần áo bảo hộ lao động cùng với tiêu chuẩn lương thực và tạm ứng lương còn lại của tháng 12. Người của Hạt về Đoàn nhận quân đưa cho Nó tờ giấy giới thiệu và hướng dẫn Nó ra bến xe xếp hàng ở cửa bán vé đi Bát Bạt nhưng mua vé đi Suối Hai và đến cung Suối Hai thì bảo lái xe cho xuống.

Ra bến xe quãng 4 giờ chiều. Đã hết xe đi Bát Bạt. Người bán vé bảo Nó lấy vé đi Quảng Oai rồi đi bộ sang cũng được. Không muốn một đêm nằm lại bến xe, Nó mua vé đi Quảng Oai. Xuống xe, Nó ghé vào một quán bán nước hỏi đường. Bà cụ chủ quán nhìn Nó thương hại:

"Cháu đi đâu mà hỏi đường sang Suối Hai?"

"Dạ, cháu làm công nhân bên đó"

Bà cụ chép miệng, vẻ ái ngại:

"Từ đây sang đây phải đến năm sáu cây số. Đường thì đường đồi, lại lắm đường! Liệu có gặp người mà hỏi thăm (?) Tôi chưa chắc đã đến nơi mà không khéo còn lạc! Đồ đoàn lại linh kinh thể kia! Thôi, bây giờ chỉ có cách là cháu bỏ ra một đồng rưỡi, hai đồng thuê người ta chở các thứ cho rồi đi theo, người ta dẫn đường cho một thể".

Nãy giờ người đàn ông ngồi trong quán hát hàm:

"Đi không?"

Nó áp úng:

"Dạ, có!"

"Cậu làm gì ở Suối Hai?"

"Dạ, công nhân"

"Biết là công nhân! Nhưng cụ thể là cậu làm gì ở Suối Hai?" - ông ta sẵn giọng.

"Dạ, công nhân bảo dưỡng đường bộ"

"Nghĩa là Cung giao thông Suối Hai thuộc hạt Suối Hai?"

Thấy người đàn ông nói đúng địa chỉ như trong giấy giới thiệu, Nó mừng quýnh.

"Dạ, đúng ạ!"

"Vậ cậu cứ ngồi đây để tôi về lấy xe..."

Đó là chiếc xe kéo tay, thùng bằng gỗ, có đoạn dây thừng bện một mê chiếu manh chỗ để vào vai kéo với những chiếc nan hoa to bằng ngón tay. Người đàn ông nhanh nhẹn vút tất cả đồ đoàn của Nó lên xe. Xe nhẹ, nhưng có lẽ khô dầu nên cứ lọc xọc và kêu ken két dọc đường. Nó vừa đi, vừa chạy gần theo xe. Gặp đoạn nào có dốc Nó mới phải bám vào để kéo lại hoặc đẩy đỡ. Đúng là phải đến năm sáu cây số. Đường thì đường mòn vắt từ đồi nọ sang đồi kia, lại lắt đường, ngang dọc, đan xen, chông chéo, chằng chịt. Thi thoảng mới thấy một bãi sắn, một múng loi thoi vài chục cây phi lao, bạch đàn, còn thuần là đồi trọc với lúp xúp sim mua và những chiếc bốt canh hình tròn từ thời Pháp thuộc (có mấy cây số mà sao lắt bốt thế!) Qua quả đồi cuối cùng, người đàn ông hạ càng chỉ tay về phía con đường lớn trước mặt bảo Nó "Đến nơi rồi" và ân cần chỉ dẫn:

"Đầu dốc là thôn Yên Khoái. Lưng chừng dốc, nơi có ngôi nhà, tường màu xám tro, lợp ngói song cầu là Cung giao thông, cơ quan cậu. Hết dốc, ngược lên hồ nước phía trên là đập Suối Hai..."

Nó lấy ra hai đồng:

"Dạ, cháu gửi bác!"

Người đàn ông vỗ vỗ vai Nó:

"Năm nay bao nhiêu tuổi rồi? Sao không đi học mà lại đi làm sớm thế?" - Rồi như không chờ để được

nghe Nó trả lời, người đàn ông tiếp "Cậu đưa tôi đồng rưỡi!"

Mùa đông. Trời đã nhập nhoạng. Nó thầm cảm ơn người đàn ông tốt bụng và nhìn hút theo ông ta vừa kéo xe vừa chạy trên đường về cho đến khi đổ dốc.

Ôm cặp đồng đồ đoàn, Nó tụt xuống con đường dẫn về Cung. Cổng mở nhưng nhà Cung tối om! Thấy có ánh lửa và tiếng nói chuyện ở hai gian nhà ngang cạnh giếng, Nó đi thẳng vào, thấy năm, sáu người vừa già vừa trẻ đang ngồi quanh gian phía trong, nơi bếp đun, vừa đốt sưởi vừa nướng sắn ăn vừa nói chuyện và hút thuốc lào. Linh tính mách bảo: "Những gì đang chờ đợi Nó ở phía trước xem ra cũng chẳng sáng sủa gì....!"



## 9

Khu vực Suối Hai trước khi Nó đến đã bị máy bay Mỹ oanh tạc. Doanh trại quân đội hoàn toàn bị phá sập. Bộ đội rút đi hết. Dân sở tại, người quang gánh, người kéo xe thô sơ đến "hôi" nguyên vật liệu ngay cả trong giờ cao điểm, không ai ngăn cản!

Mục tiêu oanh tạc của đối phương có lẽ nhằm vào doanh trại quân đội, các trận địa pháo cao xạ và đập chứa nước Suối Hai nhưng không quả bom nào rơi trúng mặt đập, đoạn quan trọng nhất vì mặt đường cũng là mặt đập. Nếu đoạn này bị bom thì không những đập bị phá mà đường giao thông cũng bị cắt đứt (không có đường tránh!). Chỉ có hai quả rơi trúng mặt đường nhưng không phải mặt đập nên việc san lấp và làm đường tránh để đảm bảo giao thông thông suốt cũng nhanh chóng được khắc phục. Một quả khác rơi trúng vùng dân cư - đầu thôn Yên Khoái - nhưng không nổ mà rúc đầu vào một bụi tre. Tóm lại, đa số không trúng mục tiêu. Chỉ có doanh trại quân đội là bị thiệt hại nặng. Vẫn nguyên những bố hom hình phễu to nhỏ khác nhau. Có hố còn giữ được nước của những trận mưa, cỏ đã lún phún xanh. Vẫn còn những quả bom không nổ hoặc nổ chậm xanh nước thếp, in rõ hàng chữ từ 200, 250 đến 500 bảng Anh đã được công binh tháo kíp.

Cung Suối Hai, ngoài nhiệm vụ bảo dưỡng 15km đoạn Xuân Sơn đến hết đập Suối Hai còn phải có trách nhiệm ngày đêm trực chiến, kịp thời chặn balie hai đầu đoạn đường bị đánh phá, nếu máy bay Mỹ oanh tạc, giao thông bị cắt đứt để báo cho người và xe cộ không được qua lại, chờ công binh đến tháo kíp những quả bom chưa nổ hoặc nổ chậm còn nằm lại trước khi bắt tay vào san lấp hoặc làm đường tránh. Song gần một tháng, Nó chưa phải chứng kiến máy bay Mỹ ném bom một lần nào. Keng báo động, tiếng gầm rú của máy bay bay qua, tiếng súng từ các trận địa pháo cao xạ gần đấy thì hầu như ngày nào cũng có. Khu vực Suối Hai có lẽ đã không còn là mục tiêu được máy bay Mỹ quan tâm...

Trước đó, cung chỉ có sáu người là những người quanh vùng. Ngoài hai người còn đang ở độ tuổi sinh hoạt đoàn, bốn người còn lại đều luống tuổi và đều đã có gia đình. Chưa có nhà cung. Hợp đồng theo mùa vụ. Sáng tập trung ra hiện trường. Trưa, ai gần thì về nhà; xa thì cơm nắm mang theo. Chiều, hết giờ lại ai về nhà nấy.

Sau khi có chế độ tuyển dụng vào biên chế chính thức của nhà nước, trừ những người không đủ sức khỏe hoặc gần đến tuổi hưu, họ là những hạt nhân được biên chế đầu tiên. Từ đó trên các tuyến đường mới xuất hiện các nhà cung (thường được bố trí ở

trung tâm cung đường mình chịu trách nhiệm quản lý) để thuận tiện cho công việc chuyên môn cũng như chuyện ăn uống, ngủ nghỉ, sinh hoạt, họp hành cho đúng với chức năng là một cơ quan.

Tuy chỉ có sáu người nhưng là một tổ chức nên cũng được cơ cấu đủ các ban bộ: Một Cung trưởng phụ trách chuyên môn; một tổ trưởng công đoàn phụ trách đời sống; một phân đoàn trưởng phụ trách công tác đoàn. Họp hành thay phiên nhau chủ trì (tùy theo nội dung cuộc họp) cũng lại chỉ có mấy con người ấy. Họp chuyên môn hoặc công đoàn còn đầy đủ cả Cung, họp đoàn chỉ có hai người.

Công việc hàng ngày là vá ổ gà, ổ voi (những đoạn đường bị lún sụt), bạt lều, phát ta luy, dọn mương những đoạn ta luy bị sạt lở (nếu trời mưa) hoặc lo xe đuôi cá thoát nước những đoạn bị ngập. Ngày hai buổi, trước giờ nghỉ hai tiếng đồng hồ, cho một người về lo chợ búa, cơm nước...

Biệt lập với khu dân cư! Vui chơi giải trí ngoài bàn cờ tướng là cổ bài tú lơ-khơ. Sáu con người, hai thế hệ, ngoài quan hệ với gia đình, sợi dây còn lại để không bị cắt đứt với xã hội bên ngoài là tờ báo "Nhân dân"!

Nó không hiểu nếu máy bay Mỹ ném bom, đường giao thông bị cắt đứt, thì sáu con người ở đây sẽ xoay sở ra sao?!

## 10

Chưa đầy hai năm, Nó phải chuyển từ Cung Suối Hai (thuộc địa phận xã Thụy An, huyện Tùng Thiện) sang Cung Quy Mông (thuộc địa phận xã Phú Sơn, huyện Quảng Oai) đơn vị chịu trách nhiệm quản lý đoạn đường 84, từ chân đập Suối Hai nối với đoạn Vật Lại đi Tòng Lệnh, Tòng Bạt, nơi gần với các địa danh: Trại quân pháp (trại tù quân đội), Đồi cò Ngọc Nhị, Nghĩa trang nhân dân thành phố Hà Nội (thường gọi là Nghĩa trang Yên Kỳ, vì thuộc địa phận thôn Yên Kỳ). Rồi từ Cung Quy Mông lên Cung Cầu Lặt (thuộc địa bàn xã Minh Quang, huyện Bất Bạt), đơn vị chịu trách nhiệm quản lý đoạn đường 81 từ ngã ba Đá Chông đi Chẹ - nơi gần với các địa danh: K9, Chợ Mộc, Phố Chẹ, Ba Vi...

Cùng thuộc vùng bán sơn địa, cùng là đồi gò nhưng so với Suối Hai xem ra Quy Mông có vẻ như màu mỡ và trù phú hơn. Trước khi Nó đến, Cung cũng chỉ có sáu người. Cung trưởng là dân Ngọc Nhị, diện lưu dụng, thâm niên trong ngành, giàu kinh nghiệm, đã ở cái tuổi chỉ vài năm nữa là nghỉ hưu. Nhà ông cách Cung quãng ba cây số nên trừ những khi có việc đột xuất phải ở lại, thường ông chỉ ăn trưa ở Cung. Hết giờ làm chiều: Về nhà. Sáng hôm sau đến sớm. Những khi phải bảo dưỡng đoạn đường gần nhà ông, cả Cung đem theo tiêu chuẩn lương thực, thực phẩm bữa trưa thổi nấu, ăn uống, ngủ nghỉ luôn tại

nhà ông cho tiện. Vì nơi đây có nhiều chằm vũng, nên mỗi dịp như thế, ông thường cho Nó nghỉ vì “cầm cái cuốc chim chưa vững” để theo thằng Hòa - con ông - mới mười một mười hai tuổi gì đấy, người đen đúa, gầy như que củi đi tát vũng kiếm con cua, mớ tép về cho cả Cung cải thiện!

Nó nhớ, được đâu quãng mấy tháng, một hôm đi họp trên Hạt về, ông có vẻ buồn! Tối ấy, ông ở lại. Com nước xong, nửa như tâm sự, nửa như thông báo, ông bảo: “Tớ sắp phải xa các cậu rồi! Hạt định điều tớ đi Cung khác nhưng tớ bảo tớ như quả chanh đã hết nước! Nếu còn nghĩ đến công lao của tớ với ngành cho tớ ở lại đây thì tớ ở. Cũng cố lấy vài năm nữa. Nếu không thì tớ về. Hạt bảo: “Nếu thế thì sẽ đề nghị lên Đoàn giải quyết cho đồng chí về nghỉ theo chế độ mất sức...”

Hình ảnh người công chức già, ngót bốn mươi năm gắn bó với ngành, trải qua đủ những buồn vui của hai chế độ, người khô gầy, mặc bộ quần áo bảo hộ lao động, đầu đội nón, tay cặp bọc quần áo, chân đi đôi dép cao su - sau bữa liên hoan chia tay - lần theo con đường dốc từ nhà cung (trên đỉnh đồi) xuống con đường quen thuộc dẫn về nhà trong một buổi chiều dưới cái nắng xiên khoai không hiểu sao cứ ám ảnh Nó mãi!

Khác với Suối Hai và Quy Mông, cung Cầu Lặt thuộc địa bàn một trong những xã vùng cao của huyện

Bát Bạt, gồm các dân tộc: Mường, Dao và Kinh (chủ yếu là dân khai hoang kinh tế).

Từ cung Quy Mông, Nó phải đi bộ theo đường tắt sang cung Ba Trại; rồi chờ xe khách chuyển Sơn Tây đi Chẹ để “quá xa” từ cung Ba Trại lên cung Cầu Lặt. Nó nhớ, khi nó “trình” cái giấy giới thiệu của Hạt cho ông Cung trưởng (cũng đã luống tuổi), ông cầm lấy, liếc qua rồi nhét vào ngăn kéo cái bàn uống nước kê trước cửa sổ nhà Cung - nơi họp hành và cũng là nơi ngủ nghỉ sinh hoạt của cả Cung. Rồi đặt “kịch” cái ấm nhôm xuống bàn sau khi đã chổng vộc mà không còn lấy một giọt nước (mà cũng không biết là ông rót cho ông hay cho Nó hay cho cả ông và Nó) ông thờ dài nửa như phân bua, nửa như tâm sự:

“Cung có mấy người. Hôm nay là chủ nhật. Người thì về nhà với gia đình, người thì tranh thủ lên những vạt nương mới phát, gần đường, kiếm vài ba bó củi bán cho cánh lái xe; người thì đi chơi phố Chẹ”. Rồi ông bảo: “Từ đây lên đây (phố Chẹ) chỉ bảy cây số. Cả đi cả về chưa đến ba tiếng đồng hồ (đi bộ, vì xe đạp cũng như chiếc đài bán dẫn ngày đó còn là của hiếm). Hôm nào Chủ nhật tranh thủ lên chơi phố Chẹ một lần cho biết. Nhân thể vào hiệu ảnh chụp một “pô” làm kỷ niệm. Chỉ sau một tháng là có ảnh gửi về cho người yêu hoặc gia đình...”

... Lần giờ cuốn “An bum ký ức” đã ố vàng Nó dừng lại trước một “tấm hình”:

## 65/ 15!

*Đã qua rồi thế là hai cái tết  
Hồi sáu lăm, hồi sáu lăm ơi!  
Sao để đời ta toàn nước mắt  
Sao dẫn ta bước ngoặt bước đời?!*

*Hồi sáu lăm, ta nhớ mãi người  
Lửa lòng vẫn cháy, cháy không nguội  
Hai tiếng quê hương lòng nhức nhối  
Để buồn ta mãi sáu lăm ơi!*

*Ta nhớ mãi người, hồi sáu lăm  
Ôi sáu lăm, ôi tuổi mười lăm!  
Trăng rằm sao đẹp, tròn, sáng mãi  
Mà tuổi mười lăm đời ta tối tăm?!*

*Hồi sáu lăm, hồi tuổi mười lăm  
Ta đã hiểu vì đâu mà khổ  
Người đã cho ta nguồn sức mạnh  
Người đã cho ta được thành người  
Ta nguyện sẽ có ngày giông tố  
Nổi phong ba quét sạch sóng đời...*

(1967)

*Ôi, tuổi trẻ! Tuổi trẻ nông cuồng và khờ dại!  
Chỉ mới đó mà đã hơn 50 năm nước chảy qua cầu...*

# 11

Nó bị quy thuộc phần tử “đào nhiệm” khi rời khỏi cơ quan. Mặc dù, lấy lý do “vì hoàn cảnh gia đình” Nó đã làm đơn xin thôi việc và đã chờ đủ một tháng (có dư) vẫn không thấy người ta trả lời đúng như quy định.

Cũng như mọi miền quê khác, quê Nó đã khoác lên mình bộ mặt thời chiến. Các công sở và những công trình công cộng như: Ủy ban, trụ sở hợp tác xã nông nghiệp, trường học, chợ búa, v.v... ở những vị trí trung tâm hoặc trục đường giao thông chính thì giờ đây đều sơ tán về những nơi khuất nẻo. Tăng xê, hào giao thông, hầm kè, hố trú ẩn cá nhân xẻ ngang dọc khắp làng. Những chiếc ô tô tải kéo theo rơ moóc chở đầy hàng, phủ vải bạt kín mít chạy rầm rầm qua thị trấn suốt đêm. Tiếng keng báo động, tiếng gầm rú của máy bay, tiếng súng phòng không lục đục vọng đến từ những vùng phụ cận. Trẻ em đội mũ rom đến lớp. Rồi các cơ quan, học sinh các trường ở Hà Nội về sơ tán và những gia đình ở Hà Nội có người nhà gửi con cháu về. Chưa kể trên những bức tường ngang dọc, mọi ngõ ngách đường làng là những khẩu hiệu hùng hục không khí thời chiến: “Tất cả cho tiền tuyến. Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “Vì miền Nam



ruột thịt, thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”...

Thuộc phần tử “đào nhiệm” đồng nghĩa với không có khẩu phần định xuất lương thực, tiêu chuẩn phiếu vải cũng như không được phân phối các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho cuộc sống hàng ngày như: muối ăn, chất đốt, xà phòng giặt...

Như con thú bị dồn đến bước đường cùng, bản năng tự vệ trỗi dậy, Nó chột nhốt đến thời gian còn ở Cung Cầu Lặt, mỗi chủ nhật đi kiếm củi bán cho cánh lái xe, Nó thấy có những “múng” rừng có rất nhiều dây quai hòm (vì trông như những chiếc quai hòm) mà ở quê Nó, người ta gọi là vỏ quạch.

Với chiếc xe đạp “phượng hoàng” mua lại nhờ số tiền tiết kiệm và gom góp được từ tiền bán củi, Nó lại ngày ngày ngược Cung Cầu Lặt, cách nhà hơn năm chục cây số, ăn nhờ ngủ đậu, trèo đèo lội suối, một thân một mình giữa rừng, bạn với muối với vắt để lấy dây quai hòm mang về bán cho các bà buôn trâu vò, hầu không phải ăn bám vào cái gọi là “định xuất lương thực” vốn dĩ là cái “định xuất cầm hơi” của bố mẹ và các em.

Tiền sự đã thuộc phần tử “đào nhiệm”, giờ đây lại mắc vào cái “tội” mà người ta gọi là thuộc dân “con phe, con phẩy”, trên đường về, Nó phải đạp xe không phải hơn năm mươi cây số như lúc đi mà phải

là bảy mươi cây có lẽ vì phải đi vòng qua khu dân cư hoặc xuống xe dắt bộ theo các bờ vùng bờ thửa các xứ đồng mỗi khi phải qua các Trạm, nhằm tránh sự săn đuổi của lực lượng thuế vụ và quản lý thị trường. Chưa kể những khi thùng sấm, thùng lốp, chưa kể sáu bảy chục ký quai hòm phải đèo sau poóc pa ga!

Gian nan vất vả là thế, song không phải chuyến nào cũng suôn sẻ, trót lọt! Có những lần bị phát hiện, phải quay xe vào Trạm, hoặc bị tịch thu hàng, hoặc phải nộp thuế, nộp phạt, giữ đăng ký xe, chẳng theo một quy định nào. Tùy hứng!

Được mấy tháng thì xảy ra sự kiện tết Mậu Thân (1968) và tiếp theo là lệnh “Tổng động viên” với các đối tượng nằm trong độ tuổi từ 17 đến 37 để bổ sung quân số cho chiến trường. Nó phải lên đường nhập ngũ và được cho biết phiên hiệu thuộc C3, D472, F5, E320B...

## 12

“Chào các anh! Mời các anh vào nhà...”

“Các đồng chí! Như kế hoạch đã thống nhất, triển khai theo phương án một”

“Gì đây? Có gì mà các anh làm âm lên vậy?”

“Anh bị bắt!”

“Tôi bị bắt?”

“Đúng! Anh bị bắt!”

“Sao tôi lại bị bắt?”

“Chúng tôi không bắt người vô có! Anh có tội!”

“Tội gì?”

“Tội đào ngũ. Tội chống lệnh nghĩa vụ quân sự”

“Vậy là bắt buộc tôi phải vào lính à?”

“Không phải bắt buộc mà là nghĩa vụ! Không phải là vào lính mà là vinh dự được lên đường nhập ngũ vào Nam chiến đấu, là bộ đội”.

“Thì là lính hay bộ đội thì cũng thế! Vẫn là bị người ta nhét cho khẩu súng với công việc là... đánh nhau!”

“Không phải là đánh nhau mà là lên đường vào Nam chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai bán nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước...”

“Nhưng dù là lính hay là bộ đội thì cũng là người. Chỉ khác nhau cái tên gọi...”

“Người, nhưng nó là địch, là kẻ xâm lược, là phi nghĩa; còn ta là người chống xâm lược để bảo vệ cho sự vẹn toàn lãnh thổ, là... những người chính nghĩa”.

“Nhưng tôi không có gan giết người; vớ lại, biết đâu trước khi tôi dám giết nó, nó lại chẳng giết tôi!”

“Thì... nhất xanh cỏ, nhì đỏ ngực!”

“Xanh cỏ thì không ai mong, còn đỏ ngực mà làm gì khi tất cả đều sinh ra từ một bọc...”

“Bọc gì?”

“Ồ! Thế các anh không biết à? Chẳng phải từ khi biết cấp sách tới trường, tôi, các anh, chúng ta đã được dạy dỗ: Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ đẻ ra một bọc trăm trứng, nở ra một trăm người con trai là tổ của người Bách Việt...”

*“Thì cũng đã li thân con mẹ hàng lơu rồi: “Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, tuy âm dương tương hợp nhưng thủy hỏa tương khắc, không thể cùng nhau; bèn chia tay, năm mươi người con theo mẹ lên rừng là sơn thần; năm mươi người con theo cha xuống biển là thủy thần...”* - Một tay dân quân ra vẻ hiểu biết hơn lên tiếng.

“Nhưng không bỏ nhau, sẵn sàng ứng cứu mỗi khi một bên gặp cơn nguy biến, chứ không có chuyện đánh lộn lẫn nhau”

“Mẹ kiếp! Thằng này đúng là “ám ớ hội tề”. Thờ ra toàn những câu sặc mùi phản động! Nếu mà ai cũng như thằng này thì mất nước! Thôi, không cần phải mất thì giờ lôi thôi với nó nữa! Đúng như kế hoạch, các đồng chí đâu, triển khai theo như phương án hai” - tay xã đội trưởng nhìn đám dân quân ra lệnh.

“Hừ! Nếu vậy thì... cho tôi được đi tề”

“Trói nó lại”

“Áy khoan! Các anh mang cả thùng đến kia à! Lại súng nữa! Góm nhỉ...”

“Không lôi thôi gì nữa! Các đồng chí, trói nó lại!”

“Hự... hự...! Ồ, các anh làm gì mà hung hăng thế? Này, đừng có thúc báng súng vào người tôi và... Ồi! Nói sợi dây thùng ra đi kéo gãy tay tôi bây giờ!”

“Thì mày chẳng thích làm loạn à! Đã thế, phải cho mày biết thế nào là lễ độ!”

“Ồ, một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ. Vậy mà thấy thế các anh lại cười à! Lạ nhỉ! Này, các anh cười xấu quá đấy!”

“Đi!”

“Đi à? Đi đâu?”

“Lên huyện!”

“À, ra thế! Nào đi! Nhưng mà qua phố, các anh liệu mà tránh đi nhé! Bởi vì thấy các anh trói tôi và giải tôi đi, họ thấy họ bị xúc phạm đấy. Tôi chỉ e họ sẽ manh động!”

“Mẹ, thằng này đọc sách lắm quá, có khi điên!”

“Điên gì nó! Nói xấu chế độ mà cái mồm cứ leo lẻo! Giả điên thì có!”

“Đến đầu phố rồi đấy! Các anh thấy chưa? Lũ trẻ con kháo nhau đang kéo ra xem kia kìa! Chúng mày lạ lắm nhì? Không lạ sao cứ giương mắt lên mà nhìn thế! Người ta trói tao đấy! Chúng mày ngạc nhiên lắm à?”

“Sao người ta lại trói anh?” - Một đứa hỏi.

“Vì họ bảo anh có tội!”

“Tội gì?”

“Tội không thích đánh nhau”

“Thế thì người ta bắt nhảm anh rồi! Anh không có tội! Bởi vì mỗi lần em gây gỗ với chúng bạn đều bị bố mẹ em đánh đòn và bảo em hư...”

“Đấy là còn chưa đến nỗi chết người!”

“Vậy anh thì thế nào?”

“Hoặc là một trong hai thằng còn sống, hoặc là chết cả hai!”

“Thế thì đánh nhau để làm gì?”

“Chẳng để làm gì! Chỉ là thú chơi man rợ của những con đầu đàn!”

Dân hàng phở kháo nhau “Có một người bị trói giật cánh khuỷu với tấm biển mang trước ngực “Ai cũng như tôi thì mất nước” được giải đi bêu dọc phố” cũng kéo ra xem! Vì chuyện “con tố cha, vợ tố chồng” hơn chục năm trước, hồi cải cách ruộng đất sau đó đã phải sửa sai thì đây là việc tày đình...

“Chắc là Nhân văn giai phẩm?”

“Mặt còn búng ra sữa thế kia! Mà bây giờ làm gì còn có chuyện “Nhân văn giai phẩm”!

“Hay là xét lại?”

“Xét đi xét lại cái con khi!”

“Thế thì chuyện gì?”

“Không biết! Nhưng chắc là phải có tội nên mới bị người ta trói giật cánh khuỷu đem bêu!”

“Chắc là nặng lắm!”

“Thì ai bảo không nặng!”

“Thế thì chỉ có tội bán nước”!

“Nước của riêng nó đâu mà bán! Mà nó bán thế nào được! Nó là cái đình gì vì nó đâu phải là người đại diện, đâu có đủ tư cách pháp nhân!”

“Thì tấm biển mang trước ngực chẳng đã ghi rõ tội danh của nó là gì!”

“Nghĩa là cả nước mà như nó thì mất nước!”

“Thế thì là tội gì?”

“Không biết! Chỉ biết là có tội và chắc là tội nặng!”

Nghe được những lời đàm thoại, đang đi Nó bỗng dừng lại: “Liệu có phải cứ bị trói, bị giải đi, bị làm nhục; thậm chí bị tù đày, bị bắn... đều là những người có tội?!”

“Đấy, đồng bào thấy chưa? Thằng này là ngoan cố lắm!”

Nghe hai tiếng “đồng bào” từ miệng tay xã đội đi bên cạnh, bất giác “Nó” cười phá lên và vừa đi Nó vừa lẩm bẫm như nói với mình:

“Ôi, đồng bào! Thế thì cô đơn thật!”



## 13

“Này Phùng...”

Đang lúi húi bao sái bộ tam sự, Nó ngẩng lên.

“Từ lâu không có ai năm, mẹ mày cứ bảo hỏng...” - Rồi, sẵn con dao rựa trong tay, bố Nó đi vòng quanh, gõ đủ bốn cái vào bốn chân giường và tiếp:

“Này... (sau mỗi tiếng “Này” là một tiếng “kêch”, đủ bốn lần) hỏng ở đâu?”

Nó thở dài ngán ngẩm và cúi đầu tiếp tục công việc của mình. Tưởng Nó vẫn chăm chú lắng nghe, bố Nó tâm sự:

“Hôm nọ tao thử hỏi thằng Mộc “Tôi muốn đóng cho cháu nó chiếc giường cưới, liệu công xá hết độ bao nhiêu?” Nó hỏi “Ông định đóng giường gì?” Tao bảo “Dẻ quạt thôi bác ạ” - Mày bảo “nó” có khéo không “Con xin ông tám chục”... - Ngừng một lát bố Nó tiếp “Thằng cha chém góm!”.

Nó đã chán và chẳng còn muốn nghe nữa! Nhưng thấy Nó ngẩn mặt ra, tưởng Nó không hiểu, bố Nó ngừng dao, liếc nhanh một cái ra cổng như sợ có người nghe thấy, rồi hạ thấp giọng giảng giải:

“Tám chục nghìn là tám chục nghìn tiền công, gỗ của mình! Gọi là khoán chứ chả lẽ...! Tao cứ “gọi” bữa “ra” bữa “vào” hai bữa, xoàng cũng ba chục

ngàn. Đây là các thứ của nhà chỉ tính tiền thức ăn. Mà bảo giá chợ đen mười một, mười hai ngàn cân thịt! Ba chục ngàn với tám chục ngàn tiền công, vị chi là...”

Nó đỏ mặt và cố nén để khỏi phát khùng. Nó đã bực mình lắm!

“Mà “thằng” Mộc đóng có ra cái chó gì! Mà sang nhà cô Tọ mà xem, cái giường nhà cô ấy mộng mỵ còn xoi đã bằng cái giường nhà ta - bố Nó chép miệng - hồng mắt bộ dát, từ đây chẳng ai nằm chứ vẫn còn tốt chán. Thợ Nam đóng hẳn hoi, từ hồi... còn mồ ma ông cụ!”.

Phùng thấy nóng nóng hai tai. Sao bố Nó không nói thẳng ra với Nó (mà không nói thì Nó cũng biết rồi) rằng nhà mình không có, bố mẹ không thể lo được chiếc giường cưới cho con, chiếc giường này tuy thế nhưng vẫn còn dùng được, chỉ phải thay bộ dát...

Song bố Nó vẫn lái nhái...

Bộ tam sự bằng đồng đã sáng choang. Nó chẳng còn nghe thấy gì nữa!

# 14

Qua chiếc lỗ vuông con ở trên tường, biết trời sáng đã từ lâu, Nó tung chăn chồm dậy. Hai cánh cửa sổ mở tung đập vào tường bởi một nỗi buồn vô cơ. Gió lạnh ủa vào cộng với không khí trong lành buổi sớm cho Nó một cảm giác nhẹ nhõm, lâng lâng. Nó đưa tay giật phất tờ lịch: Chủ nhật 17 tháng 2 và con số 11 tháng giêng nhỏ hơn năm nép phía dưới cùng một tiếng thờ dài.

Quay lưng ra cửa sổ, Nó quan sát khắp gian buồng. Một sợi dây thừng căng dọc sát bức tường ngăn, trên vắt bừa bộn quần áo của cả nhà, đủ các màu và cũng đủ sự luộm thuộm, kéo chiếc thừng trĩu xuống sát đầu giường. Chạm nóc nhà, phía chân giường là hai cái móc sắt lủng lẳng liền mỡ lợn và niêu thức ăn. Dọc theo tường hậu, song song với chiếc giường và để cách một lối đi là chiếc ghé dài ê ẩm vì những hũ to hũ nhỏ trong đó đựng đủ thứ, một thùng sắt tây cám và một thùng gạo. Dưới gầm ghé, cả một thúng toàn chai lọ và những thứ chưa có việc. Hai góc ngoài, góc Nó kê tủ sách, cạnh chiếc bàn trước cửa sổ đã thêm thúng mận vá của mẹ Nó chồng lên trên! Góc kia, Nó cúi xuống nhấc chiếc mẹt lên: Một thúng muối, lót dưới là một rổ tro bếp choán hết chỗ, làm

mấy chiếc xoong phải chui tạm xuống dưới gầm bàn. Chỉ có chiếc giường nơi trung tâm của căn buồng là trông còn tạm được. Chiếc giường mà bố Nó đã phải kỳ cục sửa măt cả một ngày hôm hai mươi sáu tháng chạp để kịp có chiếc giường cưới cho Nó sau đó chỉ mười ngày vào ngày mừng 6 tết. Trên giường trải so le một đôi chiếu một (vì so với bề ngang của chiếc giường, một chiếc chiếu đôi thì thiếu!). Hai cái gối của vợ chồng Nó là hai ống quần ta mẹ Nó cắt ở một chiếc quần cũ của bố Nó, nhồi bằng vải, một đầu có thể mở ra rút vào mỗi khi cần giặt và được khâu cẩn thận. Xù xù một góc giường là chiếc chăn bông tiết kiệm màu xám xịt mà khi này Nó chưa kịp gấp. Nó thấy tù túng và bất lực! Trước khi cưới, Nó đã thu dọn, quét vôi lại căn buồng và nói với bố mẹ Nó cho Nó xin căn buồng ấy và để vợ chồng Nó được hoàn toàn sử dụng. Bố mẹ Nó đồng ý. Nó đã dọn tất cả các thứ linh tinh sang buồng bên. Trong buồng vợ chồng Nó, Nó chỉ kê có một cái giường và... căng lên đây một cái màn (được mua theo tiêu chuẩn đăng ký kết hôn). Trước cửa sổ, Nó kê một cái bàn, cạnh bàn là giá sách như hiện nay (trừ thùng mụn vá) và một chiếc ghế đầu. Chỉ có thế. Vậy mà bây giờ...!

Sau khi hứa cho vợ chồng Nó cái buồng, bố mẹ Nó mới biết đó là một sai lầm (!) Bởi vì chạn bát, những vại dưa, vại cà đã chiếm gần hết nửa gian

buồng bên. Đây là chưa nói đến thúng mùng và những thứ linh tinh khác. Bây giờ Nó lại bê tất cả sang nhét nốt vào! Thật không khác gì một cái “kho” ký gửi đồ cũ! Chẳng có lấy một chỗ mà chen chân! Chỉ có dây quần áo lủng lẳng trên không là còn đỡ. Bố mẹ Nó đành phải thất hứa với vợ chồng Nó mà trả “các vị” về nguyên quán. Nó buồn, cảm thấy đã chấp nhận cuộc hôn nhân khi mới 20 tuổi (vợ nó 19 tuổi) là quá sớm, là chưa đủ thời gian chuẩn bị, là có cái gì đó như là bất ổn!

Vợ Nó người cùng làng. Nhà nghèo nên cũng chỉ được học đến lớp 4 (hết cấp I) thì phải nghỉ học để ở nhà phụ giúp gia đình. Tuy không đẹp người nhưng được cái tốt nết, chịu thương chịu khó và hay lam hay làm. Để Nó được về ăn tết và làm đám cưới trong thời gian đang còn bị bắt buộc lao động công ích vì tội đào ngũ, bố Nó đã phải lên xã, lên huyện với bản cam đoan sẽ động viên Nó lên đường nhập ngũ trong đợt tuyển quân lần tới. Rồi, lại phải lo lót để có được cái giấy giới thiệu lên tận Nhà máy đường Tam Hiệp cách nhà mười hai cây số mua mười lít rượu mía và được “lạm sát” con lợn hơn ba chục cân của nhà vì xuất chuồng phải cân cho nhà nước và đến vụ được Hợp tác xã trả bằng thóc với lời nhắc nhở “nhưng đừng để cho nó kêu đấy nhé!”. Nửa đêm trước hôm cưới, chiếc bao tải gai trong có tro bếp đã khiến con lợn nhà Nó

được lừa vào bị sặc không kịp kêu một tiếng đề rồi sau đó phục vụ cho cái thực đơn như là một công thức chung cho cái gọi là “mâm cỗ cưới”, mỗi mâm hai rang, hai lược...

Chao ôi, khi chưa cưới, khi mới chỉ là cái gì đó giống như là tình yêu, chưa về ở với nhau, chưa là vợ chồng thật là đẹp, thật là hạnh phúc. Những cặp đôi chuốc cho nhau cái say lý tưởng nhưng nông nổi, bông bột và thơ ngây! Nào đã ai từ căn buồng của nhà mình suy ra căn buồng của lứa đôi! Sau khi lấy nhau, Nó thấy vợ Nó “nghèo” quá! Căn buồng nhà Nó cũng nhắc Nó rằng nhà Nó nghèo quá và đang mắc thêm một món nợ sau khi bố mẹ Nó vội vàng lo làm đám cưới cho Nó với mong mỗi sớm có người nối dõi tông đường. Hai cái “nghèo” khác nhau cho Nó một nỗi buồn tổng hợp. Cảm giác giống như người con gái đã mất trinh, Nó thấy tuổi trẻ của Nó không còn nữa và Nó đã mất đi một cái gì (?!) Đúng, Nó đã mất đi một cái gì. Nó đã không còn trong sạch! Nó đã vấy bẩn, tầm thường và... rất tầm thường nữa! Oán hận khi nhận ra điều đó. Nhưng không thể cam chịu, Nó phải thoát ra...

## 15

Phùng mơ mơ màng màng nghe tiếng lạch cạch mở vung xoong. Vợ Nó đã dậy. Nó biết thế, song chỉ mơ màng thôi...! Tất cả lại bị xóa nhòa ngay tức khắc, nhấn chìm trong giấc ngủ mê mết. Đêm qua Nó đã thức quá khuya!

Nhưng, lâu hay không lâu sau đó, tiếng kèn kạch tháo chốt, tiếng cánh cửa rin rít trong bản lề và đập vào nhau thành thành, một lần nữa làm Nó thức giấc. Gió lạnh buổi sớm ủa vào: Nó tỉnh hẳn. Bỏ Nó đã dậy tự lúc nào. Nó xoay người nhìn ra sân. Trời mờ sáng! Thường khi vào độ này Nó đã tập xong bài thể dục buổi sớm. Nhưng lâu nay Nó bỏ cái lệ đó để ngủ bù vì phải thức quá khuya - Nó đói ngủ! Nghĩ vãn vợ, Nó lại thiu thiu. Giấc ngủ vẫn lần quất đầu đây chờ dịp trả Nó vào cõi mộng...

"Con Béo tôi nào cũng đi đến khuya, bạch nhật không biết đường mà dậy. Tôi nay mà mà còn đi thì ông bảo..."

Phùng tung chăn chồm dậy. Không nói không rằng, Nó lẳng lặng lại góc nhà vớ lấy cái chổi lúa ra sân. Mùa đông lạnh và khô. Cái sân gạch nhà Nó sáng trắng, lác đác mấy cái lá vàng. Gió nhẹ nhưng se và buốt. Cái buổi sớm sau một đêm hay đúng hơn sau một giấc ngủ dài mới quý làm sao! Thế xác được nghỉ

ngoi sau một ngày làm việc. Người ta tạm quên... hay ít ra cũng loãng đi những dằn vặt âu lo, quanh quẩn cũng chỉ vì cơm áo. Ngay cái thú cón con thể của người nghèo Nó cũng mất! Không sáng nào bố Nó không âm ỉ, không làm vắn đục...! Cuộc sống chưa phải là thiên đường đối với con người. Con người còn khổ đau vì vấn đề cơm áo thì còn phải thấp hèn để giành lấy miếng ăn trong khi vươn tới mặc dù không biết đến bao giờ! Chỉ có những kẻ thừa thãi, phồn phơ...! Nhưng, đáng lẽ... đã nghèo rồi! Giá bố Nó đừng ích kỷ, đừng quá khắt khe. Bố Nó có biết đâu... trong khi tự làm khổ mình, bố Nó đã làm khổ cả những người xung quanh...!

Trong nhà vọng ra tiếng bàn ghế va vào nhau đồm độp, tiếng loảng xoảng âm chén và... lại tiếng bố Nó:

"Này, trông cái bàn mới ghê chứ! Thật như cái chồ...!"

Phùng nóng mặt. Đó là lỗi của Nó. Nhưng sao bố Nó không lấy tình cha con mà bảo thẳng Nó có phải Nó dễ chịu hơn không? Sao...?

\* \* \*

Tối nay Phùng đi nằm sớm. Thể xác Nó đòi hỏi được nghỉ ngơi sau một ngày làm việc. Nhưng cái ngủ về buổi sáng đối với Nó dứt không ra thì về buổi tối đến với Nó rất muộn. Nó suy nghĩ miên man. Những ý nghĩ lộn xộn, chằng chịt, chồng chéo lên nhau, rối rắm, không ăn nhập, không có đầu có đuôi...



Phùng biết độ này bố Nó hay to tiếng, chửi mắng con cái, ngoài những nguyên nhân khác, một phần cũng do Nó. Đã không dưới hai lần Nó nghe bố mẹ Nó than thở về Nó. Lần thứ nhất, vào một buổi tối rất tình cờ Nó nghe thấy tiếng rì rầm khi đi ngang qua nhà bếp:

"Viết gì mà tối nào nó cũng chong đèn đến tận một hai giờ sáng? Tốn cả dầu! Bạch nhật không biết đường mà dậy!"

... Lần thứ hai, một trưa Phùng vào giường nằm. Tưởng Nó ngủ, mẹ Nó nói với bố Nó:

"Này thầy em! Thằng Phùng nhà mình dạo này nó cứ ngơ ngơ ngáo ngáo thế nào ấy? Lắm lúc tôi gọi nó chẳng thưa! Bảo cái gì thì vâng vâng dạ dạ rồi lại hỏi "Ồ, mẹ vừa bảo con cái gì nhỉ?" Cứ như người mất hồn!"

"Thức khuya vào chứ gì! - Bố Nó buông xõng một câu và tiếp - Mẹ em thấy đấy, ngoài hai buổi đi làm hợp tác, nó có chịu mớ máy việc gì trong cái nhà này đâu".

... Phùng biết lắm, qua những lần bố mẹ Nó xô xát ngay trước mặt vợ chồng Nó và những đứa em Nó. Sự lục đục xảy ra luôn báo hiệu gia đình Nó đã bắt đầu rạn nứt! Nhà Nó tiếng là ăn ba bữa nhưng bữa sớm... chỉ ăn tạm. Hai bữa chính thì theo định suất của hợp tác xã: lao động chính 13kg, lao động phụ 8kg (thóc) một tháng. Vẫn khoai sắn cũng hạt com.

Còn thức ăn có những bữa chỉ có dưa với nước mắm, thứ nước mắm người ta đã pha rồi, mua về mẹ Nó lại pha thêm lần nữa. Những ngày mẹ Nó không còn lấy một hào mua dầu vò và bố Nó thì thiếu rượu. Chưa kể không một buổi họp nhân dân nào người ta không nhắc đến tên Nó và các em Nó thì bị người ta gây khó dễ trong việc học hành.

Phùng cố ghì một tiếng thở dài. Nó vươn vai đứng dậy ra nhà ngoài làm một mẻ thuốc Lào. Rít xong, Nó đánh mặt dọn mồm phun khói và trầm mặt thưởng thức cái thú khi say. Giật giật, tê tê tận chân tóc, hai bên thái dương và nơi đầu mười ngón chân ngón tay. Tim đập mạnh và nhanh. Hai cánh mũi phập phồng, cùng với hơi thở gấp. Mắt Nó đang trợn ngược, lơ lơ (Nó biết). Nó chớp chớp kéo lại và vô thức đưa một bàn tay lên vuốt vuốt tóc. Chờ cơn thú (phê) qua, Nó lại thập thững vào giường nằm. Chợt một ý hay thoáng nhanh trong óc. Nó chồm dậy. Ý tưởng cho một cái truyện ngắn được hình thành. Lòng trào cảm xúc, Nó quờ quạng tìm diêm châm đèn: "không chớp nhanh thì mất!"

Đã thành một thói quen, Nó làm tất cả mọi việc cần thiết để ngồi vào bàn viết rất nhanh. Nhờ có sự ngăn nắp và với Nó các thứ luôn luôn ở tư thế thường trực để làm việc. Tập giấy bằng một thứ giấy đen mở rộng để trước mặt. Bên trái tập giấy là ngọn đèn dầu.

Nó cảm đầu ngoáy lia lịa. Để khỏi quên, lắm lúc Nó phải viết cái ý ở đoạn sau, đoạn sắp viết vào ngay dòng đang viết rồi khoanh tròn lại. Nhiều khi có những từ đồng nghĩa, không thể dùng để cân nhắc xem từ nào đắt hơn, Nó cứ viết cả vào, tính sau...

Khoảng quá nửa đêm, Nó đã viết được phần một và hai trong bốn phần của thiên truyện ngắn. Tự thưởng cho mình, Nó móc túi lấy gói thuốc Lào rồi đến bên bàn nước vớ lấy chiếc điếu bát, mỗi một điếu. Nó rít se sẽ, không dám hết mình vì sợ cái tiếng tanh tách rất hấp dẫn với Nó làm bố Nó thức giấc. Bố Nó không hút thuốc Lào nên rất ghét con cái hút thuốc Lào. Bố Nó bảo vừa hôi vừa bẩn mà lại tốn tiền(!) Nếu không vì khách khứa, bố Nó đã chẳng giữ lại cái của nợ ấy làm gì! Một điếu chưa thấy đã. Giá được tha hồ rít! Nó vo một điếu nữa. Trong khi gà gà, chợt nhận ra đêm hôm nay có trăng, Nó ra sân. Trăng mùa đông bàng bạc lạnh và buồn. Nó đi đi lại lại, vừa đi vừa bóp cục tay. Đến giữa sân, Nó dừng lại vắn mình và hít mấy cái thật sâu. Đầu óc tỉnh táo hơn, Nó vào nhà - "phải viết xong cái truyện ngắn trong đêm nay" - Nó dặn mình như thế!

...Quãng bốn giờ sáng Nó viết và sửa xong hoàn toàn. Bây giờ chỉ còn việc chép lại cho sạch sẽ, bởi vì cái chữ "thảo" của Nó chỉ sau độ một tuần là chính Nó cũng chịu, không tài nào đọc được! Hơn nữa đêm

cũng chẳng còn bao lâu! Ngủ dở ngủ dang cay mắt  
lắm! Nếu như Nó ngủ quên và... bố Nó biết rằng đêm  
qua Nó đã lại thức khuya! Càng phiền! Thôi thì...  
thức làm luôn cho nó xong một thể. Nghĩ thế Nó mở  
cặp lấy ra mấy tờ giấy trắng có dòng kẻ. Care thận, Nó  
gấp cách lề rồi trình trọng nắn nót kẻ theo loại chữ to  
hai chữ cái đề truyện ngắn. Xong đâu đấy Nó mới bắt  
đầu viết. Nhưng chỉ được độ mười dòng, cây bút  
không theo bàn tay Nó nữa. Những dòng chữ to dần,  
lỏng lẻo dần, lên xuống, xiêu vẹo...

"Chị dậy sớm nấu cơm nhẹ chân nhẹ tay chứ cho  
anh ấy ngủ. Đêm qua anh ấy thức khuya! Lạch cà,  
lạch cạch... hôm nào cũng thế! Làm cái gì thì cứ  
như..."

Nó nghe rõ tiếng bố Nó nói với vợ Nó mặc dù rất  
nhỏ. Một lát sau có tiếng kẹt cửa. Bố Nó ló đầu nhìn  
ra:

"Ai đấy?"

"Tôi!" - Mẹ Nó đáp

"Mẹ em khe khẽ cho con nó ngủ. Sáng nó còn  
phải đến tòa soạn kia mà..."

"Tôi đến mấy nhà mở lợn mua cho con mấy lạng  
lòng..."

"Cái Bích (con Bé) đã dậy chưa?"

Không có tiếng trả lời. Bố Nó khẽ vén chăn ngồi  
dậy rồi rón rén đi vào buồng bên:

"Bích! Dậy quét sân quét sương đi con. Sáng rồi!" - Lại tiếng bố Nó nhỏ nhỏ mơ hồ nhưng Nó vẫn nghe tiếng...

... Bỗng, một tiếng "nổ" chát chúa ngay bên tai làm Nó sực tỉnh. Thì ra là một giấc mơ. Nó thấy người hầm hập nóng và gậy gậy sợ. Bố Nó đã dậy. Những tiếng kèn kịch tháo then (chốt). Tiếng cánh cửa rì rít trong bản lề và đập vào nhau rầm rầm (cái tiếng "nổ" đã làm Nó thức giấc). Gió lạnh buổi sớm ủa vào. Nó tê tái, tung chăn chồm dậy, lẳng lẳng lại góc nhà vớ lấy cái chổi lúa ra sân. Mùa đông lạnh và khô. Cái sân gạch nhà Nó sáng trắng, lác đác mấy cái lá vàng. Gió nhẹ nhưng se và buốt. Trời chưa sáng hẳn! Nó cứ quét, quét mò, nhát nọ đề lên nhát kia - chỉ sợ sót, không sợ nhảm.

"Con Béo trăm tối như cả trăm, tối nào cũng đi, bạch nhật hú vía không biết đường mà dậy. Tối nay mày mà còn đi thì ông bảo..."

Từ trong nhà vọng ra tiếng bố Nó quát tháo chửi mắng đưa em Nó, cái đề tài muôn thuở, cái tối hôm qua - và đề sẵn, đề trước cái tối hôm nay - sắp tới, chưa tới.

Một ngày mới bắt đầu...

## 16

Đúng như dự đoán, sau hồi keng báo giờ ăn cơm trưa, Nó vừa đến sân nhà bếp đại đội thì có lệnh của trực ban truyền xuống:

"Đồng chí Phùng lên ngay có việc đại đội cần gặp"

Nó gửi bát đĩa cho một người bạn. Biết trước sự việc sớm muộn tất nhiên sẽ phải xảy ra nên Nó đã sẵn sàng.

"Nhà đại đội" là một ngôi nhà bốn gian rộng rãi được làm theo lối mới - quá giang vượt, trôn cột và chạy rạ nên nhà tre nhưng lợp ngói. Nó cúi chào bác chủ nhà đang ngồi bên hiên khâu nón rồi bước vào. Mọi đồ đạc trong nhà được xếp đặt gọn ghẽ. Trên chiếc phản kê ở góc nhà - Diệp, chính trị viên trưởng đại đội đang ngồi trước chiếc bàn làm việc được kê quay ra phía gian bên, chắn ngay lối cửa ra vào, đang cầm cúi viết...

"Báo cáo thủ trưởng, tôi có mặt!"

Diệp vẫn như đang ghi nốt đoạn còn đang viết dở. Một lúc sau mới ngẩng lên, đưa tay trái nhắc cặp kính trắng đặt xuống bàn, tay không rời gọng kính; còn tay kia vẫn cầm cây viết, hai cùi tay khuỳnh ra sát mép bàn, hơi ngả người về phía sau nhìn Nó, hát hàm:

"Đồng chí hỏi gì?"

Nó hơi ngớ ra:

"Báo cáo thủ trưởng, trực ban báo có lệnh của đại đội gọi lên!"

Diệp quay đầu về phía cửa sổ gập gù. Đôi mắt nheo nheo rồi đột nhiên quay lại:

"Tại sao sớm nay đồng chí bỏ về không bỏ phiếu?"

"Thưa thủ trưởng, tôi nghĩ là không cần thiết"

"Sao?" - Diệp nhòm người về phía trước vì cảm thấy bị xúc phạm và đó là điều hấn không ngờ tới.

"Bởi vì theo danh sách thì có 7 người được ứng và đề cử nhưng tổ bầu cử địa phương đã tự tiện xóa bỏ một người và yêu cầu lựa chọn lấy 6 người trong số 6 người!".

"Hừ!" - Diệp cười diễu cợt và đột nhiên đổi giọng - "Cậu muốn giờ lý hả?"

...

"Thế nào?" - Thấy Nó im lặng, hấn tiếp luôn.

"Tôi nghĩ như thế là tổ bầu cử địa phương đã làm sai nguyên tắc và thể lệ bầu cử! Họ đã không tôn trọng quyền bầu cử của cử tri! Tôi ý thức được việc làm của mình và thấy mình hành động như thế là đúng".

"Có nghĩa là cậu không tin tưởng vào đường lối lãnh đạo sáng suốt của Đảng? Vậy hôm đại đội cho tập trung để quán triệt và nghiên cứu tiêu sử của những người được đề cử, cậu có đi không? Người ta xóa bỏ tên cô ta vì có để cũng không trúng. Cô ta có

bề dày thành tích nhưng chưa phải là đảng viên, nguồn gốc xuất thân lại không phải là thành phần cơ bản! Đề cử cô ta chỉ là để cho đủ con số!"

Nó choãi chân, vịn một tay vào đầu bàn cho đỡ mỏi:

"À ra thế! Vâng, thưa thủ trưởng: Bây giờ thì tôi hiểu...!"

"Sao cậu bảo cậu hành động như vậy là đúng?! Đúng là thiếu suy nghĩ và thiếu chín chắn phải không? Cậu đã không làm tròn nghĩa vụ và tự tước bỏ quyền công dân của mình!"

"Tôi có quyền đó đâu! Chính họ đã tước bỏ, họ đã không cho tôi một điều kiện tối thiểu để thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi của một công dân!" - Nó dẫn giọng - "Lòng tự trọng của tôi đã bị xúc phạm!"

"Hừ...! Cậu biết trọng mình thì trước hết cậu phải biết tôn trọng người khác" - Một cái nhìn rất nhanh từ đầu đến chân Nó - hấn tiếp- "Cậu cần phải học lại khiêm tốn trong nói năng và lễ độ trong tư cách. Cậu xét lại mình đi! Cậu có biết cậu đang đứng nói trước mặt ai không?"

"Thưa thủ trưởng! Vâng, tôi xin lỗi!" - Nó rời tay khỏi mép bàn và kéo chân về tư thế "nghiêm" như cũ.

"Cậu nói nghĩa vụ? Vậy sao cậu không làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ của một thanh niên khi đất nước có chiến tranh là cầm súng lên đường bảo vệ Tổ quốc? Sao cậu quay súng đầu hàng, đào ngũ về địa



phương để được gom về đây với tư cách là một thằng lính thu dung! Sao? Sợ... chết hả?"

Nó nhú mày nhìn Diệp như vừa nhận ra một cái gì ở hắn - sự đều cáng và hèn hạ - song, Nó vẫn ôn tồn:

"Thưa thủ trưởng, ai mà chẳng chết có một lần, sợ cũng không được mà không sợ cũng không được! Vấn đề là ở chỗ chết như thế nào?! Còn tôi, tôi đã hành động theo tiếng gọi của lương tâm".

"Lương tâm à?!" - Diệp chồm dậy. Hắn đã tức giận thực sự bởi chưa bao giờ hắn gặp một thằng búống binh như Nó. Với tính chất của một đơn vị thu dung, những thằng nào đã vào đây dù muốn hay không đều thuận tính và cam chịu bởi vì hiểu rằng mình có "tội"! Hắn đã quen cái nếp đó và quen với cái oai quyền được ban phát của mình. Vậy mà thằng này..." - Hắn rít lên - ... "Một thằng đào ngũ như mày mà cũng nói đến lương tâm! Không biết nhục...!"

"Tôi biết! Tôi biết mình là một thằng đào ngũ đang đứng trước mặt một ông chính trị viên...!" - Nó đã lại chống cả hai tay xuống bàn tự lúc nào không biết.

Diệp xô bàn lao đến. Chiếc bút máy lăn lăn rơi xuống nền nhà nghe "cách" một tiếng. Hắn đưa tay lên nắm lấy cổ áo Nó giật giật:

"Mày nói gì? Giáo dục những thằng như mày hòng mong trở lại chiến trường chiến đấu chỉ tổ tổn

cơm gạo nhà nước! Trước sau không đảo ngũ thì cũng chiều hồi! Tao, trung úy Trịnh Ngọc Diệp, Bí thư Chi bộ, Chính trị viên trưởng đại đội tuyên bố: Từ giờ phút này đuổi mày khỏi đơn vị. Về lấy ngay ba lô lên nộp đại đội. Cút ngay!"

"Vậy thì không có sự phân biệt theo cấp bậc và chức vụ nữa! Còn đuổi tôi ra khỏi đây, ông không đủ tư cách" - Rồi quay sang bác chủ nhà, đã đứng sau lưng nó từ lúc nào, nó dịu giọng - "Dạ, chào bác! Cháu xin phép!"

"Ừ thôi! Chú gì... thôi!" - Bác chủ nhà đáp lại lời chào của Nó bằng một lời khuyên rồi quay qua Diệp, ôn tồn "Thôi, bác Diệp!"

Vừa lúc đó, Lan - đại đội trưởng từ ngoài bước vào:

"Anh Diệp! Anh lãnh đạo quân sự có lẽ tốt hơn!"

Nó nhìn người đại đội trưởng thay cho lời chào. Bởi, dù ít dù nhiều như vậy Lan vẫn còn tử tế...

Ra khỏi "Nhà đại đội" Phùng về thẳng nơi mình ở. Thế là hết!

Sau sáu tháng trở lại đời lính, chuyến xe khách chiều nay lại ném trả Nó về quê mẹ!

Nó chợt nghĩ đến chị Khách...

# 17

Nó đưa cho Y một sấp giấy màu mật mía, loại giấy được chế biến theo phương pháp thủ công và được sử dụng từ những năm bảy mươi của thế kỷ trước, một mặt nhẵn, một mặt ráp, nên chỉ viết được một mặt, mặt nhẵn. Y cầm đại một tờ lên xem. Đó là một bài thơ có cái "tít" là “Lo” với lời đề từ "*Tưởng nhớ Nguyễn Trãi người anh hùng dân tộc lúc ở ẩn*":

*Giật mình tuổi đã sáu ba*

*Nỗi buồn.....*

*Riêng chỉ mình ta*

*Chẳng say men, đời ngủ cả*

*Ba năm tìm bạn chẳng ra!*

\* \* \*

*Ngày tháng trôi..... đời trôi.....*

*Chỉ anh hùng mòn mỏi, pha phôi*

*Nhìn ngày tháng trôi, đời tàn*

*mà thêm nhăn trán*

*Đất sao chưa nổi phong ba?*

*Trời sao lặng gió?*

*Nỗi buồn ai sẻ cùng ta!*

\* \* \*

*Đành đề:*

*Đời vô vị trôi dần theo ngày tháng*

*Chỉ anh hùng mòn mỏi với thời gian*

*Lòng lạnh lẽo chôn vùi chương một áng*

*Mộng Côn Sơn thu lại cất buồng gan !*

*\* \* \**

*Ta nhắm mắt  
nỗi buồn ai tỏ cho ta !*

*Nhưng  
ta tin rằng  
dù đời có sớm tàn....*

*ta nhắm mắt  
Không xa  
sẽ có ngày đất nổi phong ba.....*

*Đêm 22/5/1968*

*(tức 26/4/ Mậu Thân (âm lịch))*

Y cười bảo Nó “ Đây là thơ của một ông cụ mới....18 (6x3) chứ không phải đã 63 tuổi! Bởi không ai đã ở cái ngưỡng "Lục thập nhi nhĩ thuận” (60 tuổi) mới lo tìm bạn, để rồi 3 năm sau ( 63 tuổi) phải thốt lên “Ba năm tìm bạn chẳng ra!”. Chẳng có cụ Ưc Trai nào ở đây cả! Đừng kéo cụ vào làm gì! Còn nội dung tư tưởng cũng như giá trị nghệ thuật không có gì đáng bàn mà cái đáng bàn ở đây là thị dục huyễn ngữ của tác giả quá lớn vì bị chà đạp, dày xéo nên sớm nảy sinh tâm lý phản kháng, phá phách, nổi loạn. Song, do bội thực sách vở, đọc nhiều mà không tiêu hóa được, nên câu chữ toàn bài chỉ cho thấy sự vay mượn, sáo rỗng và.....đại ngôn! Tóm lại, gạt bỏ chuyện văn chương thơ phú vốn dĩ phù phiếm sang một bên, đây

là một ca thuộc về bệnh lý - bệnh vĩ cuồng - mà tác giả của nó cần phải được đưa đến một bệnh viện tâm thần nào đó để chữa trị kịp thời!

Y rút đại một tờ khác. Lại vẫn là một bài thơ, nhưng không có “tít” và cũng không có lời đề từ:

*Ta sinh ra là để khổ đau*

*Vì*

*Ta vốn sinh ra không phải để cúi đầu*

*\* \* \**

*Từ khổ đau ta tìm ra chân lý*

*Từ khổ đau ta hiểu lẽ yêu đời*

*Từ khổ đau ta đã biết làm người*

*\* \* \**

*Ta sẵn sàng nhận lấy khổ đau*

*Và*

*với khổ đau ta sống*

*Vì*

*Sống khổ đau mà lòng ta thanh thản*

*Để ta có thể tự hào trả lời*

*mà không sợ rằng tự mãn*

*Rằng:*

*Tất cả sức lực ta*

*Tất cả đời ta*

*Ta đã hi sinh tất cả*

*Những ngày giông tố, phong ba*

*Ta đã từng chịu đựng*

*Rằng:*

*Trong khổ đau, ta chẳng cúi đầu  
Trước bạo lực, ta chẳng van xin, chẳng khẩn cầu  
Thà sống tự do mà chịu khổ đau  
Còn hơn cầu xin kiếp sống êm đềm  
Mà cam tâm chịu làm nô lệ*  
(1967)

Y thơ dài “Lại là một ca tự kỷ ám thị” - chẳng biết là Y nói với Nó hay là nói với chính mình? Tiếp, Y lấy ra một kẹp máy tờ là những dòng tản mạn, thuộc dạng tạp ghi:

*“Lúc đầu, khi họ chỉ có hai bàn tay trắng, họ thực sự cách mạng. Nhưng khi giành được vị thế của những con đầu đàn, là những kẻ cầm quyền có địa vị và quyền lực trong tay, họ quay lại phản bội lợi ích của giai cấp, của nhân dân. Chủ nghĩa bản vị trong họ nảy sinh. Họ chỉ nghĩ đến chuyện củng cố cho chiếc ghế của mình cộng với hưởng thụ và trấn áp những ai không đồng chính kiến, trong khi nhân dân vẫn còn phải thắt lưng buộc bụng làm hết cuộc cách mạng này đến cuộc cách mạng khác ! Cháy nhà ra mặt chuột, họ đã lộ rõ nguyên hình là những kẻ đầu cơ cách mạng, cách mạng đầu lưỡi (1972)”*

*... “Một chế độ chỉ tồn tại được khi do nhân dân xây dựng và được nhân dân củng cố, nhân dân làm nền móng, Sự tồn tại nếu có của bất cứ một chế độ nào lấy vũ lực để đàn áp, kinh tế làm sức ép hoặc*

*ngụy trang về chính trị chỉ là nhất thời. Chẳng chóng thì chầy, khi tư tưởng nhân dân được phát động đầy đủ, đều khắp, mọi thủ đoạn của nó sẽ bị lộ trần, dù bộ mặt thật của nó có được che đậy dưới hình thức này hay hình thức khác (1972)”*

*...“Nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ ngày 7 tháng 5 năm 1954. Hiệp định Giơ Ne Vơ được ký kết. Đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Tất cả những người ở lứa tuổi chúng ta bắt đầu biết cặp sách tới trường đã được sống những ngày thanh bình của đất nước và mười năm sau, kể từ khoảng thời gian đó cho đến hôm nay, nhân dân ta lại đã và đang tiến hành cái gọi là cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược mà thực ra là cuộc chiến tranh giành vị thế của những con đầu đàn với sự chống lưng của các thế lực nước ngoài cũng là để tranh giành ngôi vị bá chủ thế giới. Biết bao những người con yêu của Tổ Quốc (cả từ hai phía) trong hai cuộc chiến đã hi sinh và....biết bao gia đình tan nát! Nhưng...*

*...Tôi nghĩ đến những năm tháng thanh bình trong quá khứ, nhìn lại ngót 20 năm đã qua và liên tưởng đến một ngày thanh bình trong tương lai để tìm một chỗ đứng và cách nhìn cho hiện tại (1973)”*

*Đầy trả sấp bản thảo về phía Nó, Y cười phá lên:*

“Tôi đang có vinh dự được tiếp ai đây? Chính trị gia? Triết gia? Nhà lập thuyết? Hay là cả ba? Song, dù cả ba hay ba trong một thì vẫn là biểu chứng của căn bệnh tự kỷ ám thị, của bệnh vĩ cuồng. Chỉ may là... bệnh chưa xâm nhập vào đến cao hoang!



## 18

Đến một quán nước ven đường, Nó xuống xe. Đó là một túp lều lợp giấy dầu, vách ngăn là những tấm phên, không trát đứng, quãng hơn chục mét vuông. Quán đã đóng cửa. Nó dắt xe theo con đường mòn qua một bãi sắn dẫn vào ngôi nhà cũng lợp giấy dầu nhưng rộng hơn và cũng lụp xụp hơn song vách được trát đứng nằm sâu ở phía trong. Trời đã nhá nhem. Mưa xuân lất phất. Cảm giác lạc lõng, lạnh lẽo và cô quạnh. Chông xe trước cửa nhìn vào, Nó thấy trong nhà tối om om, chỉ nghe thấy tiếng lịch kịch dọn dẹp.

“Chị Khách!”

“Ai đấy?” - trong ánh sáng lờ mờ nơi cửa ra vào, một cái đầu ngoái ra - Ô kìa, cậu Phùng! Dễ đến mấy tuần nay không thấy cậu ra quán chị! Lại đi xe đạp, chị cứ tưởng ai! - Tiếp sau sự ngạc nhiên là giọng vồn vã - Dắt xe vào nhà đi cậu...”

Nó thấy lòng mình âm lại. Loanh quanh mới dựng được xe vào một chỗ cho khỏi vướng lối đi và đã kịp làm quen với bóng tối trong nhà Nó không thấy tối như vẫn tưởng khi từ ngoài nhìn vào.

“Chị có bận gì, để em đỡ một tay?”

Đang lúi húi bên cái bếp than tổ ong ở góc nhà, chị Khách ngẩng lên:

“Có gì đâu cậu! Chị đang lo bữa tối - Rồi, nhìn Nó với vẻ thăm dò, chị tiếp - Bộ cậu đã được ra quân rồi hả?”

Không muốn dỗi lòng nhưng không hiểu sao Nó lại buột miệng: “Vâng!”

“Thôi! Thế là chị mừng cho cậu! Ra giếng rửa ráy mặt mũi chân tay rồi vào ăn cơm.

Lấy chiếc khăn mặt nơi chiếc túi xách ngoắc ở ghi đông xe, Nó lưỡng lự ra giếng...

Chị Khách quê Thái Bình. Là công nhân Nông trường cam Xuân Mai (Hòa Bình) từ những ngày đầu thành lập. Chồng chị là lái xe, lo chở cây giống và phân bón cho nông trường, dân miền Nam tập kết. Ăn ở với nhau ngọt chục năm trời vẫn không có con, năm 1966, nghe theo tiếng gọi “Trở về giải phóng quê hương”, chồng chị xung phong lên đường nhập ngũ. Nông trường cam sau đó - không hiểu theo lời huấn thị của một ông to nào đó ở Bộ chính trị - bị xóa sổ mặc dù phát triển tốt và đang cho thu hoạch để thay thế bằng cây chè với cái danh xưng mới là “Nông trường chè Lương Mỹ” (chưa kể còn phát triển thêm “Nông trường chè Long Phú sau này). Lấy lý do sức khỏe, chị Khách xin về mất sức và mở quán ngòi bán nước trước nhà.

Là lính thu dung lại trú quân nhà dân, không phải đóng trong doanh trại, nên mỗi khi có dịp, Nó thường ra ngòi quán chị gọi mấy điều thuốc quán với ấm trà

để có cơ lai rai nhằm giết thì giờ. Nó ngạc nhiên thấy chị cũng phì phèo thuốc lá, lại rượu chè chẳng khác gì đàn ông. Những khi vắng khách, chỉ có hai chị em, chị thường quan tâm đến hoàn cảnh của Nó và ngược lại chị cũng bộc bạch không dấu diếm với Nó hoàn cảnh của mình. Chị bảo: Gia đình chị bị quy là địa chủ và ông nội chị đã bị xử bắn trong cải cách ruộng đất. Tất cả nhà cửa ruộng nương, con trâu, cái cày, cái bừa cho đến cái cối xay, cối giã, cái cuốc, cái cào đều bị tịch thu chia cho nông dân với cái được gọi là “chia quả thực”! Vì quá uất ức, bà nội chị đã treo cổ lên xà nhà tự tử khi năm gian nhà ngói của mình bị tịch biên. Lấy lý do ba đứa con còn nhỏ đều phải nằm đất không có giường chiếu gì khi dời đến ba gian nhà gianh lụp xụp của một hộ bần nông ở cuối làng, mẹ chị đã khôn khéo xin lại các “ông bà” trong đội được cái chõng tre. Nhờ đó, gia đình chị mới tồn tại được qua những năm tháng khó khăn, bởi trong bước đường cùng, mẹ chị đã kịp dấu được chút ít tiền nong, của nả nơi hai đoạn tre sườn chõng. Đến đận sữa sai, do được hạ thành phần xuống trung nông lớp trên (chứ chưa phải là địa chủ) và được trả lại ngôi nhà cũ nhưng lúc này chỉ còn là cái xác nhà bởi những gì có thể tháo dỡ được người ta đã kịp tháo dỡ mang đi! Rồi khi sang cát cho ông nội chị, mò được đầu viên đạn bắn ông cụ, bố chị đã để nơi đáy bát hương gia tiên trên bàn thờ như một lời nguyện...

“Cậu Phùng! Có phải cậu đã dối chị?”

Câu hỏi đột nhiên của chị Khách khi hai chị em đang ngồi bên mâm cơm khiến nó ngẩn ra vì chưa kịp hiểu là nó đã “dối” chị cái gì thì chị đã tiếp:

“Làm sao người ta cho cậu ra quân?!”

Nó cúi đầu như kẻ có lỗi:

“Vâng!”

Chị Khách chùng giọng:

“Chị thông cảm với cậu! Ừ, ai mà không sợ chết! Nhưng... như thế là cậu vẫn chưa tin chị!”

Nó nhìn chị Khách cười buồn:

“Em không sợ chết! Đòi người, kết cục ai mà chẳng phải chết và chỉ chết có một lần nhưng em không thể chết vớ, chết vẩn...”

Chị Khách thở dài:

“Vậy bây giờ cậu định thế nào?”

“Em đang định theo người ta lên Tu Lý, Đà Bắc “cày” một thời gian. Làng em có mấy người đang làm trên đó”.

“Làm gì?”

“Lao động tự do. Công việc là sửa chữa đường xá và mở mang bến bãi phục vụ cho đội xe vận chuyển gỗ của lâm trường. Qua cai thầu làm trung gian”.

“Đã thế - chị Khách nhìn Nó nói như ra lệnh - Cậu không phải đi đâu cả! Ở đây chạy hàng cho chị. Ai hỏi, cứ bảo là em của chị ở dưới quê lên”.

# 19

## Văn nghệ truyền mồm

(hóng hót nơi bến tàu, bến xe, vỉa hè, quán nước... những ngày chạy hàng):

### B.

*Bé sợ nắng, sợ roi  
Lớn sợ còi, sợ kẻo!*

\*

*Ban ngày cả nước lo việc nhà  
Ban đêm cả nhà lo việc nước*

\*

*Bác ơi dép bác đã mòn  
Bác mua đôi khác cho con đôi này*

\*

*Bầu ơi, thương lấy bí cùng  
Mai sau có lúc nấu chung một nồi...*

\*

*Bầm ơi, có rét không bầm (?)  
Von ga con cười, gà hầm con xơi  
Con thương bầm lắm bầm ơi  
Bảy mươi, bầm vẫn phải ngồi nhá khoai...*

### C.

*Cơm trước kẻo*

\*

*Cơm Bắc, giặc Nam*

\*

*Cửa tiên, cửa hậu*

\*

*Cười như Liên Xô*

*Chó sủa, tàu cứ chạy*

\*

*Cửa sau mau hơn cửa trước*

\*

*Chân ngoài dài hơn chân trong*

\*

*Cút cũng phân*

*Phân như cút!*

\*

*Chân lý là lý có chân!*

*Chó có phân, quân nhân có xuất*

\*

*Cao cung cấp*

*Thấp chợ đen*

*Quen cửa hậu!*

\*

*Chồng già thì mặc chồng già*

*Có phiếu Tôn Đảo, có nhà ở riêng*

\*

*Cán bộ to xà cột đỏ*

*Cán bộ nhỏ xà cột đen*

*Cán bộ lèm nhèm thì xà cột vải!*

\*

*Cắt còm*

*Bơm xe*

*Nghe thời tiết*

*Liếc đồng hồ*

*Thò bao gạo*

*Cạo bộ râu*

*Hỏi đi đâu (?)  
Về với vợ!*

**D.**

*Dân quân ta đánh rất hay  
Bắn tàu bay Mỹ rơi ngay cửa mình...*

**Đ.**

*Đắt lo, ế mừng  
\**

*Đi muộn, về sớm  
\**

*Đi sau, về trước  
\**

*Đi dong công, về khoán  
\**

*Đảng viên nhan nhản, cộng sản hiếm hoi!  
\**

*Đốn cho nên phải chỉnh, nhưng càng chỉnh càng  
đốn!*

*\**

*Đảng là mẹ, Bác là cha  
Từ ngày Bác mất, Đảng ta góa chồng  
\**

*\**

*Đi theo tiếng gọi của Đảng  
Bốn nghìn năm ta lại là ta  
Từ trong hang đá chui ra  
Vươn vai một cái rồi ta chui vào!*

**G.**

*Giàu nhà kho, no nhà bếp*

\*

*Giác ngộ sớm, tỉnh ngộ muộn!*

**H.**

*Há miệng mắc quai... nón!*

\*

*Hoan hô anh Nguyễn Chí Thanh  
Anh về phân Bắc, phân xanh đầy đờng*

\*

*Hoan hô đại tướng Võ Nguyên  
Giáp ta thắng trận Điện Biên trở về...*

\*

*Hy sinh đời bố, củng cố đời con*

\*

**L.**

*Lương không bằng bổng*

\*

*Lừ lừ như tàu điện!*

\*

*Lính tiểu đoàn, quan đại đội*

\*

*Làm thì đòi, nói thì no*

\*

*Làm thì láo, báo cáo thì hay!*

\*

*Lính Ủy ban, quan bên Đảng*

\*

*Làm thật ăn cháo, làm láo ăn cơm!*

\*

*Làm to ăn to, làm nhỏ ăn nhỏ*

\*



*Làm chủ không đủ  
Tranh thủ làm thuê!*

\*

*Làm dân thì cứ làm dân  
Chớ có làm gốc mà thân chẳng còn*

### **M.**

*Miếng thịt bịt miệng (ghịt bờ)*

\*

*Mua vải bán áo*

\*

*Mặt ngệt như ngỗng ỉa*

\*

*Mặt nghệt như mắt số gạo*

\*

*Mắt thứ hai, tai thứ bảy*

\*

*Mặt quân nhân, chân tử sĩ  
Một điều nhin là chín điều nhục*

\*

*Một nhát đến tai, hai nhát đến gáy!*

\*

*Mười năm phấn đấu không bằng cơ cấu một lần*

\*

*Mỗi người làm việc bằng hai  
Để cho chủ nhiệm mua đài, mua xe*

\*

*Mỗi người làm việc bằng ba  
Để cho quản trị làm nhà, lát sân*

\*

*Mỗi người làm việc bằng năm*

*Để cho chủ nhiệm vừa nằm vừa ăn*

\*

*Mất mùa Đảng bảo thiên tai*

*Được mùa Đảng bảo thiên tài Đảng ta!*

\*

*Một thằng làm, chín thằng nom*

*Thằng làm thì đói, thằng dòm thì no!*

\*

*Một thằng vào vũ trụ*

*Trăm thằng đi Mút Cu*

*Nghìn thằng chén lu bù*

*Triệu thằng nhe răng đói...*

\*

*Một yêu anh có Sei ko*

*Hai yêu anh có Pơ giô mạ vàng*

*Ba yêu nhà cửa đàng hoàng*

*Bốn yêu hộ khẩu rõ ràng thủ đô...*

**N.**

*Nhất đội, nhì trời*

\*

*Nhất quen, nhì thân*

\*

*Nước sông công lính*

\*

*Nhất tiên, nhì quyền*

\*

*Ngậm miệng ăn tiền*

\*

*Nắng tốt dưa, mưa tốt lính*

\*

*Nhà mặt phố, bố làm to*

\*

*Nhất xanh cỏ, nhì đỏ ngực*

\*

*Ngơ ngơ như bò đội nón*

\*

*Nhất trung ương, nhì đội trưởng*

\*

*Nhất nhiều tiền, nhì ưu tiên*

\*

*Nói no*

*Bò sừng*

*Bướng chết!*

\*

*Nhất thân, nhì thế, tam thần, tứ chế...*

\*

*Nhà văn nói láo, nhà báo nói hay (phét)!*

\*

*Ngày xưa đại tướng cầm quân*

*Ngày nay đại tướng cầm quân chị em!*

\*

*Nơi nào mà có quan to*

*Cái quyền cái lợi nó bò về theo*

**Ô.**

*Ôm tha, già thối*

\*

*Ô che, dù chắn*

\*

*Ông Liên Xô*

*Bà Trung Quốc*

Ông đi guốc  
Bà đi giày  
Ông nhảy dây  
Bà đá bóng  
Ông nằm chõng  
Bà nằm giường  
Ông ăn tương  
Bà ăn mắm  
Ông đánh rắm  
Bà ngủ hơi...

**P.**

Phải đâu muôn sự tại trời  
Bởi ai bày đặt bắt người bóc thăm  
Rủi phan tràn, phải phan tràn  
Gặp may... ô, mới được phần may ô!

**Q.**

Quân ta thắng quân mình!

\*

Quân với dân như cá với thớt

**R.**

Râu dài thì mặc râu dài  
Có Pha vô rít, có đài đeo hông

**S.**

Sống mà ăn sẵn

\*

Sinh Bắc, tử Nam

\*

*Sản chưa có đã cộng*

\*

*Sản không có mới cộng*

\*

*Sống xanh cỏ, chết đỏ ngực*

\*

*Sách mười bô thua một ô che đầu!*

\*

*Sớm đúng, chiều sai. Hôm nay sai ngày mai lại đúng!*

## **T.**

*Tiếng keng xeng cơm*

\*

*Trên tiêu dưới cựa*

\*

*Trên răng, dưới cắn tút*

\*

*Thuốc lá đá thuốc lòn*

\*

*Tiền lẻ là thẻ thương binh*

\*

*Trăm hay không bằng... tay trong*

\*

*Thứ nhất ngòi lì, thứ nhì đồng ý*

\*

*Trâu đen ăn cỏ, trâu đỏ ăn thịt*

\*

*Tiền kho, bạc núi không bằng dăm dúi một chức*

\*

*Thủ kho to hơn thủ trưởng*

*Vào nhà thủ trưởng, tướng là... kho!*

\*

*Thẳng thẳng, thật thà, thường thua thiệt  
Lách luôn, lươn lẹo, lại lên lương*

\*

*Trên đồng cạn, dưới đồng sâu  
Chủ cày! Đây tớ nhà lầu ngòi chơi!*

\*

*Thủ trưởng nhìn em, thủ trưởng cười  
Đau lòng em lắm, thủ trưởng ơi!*

\*

*Trên tôi là một nhà thơ  
Dưới tôi một lũ ngẩn ngơ đại đời!*

\*

*Thi đua ta quyết thi đua  
Thi đua ta quyết tiến lên hàng đầu  
Hàng đầu rồi biết đi đâu!  
Đi đâu không biết, hàng đầu cứ đi!*

\*

*Tôn Đản là chợ vua quan  
Vân Hồ là cửa trung gian nịnh thần  
Đồng Xuân là cửa thương nhân  
Vĩa hè (mới chính) là cửa nhân dân anh hùng!*

\*

*Tiền là tiên là phật  
Tiền là sức bật con người  
Tiền là nụ cười tuổi trẻ  
Tiền là sức khỏe ông già  
Tiền là đà danh vọng  
Tiền là lọng che thân  
Tiền là cán cân công lý*

*Tiền hết ý cuộc đời*

**V.**

*Vượt Trường Sơn sang Lào*

\*

*Ve vè vè vè  
Nghe vè lương tháng  
Hai trăm ngòi phán  
Trăm tám ngòi nghe  
Tranh đài, tranh xe  
Là thằng trăm rưởi  
Tất ta tất tưởi  
Là lũ trăm hai  
Vừa hầu vừa sai  
Là quân chín chục  
Cửa nhà lục đục  
Là cánh sáu mươi  
Dở khóc dở cười  
Là anh bốn chịch  
Chẳng ta chẳng địch  
Là lũ con phe  
Nói chẳng ai nghe  
Là... ông nhà nước!*

\*

*Văn hay, chữ tốt, không bằng thằng dốt lắm tiền!*

\*

*Văn hay, chữ tốt không bằng thằng dốt có  
quyền!*

\*

## 20

Một cái cắn vào má cùng hơi rượu phả vào mặt làm Phùng thức giấc. Như một phản xạ tự nhiên, Nó giật mình nhồm dậy...

“Gớm, cậu ngủ ngon thế? Lạnh quá, chị sang hai chị em nằm chung cho ấm”.

Cảm nhận có điều gì đó không bình thường nhưng Nó không thể không dịch vào nhường chỗ vì chiếc giường Nó nằm là giường một. Trùm thêm chiếc chăn bông ôm sang lên chiếc chăn chiên Nó đang đắp, chị Khách nghiêng người lách vào, vòng tay ôm ngang người Nó. Không dám trở mình quay lưng về phía chị theo thế úp thìa, Nó đành nằm yên bất động, như khúc gỗ, trân trân nhìn lên trần nhà...

“Cậu Phùng! Cậu có thương tôi không?” - Thay đổi cách xưng hô từ “chị” sang “tôi” - chị hỏi như chỉ để mà hỏi rồi than thở với Nó hoàn cảnh của chị như chị đã từng tâm sự: Chồng chị dân miền Nam tập kết. Không biết số kiếp thế nào hay lỗi tại ai mà vợ chồng chị ăn ở với nhau ngót chục năm trời vẫn không có con! Rồi, từ ngày chồng chị xung phong lên đường nhập ngũ không biết sống chết ra sao mà sáu bảy năm nay không có tin tức gì! Rằng... không biết chiến tranh bao giờ mới kết thúc và nếu như may mắn còn sống đến ngày đó liệu chồng chị có còn nhớ đến chị



khi hai bên không có gì ràng buộc mà chị thì đã ở cái tuổi tiền mãn kinh! Chẳng lẽ chị chịu cảnh bà cô, chết già không nơi nương tựa! Rồi chị bảo: Ngày xưa không chồng mà chưa còn sợ mang tiếng chửa hoang, nhưng bây giờ đám con gái bên Nông trường chè mấy chục đứa đều có con ngoài giá thú bởi lo mình quá lứa lỡ thì! Vậy mà nông trường phải lo làm thủ tục khai sinh và lo có cái nhà trẻ cho các cháu. Bố của những đứa trẻ thôi thì đủ các thành phần. Vì nông trường phần đông là nữ, nên trước hết là cánh nam giới tuy đã có tuổi và đều đã có gia đình nhưng thuộc diện “mì chính cánh” trong nội bộ nông trường. Sau đó là dân lái xe đường ngắn đường dài, dân đốt vôi đốt lò, dân buôn bán lai thô; rồi công an, bộ đội... nên trong khai sinh, những đứa trẻ đều ăn theo họ mẹ. Phần người bố thì hoặc là không rõ hoặc là bỏ trống! Riêng trường hợp cái Tâm thì lại khác. Người ta muốn biết cụ thể thủ phạm bố đứa trẻ là ai (?) vì nó đã có chồng; chồng nó là bộ đội, lại đi B, nên tội ngủ với vợ có chồng đi B không đơn giản chỉ là tội hủ hóa! Nó bảo “Không biết!” - “Ngủ với ai sao lại không biết?” - “Nhiều!” - “Là những ai?” - “Khách qua đường!” - “Họ tên, nghề nghiệp, đơn vị công tác những người trong số đó?” - “Không rõ!” - “Chị đừng làm khó chúng tôi!” - “Vậy thì... người đó là chồng tôi, bởi không đêm nào chồng tôi không đến với tôi!” - “Chị có biết chúng tôi phải

chịu trách nhiệm khi chồng chị đi B và chồng chị không phải là bố đứa trẻ?” - “Nếu thế... - Nó nhìn thẳng vào mặt người hỏi - ... Nếu thế thì ông là bố đứa trẻ, bởi nếu như không nhầm thì ít nhất một lần ông đã ngủ với tôi”...

Lòng Phùng chùng xuống. Bởi những điều chị Khách kể khiến Nó không khỏi cảm cảnh cho thân phận những người phụ nữ và cảm cảnh cho thân phận mình!

Như sợ Nó hiểu sai ý mình, chị Khách tiếp như phân bua:

“Nhưng cậu đừng nghĩ xấu về chúng nó. Chúng nó không bán trôn nuôi miệng, không đi khách làm tiền, không phải dạng phò phạch, đi điểm, mà nhiều khi chúng nó còn phải bỏ tiền ra để “bao” bọn đàn ông chỉ với mong muốn là có cho mình một đứa con; như cái Thu, cái Vân, cái Nguyệt mỗi khi sang quán mua rượu, chè, lạc rang, thuốc lá là vì thế! Thằng hoặc có đứa nào được thằng đàn ông dầm dúi cho ít nhiều thì hoặc là gặp lúc túi đang rủng rinh hoặc là cũng động lòng trắc ẩn, chứ chúng nó đâu có đòi hỏi gì!

Phùng chột “hức” lên một tiếng như là nấc cụt. Chị Khách vội đưa tay lên mặt Nó. Thấy nước mắt Nó dàn dụa, chị rút tay lại rồi vỗ về Nó như người chị ru em:

“Đấy, chị mới nói thế mà cậu đã lại khóc rồi! Nhưng, đàn ông mà mau nước mắt là yếu đuối đấy, không tốt đâu!”

Thấy Nó vẫn nằm yên, chị rủ rỉ:

“Chị rất thông cảm với hoàn cảnh của cậu. Vậy cậu cũng nên thông cảm với hoàn cảnh của chị. Cậu cho chị xin một đứa con!”.

Nói rồi, chị mạnh dạn có những động thái mà đáng ra Nó phải làm cho chị chứ không phải là chị làm cho Nó. Nhưng, Nó cảm nhận được chị như người bị hẫng khi bàn tay chị chột ngẩn ra thẫn thờ vì thất vọng...

“Sao tôi lại khốn khổ, khốn nạn thế trời ơi!”

Rồi vùng dậy, chị ôm lấy chiếc chăn mang sang trở về giường mình và vẫn không tìm được những tiếng nấc nghẹn ngào, tức tưởi..

\* \* \*

Nhằm tránh sự khó xử cho cả hai chị em, sau đó mấy ngày Nó ngỏ lời Nó muốn đi Đà Bắc. Hình như cũng đoán trước được điều đó, chị bùi ngùi:

“Chị xin lỗi là đã không phải với cậu! Cậu bỏ quá cho chị; coi như chuyện đó chỉ hai chị em mình biết!”

“Không! Chị không có gì không phải! Em mới không phải... với chị!

Bất ngờ chị ôm chầm lấy Nó: “Sao hai chị em mình khổ thế cậu ơi!”

Bất giác, Nó cũng vòng tay ôm ngang người chị, riết vào lòng mình:

“Chị tha lỗi cho em!” Rồi, hai chị em cùng khóc...

Chị Khách ơi! Hẳn chị không ngờ...! Bởi cái đêm hôm ấy, em có phải là em không, chính em cũng không biết nữa!

# 21

## TRẮNG!

Con mọt ê ằm  
Chiếc giường gấp ê ằm...

Thôi rồi... kẻo kẹt!  
Con mọt thoi ê ằm!  
Chiếc giường gấp thoi ê ằm!

... Những con kiến bò vào trang viết!

## ĐẤT

*Kính tặng những người mẹ không có hạnh phúc được làm vợ!*

Có con chim bay qua vô tình gieo hạt  
Đất nhận về  
Cho cây lại sinh sôi...

Đất rạn vỡ buổi hạt mầm tách vỏ  
Đất vất kiệt mình những ngày nắng lửa  
Chết chiu mỡ màu con lũ đi qua  
Đất nuôi cây lớn  
Xin đừng hỏi từ đâu cây đến (!)

Đất có cây, cây có đất  
Đừng vô tình làm rơi trái chín...  
Đừng làm đau đất!  
Con chim ấy bay rồi...

## LÊN CHÙA

Người đòi bảo:

*“Chỉ một phút yếu lòng*

*Em để ngọn lửa dục vọng thiêu đốt...”*

Chiêu tuyết cho em những năm dài chờ đợi

Đêm tân hôn

Tôi đội bình tro đựng hài cốt em

Lên chùa.

## 22

Đến ngã ba Quai Chè, Phùng xuống xe. Nó rùng mình, người nổi hết da gà vì lạnh! So hai bờ vai gầy quặp lấy cái cần cõ vốn đã dài và nặng đang rụt lại, hai tay thọc túi quần, Nó nhìn quanh. Đồng năm xu duy nhất còn lại lật lên lật xuống dưới năm ngón tay bàn tay phải của Nó. Nó thềm một ánh đèn, một bát nước chè xanh nóng bỏng. Với năm xu còn lại Nó không thể thềm hơn! Từ đây về nhà còn mười hai cây số nữa, Nó sẽ được dừng chân trong chốc lát... Nhưng Nó thất vọng! Không gian im lìm như chết. Mấy quán hàng xác xơ, lạnh lẽo, nằm chờ vơ bên đường in bóng dưới trăng suông. Tóc gáy Nó dựng đứng cả lên. Nó thấy sợ, cái sợ rất bản năng của tổ tiên từ thời tiền sử...

Như muốn thoát ra cảm tưởng về một cõi hoang sơ, Nó cắm đầu ráo bước. Con đê dẫn về làng Nó mờ mờ, ảo ảo hiện lên ngoằn ngoèo dưới ánh trăng. Dọc theo hai triền đê, một bên là khu dân cư, một bên là những bãi mía mênh mông. Gió ào ào tiếng lá mía ghé tai nhau nói những điều bí ẩn. Phùng quên hết. Nó chẳng còn nhớ gì nữa! Cũng chẳng còn thấy rét. Lầm lũi, Nó không muốn mình tự “nát” mình bởi những suy diễn linh tinh. Thỉnh thoảng mới thấy một xóm nhỏ lèo tèo vài chục nóc nhà lúp xúp nằm nép vào



nhau. Tuy không một ánh đèn nhưng Nó thấy lòng mình âm lại. Tất cả đã khoác lên bộ quân áo của chiến tranh. Ánh sáng phải hạn chế, bởi trong đêm rất dễ bị phát hiện và trở thành mục tiêu của máy bay! Nhưng trong cái bề ngoài kia, Nó biết, trong đó là sự sống, là tiếng khóc trẻ con, tiếng gà gáy, tiếng chó sủa. Nó thấy nóng. Người Nó dầm dấp mồ hôi. Nó đưa tay lên vuốt vuốt mớ tóc xòa xuống trán lúc này đã ướt đẫm sương đêm và đã dính bết lại vì lâu ngày chưa gội. Nó thấy sạn sạn ở tay. Mặt Nó đã phủ một lớp bụi đường. Nó dừng bước và nhận ra ngay cái ống khói của nhà máy xi măng Sài Sơn thò lên như vòi một con quái vật đen xì. Đã quá lồi rẽ, Nó tạt xuống một lối mòn khác ra lộ. Làng Nó kia rồi! Tượng Sơn - con voi đá khổng lồ không biết từ bao đời nay ghêch vòi nằm phủ phục kia rồi! Trong đêm, dưới ánh trăng, qua màn sương bông bành bạc, nổi lên một vệt đen sẫm chạy dài. Làng Nó đấy! Chỉ còn bốn cây số nữa thôi... Nó sẽ về đến nhà. Mẹ Nó sẽ dậy nấu cơm cho Nó. Nó sẽ được ngồi cạnh mẹ Nó bên bếp lửa, được rửa người bằng nước nóng và... một bữa ăn ngon miệng. Sau đó, Nó sẽ lăn lên chiếc giường một của mình vẫn kê ở góc nhà, buông màn, đầu gối lên chiếc gối êm, kéo chăn lên tận cổ...

Nó nuốt nước miếng ! Cảm giác còn cào. Cái bụng sôi òng ọc nhắc cho Nó biết rằng từ sáng đến giờ

chưa có cái gì nhét vào bao tử! Nó đói, đói và khát nữa! Cổ thì khô, miệng thì se lại chát đắng...

Xuống bên xe Sơn Tây, trong túi còn bảy hào rưỡi. Nó tính vé đi Quốc Oai hết năm hào hai, còn hai hào ba; hay là...

Nhưng, bỏ ngoài tai những lời năn nỉ, dỗ dành ngon ngọt của cái bao tử đang lép kẹp, Nó vào phòng bán vé. Thật hú vía! Xe Quốc Oai chuyến cuối vừa chạy. Không muốn nằm lại bên xe không giường màn, không chăn chiếu cho muỗi đốt đến sáng mai, Nó đành mua vé đi Hà Nội (cũng chuyến chót) chấp nhận phải xuống xe nửa chừng và phải cuốc bộ mười hai cây số, hết bảy hào. Nó thấy cái tính hay lo xa của Nó quả nhiên không thừa! May mà chưa tiêu gì...

Đã về đến đầu làng. Phùng bước chậm lại. Nó nhìn quanh nghe ngóng, sợ gặp người! Chặng đường vừa qua không có người, Nó sợ! Bây giờ thì Nó lại sợ người! Chỉ một người biết là ngày mai cả làng biết và người ta sẽ cho dân quân đến gõ cửa, giải Nó đi “bêu” dọc hàng phố lên huyện như ngày nào! Nhưng không một bóng người. Xóm làng đã ngủ yên. Nó yên tâm rẽ vào con đường lát gạch nghiêng dẫn về nhà. Mặt cúi gằm, Nó bước những bước dài như chạy. Không dám gọi cổng, sợ hàng xóm nghe tiếng, Nó trèo tường tọt vào. Trong nhà tối om om. Lặn vào buồng như một thằng ăn trộm, Nó khe khẽ gọi:

“Mẹ! Mẹ ơi mẹ...!”

Cái chấm sáng xanh lè như chấm sáng nơi bụng con đom đóm của ngọn đèn dầu vặn nhỏ đặt dưới chân giường được khêu lên. Mẹ Nó ngồi trên giường vừa đưa hai tay lên đầu vắn vội vành khăn vừa ngoái đầu vào phía trong, giọng thảng thốt:

“Thầy em! Thầy em! Thầy Phùng...”

Bố Nó chồm dậy, thoáng chút sững sờ, nhìn Nó hốt hoảng:

“Mày lại về! Sống chết có số, sao mày cứ đi rồi mày lại về? Mày đi thì chỉ mình mày khổ. Còn cứ thế này thì... tao khổ, mẹ mày khổ, các em mày khổ, khổ cả nhà! Mày đi đi...”

Phùng lặng người trước sự thật phũ phàng không phải như những gì mong đợi. Cũng từ bỏ ý định nói cho bố mẹ Nó biết lần này về Nó chỉ ở nhà một hai hôm rồi sẽ ngược Hòa Bình kiếm việc làm chứ không lẩn lút ở nhà, Nó quay nhanh ra cửa. Mẹ Nó theo ra mở cổng và dúm cho Nó tờ giấy bạc mười nghìn. Đã toan không nhận nhưng Nó cũng kịp nhận ra chỉ còn năm xu trong túi và tuy không ngoảnh lại Nó cũng biết hai cánh cổng gỗ nhà Nó ngập ngừng đóng lại khi Nó đã đi khuất.

Lầm lụi trở ngược 12km đoạn đường vừa trải qua ra ngã ba Quai Chè, Nó xuôi theo quốc lộ 11A đi

Hà Nội. Đầu óc mụ mị, Nó đi như mê, như không biết là mình đi nữa!

Hình như một hai lần nghe tiếng còi và qua ánh sáng của ngọn đèn gầm, nhận ra là chiếc xe đi cùng chiều, Nó xin quá bộ nhưng không xe nào dừng lại! Rồi cũng không nhớ là một hay hai lần, cùng chiều hay ngược chiều, Nó chột choàng tỉnh khi nghe tiếng phanh “kít” lại kèm theo một câu không biết chữ hay là mắng nữa: “Chán sống rồi à? Giờ này mà vẫn còn dặt dẹo ngoài đường! Nát quá!”.

Đúng ra, Nó đã vừa đi vừa ngủ chứ không phải được “đi ngủ” hoặc “ngủ đi” như nội hàm của Tiếng Việt trong giao tiếp thông thường! Chạm Hà Nội vừa lúc đài phát thanh “Tiếng nói Việt Nam” cử hành bản nhạc bài tập thể dục buổi sáng. Đặt lưng xuống chiếc ghế đá, nơi bến xe Hà Nội đi Hòa Bình sơ tán, thuộc khu Văn Miếu - Quốc Tử Giám, đầu gối lên chiếc ba lô lộn, bên trong là bộ quần áo lính chưa kịp giặt, Nó không còn biết gì nữa!

Sau này, Nó mới biết đêm hôm đó Nó đã vượt bộ không dưới 50 cây số!

## 23

Theo “**Tân tập toán mệnh bất cầu nhân**” của Tiên sư Thần số Viên Thiên Cương (Cang) với cân lượng của năm tháng ngày giờ sinh: (tứ trụ) làm cơ sở:

Theo đó, mệnh số của nó;

Niên số (Canh Dần): 0,9 lượng

Nguyệt số (tháng 10): 0,8 lượng

Nhật số (ngày 10): 1,6 lượng

Thời số (giờ Tuất): 0,6 lượng

Tổng: Niên, nguyệt, nhật, thời (số) = 3,9 lượng

### **Xứng cốt ca**

*(Lời chiêm - tổng đoán)*

Thử mệnh chung thân vận bất thông

Lao lao tác sự tận giai không

Khổ tâm kiệt lực thành gia kế

Đáo đắc na thời tại mệnh trung

**KIÊN**



**(HẠ QUÁI)**

**Tiểu thuyết**



## 24

Tu Lý - một xã vùng cao thuộc huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình - là một xã bao gồm nhiều sắc tộc: Mường, Dao, Thái, Tày, Thổ và Kinh (đầu những năm sáu mươi lên đây khai hoang lập ấp với cái được gọi là “Đi xây dựng và phát triển vùng kinh tế mới”). Đê khu biệt với các địa danh gắn với người dân bản địa đã sinh sống ở đây từ lâu đời như: xóm Mít (Dao Tiên), xóm Mạ (Dao Quần Chẹt), Tày Mãng (Tày) và các xóm: Mu Công, Giêng, Mỗ La, Tình Tràng có xen vài nhà người Thái, người Thổ nhưng đa số là người Mường, Tu Lý đã bổ sung vào bản đồ hành chính của mình một số địa danh các xóm Kinh có gắn với từ “Lý” như: Kim Lý, Thạch Lý, Yên Lý (vốn gốc Kim Quan, Thạch Xá, Yên Thôn thuộc huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây) và Bình Lý (gốc Thái Bình).

Là một xã vùng cao nhưng Tu Lý lại là một trong những đầu mối giao thông quan trọng. Đường bộ có thể ngược Cao Sơn đi Tân Minh, Tân Pheo; hoặc theo ngã Hiền Lương ra Bến Chương, ngược lên Thác Bờ - thủ phủ huyện Đà Bắc; hoặc qua ngã “Trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa tỉnh Hòa Bình” đi Thanh Sơn, Thanh Thủy (Phú Thọ); hoặc theo ngã Toàn Sơn ra phố Đúng, qua đò ngang là thủ phủ tỉnh nhà. Rồi, cập Sông Đà là các bến như:



Bến Mị, Bến Thia, Bến Ngọc, Bến Đứng, Bến Chương. Qua sông là đường 6. Đến đây, dù theo đường thủy hay đường bộ: Ngược là Yên Châu, Thuận Châu, Mộc Châu, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Sông Mã; xuôi là: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nội...

Gia nhập đội quân phát vãng nơi đây dưới danh nghĩa “nông nhàn” nhưng đều thuộc diện mất “căn cước”. Nếu không là tù trốn trại thì cũng là đối tượng đang bị truy nã hoặc có tiền án, tiền sự. Nhẹ thì phe phẩy, phò phạch, trộm cắp, cò bạc; nặng thì buôn lậu, cướp của, giết người; nhưng phần đông là thuộc diện trốn tránh nghĩa vụ quân sự; hoặc đào nhiệm, đào ngũ. Do đó, trả giá cho việc không có giấy tờ tùy thân là phải chấp nhận chuyện được/ bị bóc lột sức lao động của mình!

Thâu nạp đám tàn quân ô hợp này là một B trưởng, tên Bưởng, thường được gọi là B Bưởng. Chẳng biết ông ta có phải là thương binh hay không khi bị cụt đến tận khuỷu tay cánh tay bên phải và với tư cách đại diện cho bên B hợp đồng di tu, bảo dưỡng trên dưới 100km đường bộ các tuyến, phục vụ cho đội xe Gát 67 ba cầu của lâm trường, chuyên chở số gỗ khai thác được tập kết nơi các bến bãi để đóng bè xuôi sông Đà về Hà Nội.

Là B nhưng không phải như biên chế trung đội trong quân đội bốn năm chục người mà dưới trướng B Bường - dù trời, sục - thường là trên dưới hai trăm con người, tương đương một C - bốn trung đội.

Không hiểu trong hợp đồng lao động mà B Bường đại diện cho đám quân lao động chui (bên B) thì đại diện cho bên A là giao thông đường bộ hay lâm trường Tu Lý (!) Bởi việc di tu, bảo dưỡng thuộc trách nhiệm của ngành giao thông đường bộ nhưng không thấy một Cung hay Hạt giao thông nào ở đây trong khi chuyện cơm áo gạo tiền (qua B Bường) cho đám quân lao động chui lại là Lâm trường Tu Lý?!

Tuy trên dưới hai trăm con người nhưng không tập trung mà chia thành nhiều tổ. Ít thì hơn chục người, nhiều thì trên dưới hai chục người một tổ - tùy theo nặng nhẹ tuyến đường được phân công đảm nhiệm. Trọng tâm là tuyến ngược Cao Sơn và tuyến xuôi Bến Mị vì khối lượng gỗ khai thác được chủ yếu là ở Cao Sơn và trong số các bến thì bến Mị thuận lợi hơn vì bến bãi rộng lại nằm ở phía hạ lưu.

Vì không có nhà Cung (như các Cung giao thông nhà nước) nên các tổ đều phải nấu nướng, ăn uống, ngủ nghỉ nhờ nhà dân. Tổ của Nó được phân công đảm trách tuyến Tu Lý - Cao Sơn/ Cao Sơn - Tu Lý. Lại quay về với những công việc: Vá ổ gà, ổ voi; phát ta luy, bạt lè, dọn mương, xẻ đuôi cá như ngày nào;

chỉ có điều sau sáu bảy năm, từ là người nhà nước, giờ đây Nó thuộc diện lao động chui, tuy chưa có tiền án nhưng tiền sự thì: đào nhiệm, đào ngũ, chống người thi hành công vụ!

Là một xã thuộc vùng sơn cước, vốn yên tĩnh nhưng với sự có mặt của dân khai hoang định cư và đội quân lao động chui như là một tổ chức biệt lập với chính quyền sở tại, Tu Lý bỗng trở nên sôi động và không biết cái tổ chức phi chính phủ ấy sẽ tồn tại đến bao giờ nếu như không có cái ngày ấy - ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Không hiểu do thông tin không kịp thời hay phải lo may đủ số cờ phát cho các hộ gia đình mà đến trưa ngày 01 tháng 5 mới thấy nhà nhà treo cờ trước cửa. Nó ngạc nhiên vì những năm trước, cũng ngày này - ngày Quốc tế lao động - không thấy nhà nhà treo cờ mà sao năm nay...? Bất giác, Nó bỗng mỉm cười chua chát khi liên tưởng đến ngày Quốc tế lao động với cái thân phận lao động chui của mình!

Nhưng cùng lúc, cái tin miền Nam đã hoàn toàn giải phóng loang đi rất nhanh. Rốt cục, đội quân B chui lại là những người biết tin muộn nhất! Như ong vỡ tổ, chiều hôm đó các đội đều bỏ việc. Không ai bảo ai, nháo nhác đi tìm B Bường đòi thanh toán để về quê. Nhưng hình như cũng biết được điều đó, B

Bường đã nhanh chân cao chạy xa bay từ chiều hôm trước.

Cùng đám tàn quân lôi thôi lếch thếch đi bộ 15 cây số theo ngã phố Đứng, qua sông sang thị xã Hòa Bình, đến bến xe thị xã mua vé để về quê nhưng Nó có cảm giác như bị hẫng! Bởi cuộc chiến huynh đệ tương tàn với sự chống lưng - dù trực tiếp hay gián tiếp - của các nước lớn cho cả hai bên (đã bị đánh tráo khái niệm là cuộc chiến ý thức hệ nhưng thực ra chỉ là cuộc tranh giành vị thế bá chủ của những con đầu đàn) tuy đã kết thúc nhưng liệu người ta có để cho Nó được yên?

## 25

### CHỢT GÌ VIẾT NÀY

*(Thời gian gia nhập đội quân lao động chui ở Tu Lý)*

### HẠNH PHÚC.

Một vị thiền sư thuyết pháp về hạnh phúc:

- Hạnh phúc là gì? Với tuổi thơ là tình yêu thương; với tuổi trẻ là sự thành đạt; với người già cả là sự hiếu thảo của con cháu; với người nghèo là sự no đủ; với người giàu là những giá trị tinh thần; với người ốm đau là sức khỏe; với người cơ thể khiếm khuyết là sự hoàn thiện; còn với người đang ở trong hoàn cảnh lao tù là tự do...

Nghe đến đây, có người hỏi thiền sư:

- Nghĩa là hạnh phúc không phải là một mẫu số chung cho tất cả mọi người?

- Đúng vậy!

- Và như vậy cũng có nghĩa không có ai là người hạnh phúc?

- Không biết mình hạnh phúc thì đúng hơn!

- Vậy thế nào là người hạnh phúc?

- Người hạnh phúc là người ý thức được: *Ở đời được cái nọ thì phải mất cái kia, nên biết bằng lòng với những gì mà mình đang có và vì vậy luôn thấy mình hạnh phúc; ấy là người hạnh phúc.*

## HÌNH NHI HẠ, HÌNH NHI THƯỢNG.

Khổng Tử bảo Nhan Hồi:

- Này Hồi! Nhà con nghèo chỉ vì địa vị của con thấp hèn, sao con không lo lấy một chức quan để làm vốn; bởi có danh rồi sẽ có thực (lợi)! Chẳng hơn là con phải cam chịu cảnh nghèo hèn mãi ư?

Nhan Hồi đáp:

- Con cũng biết thế, nhưng lời thầy khuyên đã lấy gì làm chắc?

- Sao thế?

- Bởi danh và lợi ở đời ví như con mồi; người háam danh và lợi ví như người đi săn mồi; mồi thì ít mà người đi săn mồi thì nhiều, thế tất dẫn đến việc tranh dành, sát phạt nhau là điều không thể tránh khỏi! Chưa kể, người được chỉ là số ít, còn người trắng tay lại là số đông! Như vậy chẳng thà cứ vui với cuộc sống hiện tại, tuy không có cái *được* của số ít, nhưng không nằm trong cái *mất* của số đông, há chẳng hơn ư?

Khổng Tử bảo Nhan Hồi:

- Điều thầy nói với con là cái học của “*hình nhi hạ*”; còn sự hiểu của con là cái học của “*hình nhi thượng*”...

## HAY DỠ!

Trục Hành hỏi Trục Ngôn:

- Có quyền sách trước đọc thấy hay, sau đọc thấy dở; ngược lại có quyền sách trước đọc thấy dở, sau đọc thấy hay là nghĩa làm sao?

Trục Ngôn đáp:

- Hay là hay, dở là dở, không có chuyện trước hay sau dở hoặc trước dở sau hay, chỉ có người đọc nó lúc hay, lúc dở...

- Nghĩa là...

- Nghĩa là nếu nó hay mà trước thấy hay sau thấy dở; hoặc nếu nó dở mà trước thấy dở sau thấy hay thì người đọc nó trước hay sau dở! Ngược lại, trước thấy dở, sau thấy hay mà đúng là nó hay; hoặc trước thấy hay, sau thấy dở mà đúng là nó dở thì người đọc nó là người trước dở sau hay!

- Còn trường hợp trước thấy hay, sau vẫn thấy hay; hoặc trước thấy dở, sau vẫn thấy dở?

- Nếu trước thấy hay, sau vẫn thấy hay; hoặc trước thấy dở, sau vẫn thấy dở mà đúng là nó hay hoặc dở thật thì người đọc nó là người trước sau đều hay! Còn trước thấy hay, sau cũng thấy hay mà thực ra nó là dở; hoặc trước thấy dở, sau cũng thấy dở mà

thực ra là nó hay, thì người đọc nó thiết tưởng...  
không phải bàn làm gì!

- Vậy thế nào là một cuốn sách hay, thế nào là một cuốn sách dở?

- Cuốn sách dở là cuốn sách không *đi* hết được cái *thời* của người đọc nó; còn cuốn sách hay là cuốn sách thoả mãn được người đọc của mọi thời...

- Nếu thế thì sách dở là nhiều?

- Sách dở nhiều, song người dở cũng không ít!



## TRUYỆN CON MÈO.

Một lần trên đường du thuyết, khi qua nước Việt, Khổng Tử gặp một đứa trẻ chừng bảy, tám tuổi đứng đón ngang đường:

- Nghe nói ngài là người: *Trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, giữa tri nhân sự*; vậy dám xin được hỏi ngài một câu...

- Chẳng hay việc trời đất hay việc quỷ thần?

- Không! Việc người!

- Được, ta nghe đây!

- Thưa ngài: Người ta nuôi mèo để làm gì?

- Để bắt chuột!

- Vậy xin ngài hãy vui lòng giải thích: Nhà tôi có một con mèo; nhà hàng xóm cũng có một con mèo. Thường thì con mèo nhà hàng xóm vẫn sang quán quýt với con mèo nhà tôi. Về khoản bắt chuột, khỏi phải nói, con mèo nhà tôi phải tôn nó làm bậc sư phụ! Nhưng đến bữa ăn, mỗi khi con mèo nhà hàng xóm sán đến đĩa cơm và khúc cá kho (dành cho con mèo nhà tôi) là nó lại bị bố mẹ tôi xua đuổi! Xin hỏi: Khi bắt chuột, nó không phân biệt là *chuột nhà tôi với chuột nhà nó*, sao khi cho ăn, bố mẹ tôi lại phân biệt *mèo hàng xóm với mèo nhà*?!

Nghe đến đây, Khổng Tử ngửa mặt lên trời mà rằng: *Hậu sinh khả úy! hậu sinh khả úy!* (Sợ thay kẻ sinh sau! Sợ thay kẻ sinh sau!) - Rồi quay qua đám môn sinh:

- Các trò rõ chưa (?) Bản chất của con người là tư hữu! Nhớ lấy! Nhớ lấy...

## QUA CỔNG.

Năm người phải đi qua một cái cổng.

Người thứ nhất kiễng chân, uốn ngực, đầu vẫn không chạm cổng.

Người thứ hai phải cúi đầu mới qua được: *Cái cổng này thấp quá!*

Người thứ ba dừng lại, lắc đầu không nói gì.

Người thứ tư trèo qua.

Người thứ năm phá cổng.

## THIÊN ĐƯỜNG VÀ ĐỊA NGỤC.

Một lần trên đường thuyết pháp, có người hỏi đức Phật tỏ lối đến thiên đường. Không chút nghĩ ngợi, Ngài chỉ cho người ấy đi về hướng Tây. Một lúc sau, lại có người hỏi Ngài lối đến thiên đường. Vẫn không nghĩ ngợi nhưng lần này ngài lại chỉ về hướng Đông. Thấy vậy, một vị đệ tử thắc mắc:

- Thưa thầy, trước đó thầy bảo thiên đường ở về hướng Tây; như thế có nghĩa là địa ngục ở về hướng Đông. Bây giờ thầy lại bảo thiên đường ở về hướng Đông; như thế cũng có nghĩa là địa ngục ở về hướng Tây. Vậy đâu là thiên đường, đâu là địa ngục?

Đức Phật tỏ bảo với vị đệ tử:

- Có gì khác đâu! Quả đất vốn tròn! Đường lên thiên đường cũng là đường đến địa ngục và ngược lại đường đến địa ngục cũng là đường lên thiên đường. Bởi chỗ cùng cực của thiên đường chính là địa ngục và chỗ cùng cực của địa ngục chính là thiên đường...

## **BẮT ĐÈN!**

Át và Kỷ sang chung một chuyến đò. Đến giữa dòng, không may đò bị thủng một lỗ khá to ngay chỗ Át ngồi. Nước ồ vào. Át lấy tay tạm thời bịt lỗ thủng lại. Bảo Kỷ:

- Anh quán cho tôi xin nắm giẻ, để tôi nhét nút nó lại; rồi lấy mũ mà tát nước ra...

Kỷ vẫn ngồi yên:

- Thủng chỗ anh, chứ có phải thủng chỗ tôi đâu!

Đò chìm. Trước khi chết, Kỷ còn cố ngoi lên để bắt đèn Át.

## THỐT LỖM !

Một người có cái thớt, dùng lâu, đã lốm giỡm. Thái miếng thịt mãi không đứt, người ấy quẳng bỏ dao, ra chợ mua con dao khác. Thấy dao mới không hơn gì dao cũ, người ấy lại ra chợ tìm người bán dao, đòi đổi! Đến bốn năm lần như thế, cuối cùng người ấy đem dao ra trả, đòi lại tiền, không mua nữa. Bảo người bán dao:

- Nhà tôi có cái thớt, dùng đã mấy chục năm nay, không hiểu làm bằng gỗ gì mà còn tốt thế. Dao của bác tuy sắc, nhưng đem về thử, thay đổi đến bốn năm lần mà không con nào chịu được...

## CHIA THỊT KHÔNG ĐỀU!

Giáp tâm sự với Ất:

- Trước đây tôi cứ nghĩ Khổng Tử là ông thánh, nhưng đến bây giờ đọc *Luận ngữ* mới thấy thì ra ông ta cũng chỉ là người tầm thường thôi!

Ất cười:

Nếu thế thì ông là ông thánh!

Giáp:

- Tôi nói nghiêm túc đây! Cả quyển *Luận ngữ* chỉ nội một đoạn đó thôi cũng đã đủ để đánh giá Khổng Khâu là người thế nào rồi!

- Anh nói đoạn nào?

- Đoạn Lỗ Định Công làm lễ tế giao...

- Sao nữa?

- Sau đó, Lỗ Định Công tức khặc về cung, chẳng ra coi triều, cũng chẳng nghĩ gì đến chuyện chia thịt phân tể!

- Vậy thì có liên quan gì đến Khổng Tử?

- Khổng Tử đi tế mãi đến chiều tối mới về, hỏi đến phân thịt tế giao thì người được , người không, người nhiều, người ít! Ngay Khổng Tử cũng nằm trong số những người không nhận được thịt phân tể! Khổng Tử liền thở dài mà bỏ nước Lỗ đi sang nước Vệ...

- Gì nữa?

- Thế thôi!

- Như thế mà anh dám bảo Khổng Tử là người tầm thường?

- Thì chẳng lẽ một ông thánh mà cũng thắc mắc về chuyện chia thịt không đều!

Át cười:

- Thế là anh mới chỉ biết được cái *bã* của *Luận ngữ*, chứ chưa phải đã biết đọc *Luận ngữ*! Khổng Tử bỏ đi vì thấy việc chia thịt cho trăm quan là việc nhỏ mà Lỗ Định Công đã không công bằng thì làm sao có thể công bằng được với người trong nước là việc còn khó hơn! Mà đã không công bằng thì là đầu mối của loạn! Này nhé, từ cổ chí kim, bài học về sự bất hoà - nhỏ thì trong một nhà, lớn thì trong một nước – chẳng phải cũng đều xuất phát từ việc *chia thịt không đều* đấy ư?

Lúc này, Giáp mới ngẩn ra:

- Thánh! Thế thì thánh thật!

## KHUYỂN KINH!

Chó nhà hỏi chó rừng:

- Có một cuốn sách hay lắm, không hiểu anh đã xem chưa?

- Cuốn gì?

- *Khuyến kinh!*

- *Khuyến kinh?*

- Phải, *Khuyến kinh!* Nghĩa là sách viết về phép xem tướng chó!

- Vậy thế nào là chó hay?

- Chó hay phải *Tam tinh khoáy sọ, tứ túc huyền đề*, tai phải cúp, đuôi phải cong...

Mới nghe đến đây, chó rừng đã cắt ngang:

- Thế là hay với người chứ không hay với chó! Bởi tướng ấy là tướng cam phận làm tôi tớ người ta...



## ĐẠO.

Trong một lần Khổng Tử tiếp kiến Lão Tử:

- Như thế nào là đã đạt đến đạo?

Lão Tử:

- “*Chứa*” được mọi người là đã đạt đến đạo.

Khổng Tử lại hỏi:

- Có lẽ nên bắt đầu từ sự phức tạp để thấy mọi điều đều đơn giản?

Đáp:

- Còn phải đạt đến sự đơn giản để thấy được cái phức tạp.

- Cụ thể?

- *Cái rộng chứa được cái hẹp.*

Khổng Tử nín lặng không nói gì!

## THIÊNG.

Thấy mọi người xì xụp khăn vải, anh Gàn chỉ ông Bụt trong miếu, bảo mọi người:

- Đó là đồng đất!

Ai cũng cười anh ta nông cuồng.

... Kịp khi thế sự thăng trầm, bể dâu biến đổi; trên nền miếu xưa đổ nát chỉ còn lại một mô đất, không người hương khói, ngày nào anh Gàn cũng đến đèn hương, quét dọn có vẻ cung kính lắm. Thấy vậy, một người nhắc lại chuyện cũ:

- Chẳng lẽ đấy là ông Bụt!

Anh Gàn cười bảo:

- Thì vẫn là đồng đất, nhưng trước đây không có tôi cũng không sao, còn bây giờ thì đất vẫn thiêng mà có thấy bóng ai đâu!

Người kia không nói gì.

Đồng đất nghe hai người nói chuyện mà toát mồ hôi...

## NGŨ QUẢ

To làm chi mấy hời bông  
Da ngoài bóng bẩy cùi trong những cùi  
Chát lòng quýt lắ xanh oi  
Để chua bọng chuối mà tươi má hồng  
Nuốt cay phật thủ cho xong  
Bưởi non ngậm đắng đèo bông thể thôi !

## 26

Phùng cảm đèn đi quanh gian buồng một lượt. Tất cả vẫn như xưa, bề bộn và chật hẹp! Hơn thế nữa những bức tường đã loang lổ màu quét trần, màu của thứ ngói non chạy rạ, bị dột trong những trận mưa. Vẫn chiếc màn ấy! Hai cái gối... còn một, đã được thay vỏ nhưng cũng đã rách thò những mụn vải độn trong ra ngoài! Dừng lại nơi chiếc giường, Y soi đi soi lại rồi ngẩng lên hỏi vợ:

"Nhà mình mới mua cái giường này đây à?"

Vợ Y nhỏ nhẹ:

"Hồi tháng tám vừa rồi đói. Trong rừng người ta kéo gỗ ra bán đày. Thấy rẻ, thầy mẹ mua được mấy "hộp". Đóng được cái giường còn thì ngâm ngoài ao Chính".

"Ai đóng?"

"Chú Mộc"

"Thế chiếc giường cũ đâu?"

"Hỏng từ đời nào còn gì! Em phải nằm chõng..."

Y cười khinh bạc:

"Tiếc nhỉ, cái giường còn tốt thế mà đã hỏng! Thợ Nam đóng hẳn hoi, từ hồi còn mồ ma ông cụ!"

Đêm ấy, đêm đầu tiên vợ chồng Y gần nhau sau năm năm trời xa cách. Y cứ băn khoăn sao vợ Y không mặc cảm chuyện chồng mình đào ngũ, bị trói giạt cánh khuấy giải đi bêu dọc phố? Sao vợ Y vẫn

âm thầm chịu đựng chờ Y suốt 5 năm? Y không cắt nghĩa nổi? Mà Y hiểu làm sao được khi Y quan niệm tình yêu, tình vợ chồng là một cái gì đó rất ghê gớm, rất cao siêu trong khi vợ Y thì đơn giản...

Phùng muốn nói những lời thật triu mến, đầy lòng biết ơn người vợ trong những tháng năm Y "đi tìm tự do" đã có công trông nom bố mẹ Y và dạy dỗ các em Y. Y muốn nói...

... Hiền vẫn ngủ say. Y nhẹ nhàng vén chăn ngồi dậy và rón rén đi ra. Cả nhà đang ngon giấc. Y vươn vai tập một bài thể dục nhẹ. Trời rạng sáng.

Phùng đi một vòng quanh sân. Không khí trong lành buổi sớm cho Y một cảm giác lâng lâng và nhẹ nhàng. Vẫn trong căn buồng 5 năm về trước - căn buồng nghèo! Vẫn người vợ ấy! Người vợ không còn những nét trẻ con và vô tư như 5 năm về trước nhưng Y thấy yên tâm. Giá cứ "dốt" như vợ Y mà lại hay, vì "dốt" mà thị biết thuận theo hoàn cảnh mà cam chịu, vui lòng cam chịu và sẵn sàng đón nhận ngay từ đầu, không vùng vẫy! Còn Y, phải mất 5 năm mới nhận ra được điều mà thị đã nhận ra!

Hôm nay trở về, Y chẳng thèm muốn ước ao. Y hài lòng và thấy thế là đủ. Không phải vì vợ chồng Y nằm trên chiếc giường mới đóng và nhà Y đã rũ sạch nợ nần...

Y trở về. Giá hôm nay vẫn là 5 năm về trước thì cũng thế!

Quãng quá nửa đêm, Phùng thức giấc. Vợ Y đang quờ quạng đánh diêm châm đèn. Y trở mình quay mặt vào tường và lại thiếp đi. Gần sáng, một lần nữa những tiếng động làm Y trở giấc. Vợ Y đang rên! Y mở mắt. Ngọn đèn vẫn sáng đê trên bàn. Vợ Y ngồi ngay sát mép giường, cạnh Y, hai tay đặt trên đùi, hai chân thõng xuống đất.

“Dậy làm gì thế?” - Y sảng giọng!

Vợ Y đáp lại bằng những tiếng xuýt xoa!

“Hiền?”

“Khô... ông!” - Giọng vợ Y đứt quãng bởi một nụ cười gượng gạo.

Một ý thoáng nhanh trong đầu, Phùng tung chăn chồm dậy. Không nói, không rằng, Y tụt xuống giường lần vội đôi dép rồi cầm đèn sang buồng bên. Linh tính đã mách bảo cho Y biết vợ Y trở dạ đê.

“Mẹ ơi, nhà con nó kêu đau...”

Mẹ Y bật ngay dậy như vẫn thức tự bao giờ. Quệnh quàng đưa hai tay lên quán vội vành khăn, mẹ Y gọi bố Y:

“Thầy em, thầy em...” - Rồi như nói với Y “...Thầy mày ngủ mới gớm chứ!” - Tiện tay mẹ Y kéo tuốt chiếc chăn bố Y đang đắp “...Thầy em, dậy! Cái nhiều vợ thằng Phùng nó trở dạ đê....”

Bố Y ú ớ, giọng vẫn còn khê nòng vì ngại ngủ:

“Ồ, ờ.....cái gì.....?”

“Người đâu mà ngủ kẻ trộm nó khiêng không biết đường mà dậy! Rồi mẹ Y dần từng tiếng một - Cái nhiều vợ thằng Phùng nó trở dạ đẻ....”

“Ồ, thế à!” Bố Y chồm ngay dậy, tỉnh như sáo, một mắt vẫn chưa mở được vì chói ánh đèn, đã tụt xuống giường, lại góc buồng vớ ngay lấy cái xoong như đã chuẩn bị sẵn từ trước, giọng rói rít:

“ Phùng, châm lấy cái đèn nữa đi con; rồi ra gọi bà vãi vào để bố đi đun nước. Còn mẹ em...” - Bố Y quay sang mẹ Y nói như quát - “Tuồng thế nào, vẫn ngồi đấy! Chỉ được cái to mồm! Không chạy sang xem con nó thế nào...”

\* \* \*

... Quãng 9 giờ hơn một tí, mẹ Y từ trạm xá lật đật chạy về, mặt rạng rỡ:

“Sổ rồi! Con trai!”

Không biết sung sướng hay là cảm động, bố Y cười mà như mếu! Mẹ Y tiếp:

“Ra trạm xá, cô Năm “thăm” xong cô ấy bảo:

“Thôi, các bà cứ đi mà ngủ, để được còn đã chán.” - Tôi với bà vãi cứ cuống lên: “Nhưng cháu nó...” - Cô ấy lại cười “Các bà cũng đã đẻ chán ra rồi chứ có chưa đẻ lần nào đâu mà bảo không biết! Ai đẻ con so mà chả thế! Thôi, các bà cứ đi mà ngủ!” - Nói

rồi, cô ấy bảo cô ấy về nhà riêng....! “ Con mẹ bòi” nằm một giường, tôi với bà vải nằm một giường. Được một lúc, hình như đau quá hay sao ấy, con mẹ bòi cứ đứng dậy đi ra đi vào. Chán lại ngồi xuống đứng lên. Cứ thế, chẳng ai chợp mắt được tí nào....cho mãi đến hơn 9 giờ mới sỏ, được ba cân rưỡi. Buồn cười (mẹ y cười)... mãi 8 giờ cô Năm cô ấy mới đến. Bà vải cứ lo! Nhưng phải công nhận là cô ấy bình tĩnh thật! Vừa đến cửa cô ấy đã hỏi “ Thế nào hai bà, cháu nó đã đẻ chưa? Thì tôi đã bảo mà....”

Phùng bỗng bật cười với ý nghĩ “Vậy là vợ Y sau khi sinh đứa con đầu lòng là con trai, danh xưng đã thay đổi từ “con cái nhiều” “chị nhiều” sang “con mẹ bòi”, “chị bòi”; rồi Y cũng từ "anh nhiều", "thằng bố nhiều" nhảy lên vị trí “thằng bố bòi” “anh bòi”. Song, nếu đứa con đầu lòng của Y là gái? Thì vẫn từ “con cái nhiều”, “chị nhiều”, danh xưng của vợ Y sẽ được nâng cấp lên “con mẹ đĩ” “chị đĩ”. Tương tự, Y sẽ không dừng lại ở danh xưng “anh nhiều” “thằng bố nhiều” nữa mà là “thằng bố đĩ”, “anh đĩ”. Thì ra... như là một phát hiện - Y bỗng không nhin được cười với ý nghĩ từ “đĩ” ở đây không có hàm nghĩa “làm đĩ”, “đánh đĩ”, “con đĩ” hay “đĩ thõa” mà ở dạng từ nguyên, thuần nghĩa chỉ giới tính “cái” (để phân biệt với “bò” - đực). Và như vậy, là con người nếu thuộc giống đực đều là “bò”, giống cái đều là “đĩ”...



Không hiểu Y sẽ còn lan man tới đâu nếu bố Y không cắt ngang dòng suy nghĩ của Y! - “Này bà, thế lúc con mẹ bôi nó sô, ai là người đón tay?”

Phùng ngân người! Thì ra không chỉ riêng vợ chồng Y mà cả bố mẹ Y cũng đã thay đổi danh xưng. Không còn “thầy em”, “mẹ em” như trước mà đã nên “ông” nên “bà” cả rồi! Bất giác Y nhớ đến câu tục ngữ: “Sinh con rồi mới sinh cha/ Sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông” cứ tưởng như nói ngược mà hóa ra thuận lý. Vậy là Y đã có con. Y đã được làm bố. Y không hiểu tâm trạng của những người được lần đầu làm bố như thế nào (?) Với Y, Y chỉ có cảm tưởng cái dòng tình cảm của Y hơi chùng chành, hơi chao đảo bởi một tình cảm mới. Y đã được làm bố! Kể cũng ngộ ngộ, hay hay và có cái gì như cả chua chát nữa! Đồi Y đã rẽ một bước ngoặt, đã có cái gì đó xen vào như là sự xáo trộn. Y đã chuyển sang một hệ hình quy chiếu khác, cùng với trách nhiệm, nghĩa vụ cũng như quyền lợi....

“Bà đi nấu com để tôi chạy ra với cháu....”

Phùng khựng lại! Loáng thoáng tiếng bố Y vừa nói gì với mẹ Y đã làm loãng, làm nhòe mờ dòng suy nghĩ của Y, khiến mặt Y nghệt ra, trông ngây ngô, đần độn. Y lờ mờ với dòng suy nghĩ lúc ẩn, lúc hiện vừa vượt mát trong đầu “Gì nhỉ? À... mà bố y vừa nói gì...?”

“Này ông ơi!” - Phùng sực tỉnh - Mẹ Y từ trong nhà lật đật chạy ra:

“... Nhân thể, ông tạt qua chợ mua lấy quả chanh và đến hiệu thuốc của cụ lang Đống mua lấy một đồng cam thảo...”

## 28

Cầm cuốn sách, hai tay quặt sau lưng, Phùng đi đi lại lại quanh sân. Đầu Y lúc cúi xuống, lúc ngẩng lên. Mặt cau cau, đôi mắt nheo lại như đang nghĩ một điều gì lung lăm!

“Con người bẩm sinh là cái đẹp...” Y bỗng liên tưởng đến một câu nói hình như của một văn hào Nga nào đó mà Y đã đọc được ở đâu. Đúng, “Con người bẩm sinh là cái đẹp” đó là bản chất và vì thế những xấu xa, tội lỗi... đâu phải tại con người! Phải chăng mỗi con người đều phải sống cho mình và chính trong khi sống cho mình họ đã sống cho nhau? Con người là nô lệ của chính mình, nô lệ lẫn nhau và tất cả... nô lệ trong thế giới vật chất mình đang sống! Chiến tranh! Để sống trong khi vuron tới, con người bỗng là kẻ thù của nhau, chém giết lẫn nhau...! Tất cả mọi thành tựu của khoa học được đem ra phục vụ cho khoa học “sống”. Phải sống, sống đã! Muốn có khoa học phải sống! Phải chăng khoa học cũng lấy đó làm phương tiện mở đường?! Bao nhiêu của cải vật chất chi phí cho cuộc chiến. Chiến tranh...! Con người tiến lên một bước để lùi lại nửa bước (hay tiến lên nửa bước để lùi lại một bước) Con người cứ thế dò dẫm đi lên. Vậy thì trong cái ý nghĩa tưởng như tích cực của chiến tranh là tự vệ, là chống ngoại xâm, là bảo vệ chủ

quyền bao hàm cả một nội dung tiêu cực! Chính đó là bi kịch, bi kịch của con người, rộng ra là nhân loại, cái thế giới mà con người đang sống!!!...”

“Cái thằng bố nó kia, ở nhà chẳng làm gì mà nó cũng không đi đón cháu bà! Cha cái thằng bố nó chứ! Cái thằng bố nó có ra cái gì đâu! Hự... hự...”...

“Yêu cầu của con người là vô hạn; nhưng sống trong thế giới vật chất hữu hạn, con người phải chịu sự chi phối của nó! Chịu! Nhưng con người không bao giờ tự giác mà thừa nhận! Con người luôn luôn mâu thuẫn, mâu thuẫn với chính mình (giữa cái hữu hạn và cái hữu hạn) và với thế giới (giữa cái hữu hạn và cái vô hạn). Những yêu cầu được thỏa mãn lại có những yêu cầu mới cao hơn... Cứ thế, con người giành giật, quần quai, cắn xé...! Con người đã phải thấp hèn, xấu xa, tội lỗi... trong khi vươn tới cái đẹp, cái đẹp vô cùng không bờ bến và... cũng không bao giờ vươn tới! Cái đích hôm nay không còn là cái đích của ngày mai... Một cuộc hành hương không ngừng nghỉ! Cứ thế, cứ thế... con người dò dẫm đi lên! Số mệnh! Phải chăng cái mà người ta vẫn quan niệm là số mệnh chính là sự ràng buộc, hạn chế... là mâu thuẫn... là sự chi phối của thế giới - cái toàn thể? Còn... làm gì có số mệnh, thần thánh, ma quỷ, làm gì có chúa trời...! Bởi chính tham vọng của con người là ma, là quỷ Sa tăng...”

Ú!... Phùng giật mình ngẩng lên, người hơi cúi về phía trước trong tư thế mất thăng bằng nhưng Y vừa kịp dừng lại.

“Mắt với mũi, tí nữa thì đụt vào con đò....”

Mẹ Y ẵm con Y trên tay, đến tận trước mặt Y mà Y không biết! Từ ngoài cổng một đám đông lũ nhỏ tiến vào, trong đó có vợ Y. Thị quàng một chiếc chăn chiên đã được gấp làm đôi cho khỏi lê thê quét đất. Chân kéo đôi guốc gỗ, thị bẩy bót lê từng bước một. Mọi người hộ tống vợ Y về. Bố Y đi sau cùng, hai tay cầm hai bánh pháo.

“Cái thằng bố nó tệt! Mới hôm cháu bà nằm ngoài trạm xá, có thấy mặt cái thằng bố nó ra với cháu bà đâu!”

Phùng mỉm cười chua chát! Y nhớ sau ngày cưới đâu như mới tháng trong một lần vợ chồng Y không có nhà, mẹ Y đã lục soát căn buồng riêng của vợ chồng Y và phát hiện vợ Y có đâu ít tiền làm vốn riêng dấu trong cuộn vải xô đã ó vàng dành cho mỗi lần hành kinh và sau đó đã bóng gió với Y: “Mẹ thì chỉ có một; còn vợ... không vợ này thì vợ khác...!” Vậy mà bây giờ...!

“Anh Bòi! Bé lấy con xem nào!”

“Nào, cháu bà ra cho thằng bố nó xem mặt tí nào! Để bà đi tằm tràu, chẳng các ông, các bà đến chơi lại không kịp! Tí nữa bà lại bế cháu bà...!”

Nào..." - "Mẹ Y dúm đứa trẻ vào lòng Y. Y sững sờ buông rơi cuốn sách, ngỡ ngàng đón lấy đứa trẻ.

"Bé con vào nhà, đừng đứng ngoài này!"

Y chẳng nghe thấy gì cả!

"Anh Bồi!"

"Dạ?... Y ngỡ ngác như người mê ngủ.

"Bé con vào trong nhà!" - Một giọng ai đó nói như gắt.

"Cái nhà anh này chán bỏ mẹ...."

"Mà này! Tôi thấy anh ta hình như thế nào ấy...!"

Phùng bế con đi vào như một cái máy! Y chưa hết hoang mang. Y có cảm tưởng như bị choáng. Phải mất một lúc Y mới kịp trấn tĩnh lại. Đứa trẻ lọt thỏm trong hai cánh tay Y. Y cúi xuống nhìn đứa trẻ.

Lần đầu tiên Y nhìn một đứa trẻ sơ sinh. Khuôn mặt đứa trẻ còn đang ở dạng định hình chưa rõ nét mà...hình như không có lông mày.

"Cháu đâu rồi? được mấy cân?"

"Đến mừng cho ông bà hôm nay đón cháu về!"

"Mẹ nó ăn khỏe chứ ông?"

"Bố nó ẵm à? Buồng nào thế?... Ờo, gớm anh bồi, đáng lẽ giờ phải ba bốn đứa..."

...Người đến thăm hỏi chật cả trong buồng, ngoài nhà. Họ vây lấy Phùng và tíu tíu chúc mừng Y. Phùng thấy nao nao. Y cảm động. Chính cái cảnh âm ỉ đó đã làm Y cảm động. Ai cũng mừng cho vợ chồng

Y và coi đứa trẻ - con Y vừa gia nhập xã hội người là bạn. Không riêng gì con Y, tất cả những đứa trẻ oa oa cất tiếng khóc chào đời gia nhập xã hội người....và Y bỗng lại tê tái với ý nghĩ: “ Rồi đây khi con Y lớn lên....! Không, tất cả những đứa trẻ, trong đó có con Y đã là nạn nhân của cái xã hội người ngay từ khi còn trứng nước! Thì Y chẳng đã là nạn nhân?! và vợ Y?! Và cái gọi là xã hội người?! Và nhân loại?! Và tất cả! Ôi, cái hành tinh cho đến hôm nay được biết đến như là duy nhất sự có mặt của con người là trái đất....!” Phùng chợt lờ mờ ý thức được Y đang bị bao vây. Y lại sợ....

“Đùng... Đùng... Đuỳnh... Đoàng..!”

Phùng giật mình. Ngoài sân bố Y đã đốt pháo. Tiếng trẻ con reo hò âm ỉ...! Đứa trẻ khẽ “rùng” một cái trong hai cánh tay Y và khóc thét lên “Oa... Oa” Phùng ôm chặt nó vào lòng rồi với một phản xạ tự nhiên, nửa thân trên của Y rung rung và chuyển động: “Ủ... Ủ...”. Y bắt đầu ru:

*"ư ừ ư ư ư ư  
ư ừ ư ừ ư ư ừ ừ?  
ư ư ư ừ ư ừ  
ư ư ừ ừ ừ ừ ư ư!  
ừ ư ư ừ ư ư  
ư ư ừ ừ ừ ừ ừ ư..."*

Lời, tuy là nguyên âm “u” được lặp đi lặp lại, nhưng âm vực thì theo đúng các thanh: Bằng cao (không dấu), bằng thấp (có dấu huyền), sắc, hỏi, ngã, nặng và giai điệu thì đã đúng là nhạc... một bài ru...

Và Y chợt nhận ra chưa hẳn lúc nào nhạc cũng nâng cánh cho lời mà trong trường hợp cụ thể này lời đã phổ hồn cho nhạc khi Y lẩn mẩn thay vì những từ: ư ừ ứ ữ ỡ ự bằng lời bài ru của nó:

*"Con Cò, con Diệc, con Nông  
Sao mà ăn lúa của ông? Hỡi Cò...  
Không! Không! Tôi đứng trên bờ  
Mẹ con nhà nó đổ ngò cho tôi!  
Chẳng tin, ông đến tận nơi  
Mẹ con nhà nó còn ngòi đây kia..."*

Bỗng một ai đó hỏi bố Nó "Đã đặt tên cho thằng bé chưa? Nếu chưa thì ông hay là bố Nó?"

"Bố Nó!"

"Anh Bòi, ông đã nhường quyền cho anh rồi đấy! Đặt tên con là gì?"

Y buột miệng:

"Hùng Chí Công"

"Ồ, anh điên à! Anh họ Lạc sao con lại họ Hùng?"

Nó không nói gì, chỉ cười mà như mỉu!



## 29

Không có định suất lương thực - dù cái gọi là “định xuất lương thực” cho lao động chính chỉ là 13kg thóc/ tháng và với lao động phụ, chưa đến tuổi lao động là 8kg thóc/ tháng - vốn dĩ đã là cái định xuất cầm hơi của cả nhà, Nó phải thế chân công việc trông giữ trẻ cho vợ để vợ Nó chạy chợ! Thời đó, nhà trẻ còn ở chế độ bán trú. Các cháu ăn ở nhà chứ không ăn ở lớp và cũng không có chế độ nghỉ ngày chủ nhật. Cắm cảnh là đàn ông đàn anh, sức dài vai rộng mà phải thay vợ đi trông giữ trẻ, cứ lóng ngóng như gà mắc tóc, hai cô cùng lớp với vợ Nó cất cử: Ngày hai buổi, sáng và chiều, Nó phải đến trước để đón các cháu và cuối giờ phải chờ khi các cháu đã được ông bà, bố mẹ đón hết mới được về. Bù lại, những việc như: dạy các cháu học múa, học hát; hoặc dỗ dành mỗi khi các cháu quấy khóc hoặc gắt ngủ; hoặc dọn dẹp cứt đái, chùi rửa đít cho các cháu là việc của hai cô. Vẫn biết như thế là đã được các cô ưu ái nhưng nhiều khi hết giờ đã lâu vẫn còn một hai cháu, Nó đành phải tay bế tay dắt đưa các cháu về nhà, lo cho các cháu ăn, chờ phụ huynh đến đón. Đã vậy, để khỏi vì Nó mà cả nhà bị gây khó dễ, bố mẹ Nó đã tách hộ cho vợ chồng Nó ra ăn riêng. Rồi vợ Nó lại nằm chỗ. Không thể trông cậy vào việc trông giữ trẻ, Nó chợ

nảy ra ý định đắp lò làm bánh kẹo. Chả là thời gian còn chạy hàng cho chị Khách, Nó vẫn thường qua lại một cơ sở gia công quy gai xộp của một gia đình người Hoa ở Hàng Buồm. Thấy Nó biết chữ “Nho” ông chủ tỏ ra có cảm tình, nhiều lần nhờ Nó phụ giúp việc nọ việc kia nên Nó cũng sơ sơ biết được công thức làm vài loại bánh đơn giản...

Ra Hà Nội, tìm đến địa chỉ cũ với con gà, năm cân gạo xôi, chai rượu kèm theo coi trầu thè hương làm lễ bái sư với ý định xin một chân phụ việc để học nghề, Nó không ngờ lò đã đóng cửa do quan hệ giữa hai nước không còn “chung một ý, chung một lòng” (ca từ bài “Việt Nam - Trung Hoa” của nhạc sĩ Đỗ Nhuận) mà có chiều hướng ngày càng xấu đi, nên các hộ người Hoa đều rục rịch lo thu vén, chuẩn bị tinh thần sẵn sàng về nước!

Hướng dẫn nó cách đắp lò và để lại cho Nó bộ đồ nghề gồm: Khuôn, khay, con lăn, phới đánh trứng cùng một số phụ liệu kèm theo như: Sô tả (bột nở); vani, dầu chuối (hương liệu) và túi nilon để đóng gói, ông chủ chỉ dẫn cho nó một vài chiêu thức về cái gọi là bí quyết trong nghề rồi bảo: “Lý thuyết chỉ là một phần, chủ yếu vẫn phải qua thực tế. Bởi có những điều trong sách không nói cũng như không có ông thầy nào dạy”.

Để tránh bị chính quyền địa phương cũng như nhân viên thuế vụ và quản lý thị trường gây khó dễ vì chính sách không khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, Nó phải “lách” dưới danh nghĩa “gia công” để hành nghề sản xuất bánh kẹo “chui” giao cho các quán. Đúng thời điểm đó, vợ Nó sinh đứa con thứ hai và xảy ra cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam. Người ta đã “ân xá” tội: Đào nhiệm, đào ngũ, chống người thi hành công vụ cho Nó trong lý lịch. Chưa kể, còn là đoàn viên (ở tuổi đã hết sinh hoạt Đoàn!) và động viên Nó lên đường nhập ngũ.

# 30

## VĂN NGHỆ TRUYỀN MỒM

(Hóng hót nơi bến tàu, bến xe, vỉa hè, quán nước... những lần ra Hà Nội cất hàng thời gian làm bánh kẹo chui)

### A.

Ăn đói nói khoác

\*

Ăn sư ở phạm

\*

Ăn rau má phá đường tàu

\*

Ăn truyền thống, sống tiềm năng

\*

Áo ve sậu, đầu súp lơ

\*

Ăn xem nồi, ngồi xem ghé

\*

Ăn trông môi, ngồi trông... phong bì

\*

Ăn trông nồi, ngồi... chờ dọn sẵn

\*

Ăn cơm củ, nói chuyện quốc tế

\*

Ăn no, vác nặng, mồ hôi dầu

\*

Ăn tục, nói phét, đánh rắm rong!

\*

Ăn trông nòi, ngồi trông người bên cạnh

\*

Ăn cơm quốc gia, thờ ma cộng sản

\*

Ăn như tư sản, nói như vô sản

\*

Ăn bê hai (B2), ngủ bê ba (B3), vào ra bê một

(B1)

\*

Ăn đại táo

Ngủ đại gia

Đi đại xa

Làm... đại khái

\*

Ăn pháo thủ

Ngủ lái xe

Nghe thông tin

Nhìn ra đa

\*

Ăn xó bép

Uống nước ao

Đái bờ rào

Ỉa chuông lợn

\*

Ai ơi chớ lấy binh nhì  
Tháng năm đồng bạc, lấy gì nuôi con?

\*

Ai ơi chớ vội làm giàu  
Thằng Tây nó cút, thằng Tàu nó sang

## B.

Bán nói lấy ăn

\*

Bán tròn nuôi miệng

\*

Bằng cấp không bằng bằng lòng

\*

Bao giờ cho đến ngày xưa!

\*

Bò thì sướng, búống thì khổ

\*

Ba lô con cóc

Anh đi em khóc

\*

Bụng to, trán hói

Ăn nói khề khà

Ít ăn cơm nhà

Hay ăn cơm hiệu

\*

Bờm ơi đừng có đi cà  
Anh Ba đã hứa cho mày ti vi  
Bờm rằng Bờm chẳng lấy vi  
Anh ba lại hứa cho Fride  
Bờm rằng bờm chẳng lấy đe  
Anh Ba chỉ nắm mì que... Bờm cười!

### C.

Cơm thịt ghìt bờ

\*

Cà phê, bữa chùi

\*

Con cháu các cụ cả

\*

Cầm đèn chạy trước ô tô

\*

Cán bộ to đi xe nhỏ

Nhân viên thấp ở nhà cao!

\*

Cơm đại táo

Áo blu đông

Tháng 5 đồng

Ba năm không phép

\*

Chủ đi xe ôm uống bia hơi

Tớ đi xe hơi uống bia ôm!

\*

Còn thời lên ngựa bắn cung  
Hết thời xuống ngựa lấy thung bắn ruồi!

\*

Có đỏ mà chẳng có thom  
Như hoa dâm bụt nên cơm cháo gì!

**D.**

Dân đang thiếu gạo, thiếu mì  
Tuân vào vũ trụ làm gì hỡi Tuân?

**D.**

Đầu tiên tiên đâu!

\*

Đầu tranh tránh đầu

\*

Đầu binh cuối cán

\*

Đi khom đi gỏi

\*

Đảng cử dân bầu

\*

Được tiếng khen ho hen chẳng còn

\*

Đầy tớ thì đi von ga

Bố con ông chủ ra ga đi tàu

Đầy tớ thì ở nhà lầu

Bố con ông chủ giấy dầu nhà tre!

\*



Đảng là mẹ, Bác là cha  
Từ ngày Bác mất, Đảng ta góa chồng!

\*

Đánh xong hai đế quốc to  
Sĩ quan thu xếp ba lô trở về  
Đầu đường thượng tá bom xe  
Giữa đường trung tá bán chè đồ đen  
Cuối đường thiếu tá bán kem  
Đại úy về xã thổi kèn đám ma  
Thượng úy thì đi buôn gà  
Trung úy về nhà theo đít con trâu  
Hỏi rằng: “Thiếu úy đi đâu?”  
Ba lô lộn ngược nhảy tàu Bắc Nam  
Bao giờ đế quốc tràn sang  
Cấp trên lại gọi sĩ quan trở về...

**M.**

Miền Nam nhận họ, miền Bắc nhận hàng

**V.**

Vì đôn cho nên phải chính, nhưng càng chính  
càng đôn!

## 31

Sau một tháng huấn luyện cấp tốc và học tập chính trị, nhằm đả thông và quán triệt cho đám tân binh quan hệ giữa Việt Nam - Trung Quốc và Việt Nam - Campuchia vốn dĩ vẫn được coi là láng giềng hữu nghị, như môi với răng (môi hở thì răng lạnh), như anh em, đồng chí mà sao giờ đây bỗng quay ngoắt 180<sup>0</sup> trở thành thù nghịch, đơn vị Nó (D7- tiểu đoàn huấn luyện) làm lễ tuyên thệ và được lệnh lên tàu Thống Nhất vô Nam.

Đến Biên Hòa, xuống ga Hồ Nai, dừng chân ở tổng kho Long Bình. Sau đó, lên ô tô đi tiếp theo ngã Tây Ninh, trú quân ở Suối Nước Trong - giáp biên giới Campuchia - rồi được sang tên cho Quân đoàn 3 (Bình đoàn Tây Nguyên). Nhờ cái lý lịch đã được chính quyền địa phương “*ân xá*” với mong muốn Nó sẽ không đào ngũ lên, đào ngũ xuống làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu và thành tích giao quân của địa phương - Hẳn thế, Nó được phiên chế vào D27 - tiểu đoàn vệ binh - thuộc diện lính “*cậu*” trực thuộc Bộ tham mưu Quân đoàn bộ. Nhiệm vụ là lo đào hầm, làm nhà bạt cho Bộ tham mưu Quân đoàn cùng các cấp chỉ huy và lo tuần tra, canh gác, bảo vệ vòng ngoài khu vực Quân đoàn bộ đóng quân.

Xâm nhập đất nước Chùa Tháp tháng 11 năm 1978. Ngày 7 tháng 01 năm 1979, Campuchia cộng sản được cộng sản Việt Nam giải phóng khỏi nạn diệt chủng của các đồng chí cộng sản Campuchia anh em là Pôn Pốt, Iêng Xa Ri với sự ra đời của cái gọi là “Mặt trận đoàn kết cứu nước Campuchia” cùng người đứng đầu là Heng Sam Rin (rồi sau này với Hun Sen và nước “Cộng hòa nhân dân Campuchia”). Tuy không phải lo đánh đấm (vì ở tuyến sau) nhưng cuốn theo đà phát triển của chiến dịch, nhiều lần hăm hào, nhà bạt vừa xong chưa kịp nghỉ ngơi ăn uống lại được lệnh hành quân di chuyển đến địa điểm mới. Theo chân các đơn vị chiến đấu có nhiệm vụ truy sát đả tàn quân bạn - Khmer Đỏ - Nó đã được đặt chân đến các địa danh: Kampong Cham, Kampong Thom, Siem Reap, Bat Tam Bang, Pursat, Kampong Chhnang và cuối cùng là Phnôm Pênh - thủ phủ của đất nước Chùa Tháp khi cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc với người anh em cộng sản Đỏ bành trướng Bắc Kinh bùng phát.

Nó có ấn tượng Campuchia là một đất nước của xoài, của đường thốt nốt và cá. Đặc biệt là cá. Cá được phơi dọc hai bên đường như ở Việt Nam ngày mùa người ta phơi thóc.

Thời gian đồn trú ở Siem Reap, qua một người Hoa có xe đạp dẫn đường, Nó đã được đặt chân đến

AngKor Wat - Một kỳ quan và là niềm tự hào của đất nước Chùa Tháp. Vì việc này, mức kỷ luật dành cho Nó là từ hạ sĩ xuống binh nhất và từ A trưởng (tiêu đội trưởng) xuống lính trơn! Chưa kể, khi cho kiểm tra quân tư trang của Nó vì sự vắng mặt không rõ lý do, người ta còn phát hiện được dưới đáy ba lô bài thơ Nó viết đêm giao thừa ở rừng cao su Kampong Cham và được/ bị cho là “*lập trường tư tưởng không vững vàng!*”

## HAI ĐẦU THƯƠNG NHỚ!

*Cho Hiền và hai con: Công, Hương*

Giờ này em đã ngủ chưa?

Anh năm, thức, đón giao thừa nhớ em!

Để lòng thỏn thức trong đêm

Anh bay về... đến kê bên em ngồi

Xuân sao buồn thế em ơi!

Hay em đang cũng bồi hồi nhớ anh?

Có đi chợ tết mua tranh

Công, Hương ơi! Ngủ ngon lành đấy con?

Chơi ngoan để mẹ đừng buồn

Nhớ thương, bố lại nhớ thương hơn nhiều.

Dồn cho con, nhé em yêu

Tình thương anh, mỗi sớm chiều vắng anh

Bao giờ cho hết chiến tranh

Để em yên giấc mộng lành ngày xuân (?)

Anh về mâm tết quây quần

Con vui áo mới trước sân nô đùa...

Đâu kia, em đã ngủ chưa

Có còn thức đón giao thừa với anh...?

Rồi, với Phnôm Pênh, Nó có cảm tưởng như một thị xã của Trung Quốc bởi con lộ lớn mang tên Mao Trạch Đông! Không nhiều nhà cao tầng nhưng cũng không thấy những khu ổ chuột. Nhìn bề ngoài, Phnôm Pênh hầu như vẫn còn nguyên vẹn song lại là một thành phố chết bởi không có người ở! Không hiểu sao không thấy một hộ dân nào trụ lại!

Sự tàn phá và đồ nát chỉ hiện diện bên trong mỗi ngôi nhà. Ngón ngang bàn ghế, giường tủ, quạt điện, Radio catset cho đến Tivi, máy giặt, đầu giàn Akai, máy điều hòa nhiệt độ... Nhưng tất cả hầu như đã bị bàn tay con người không cho cái gì được còn nguyên vẹn!

Cho đến khi ra sân bay Pochentong. Trước khi lên máy bay vẫn còn chưa biết đi đâu, lại có lệnh tập hợp để kiểm tra quân tư trang. Kể từ khi xâm nhập đất nước của người anh em cộng sản Khomer Đỏ, Nó để ý thấy việc này thường lặp đi, lặp lại mỗi lần có lệnh di chuyển. Và mỗi lần như thế, tất cả những gì thuộc về chiến lợi phẩm đều bị thu giữ.

Sau một tiếng hai mươi phút bay, chiếc chuyên cơ IL18 chở Nó hạ cánh xuống sân bay quốc tế Nội Bài. Cho đến lúc này Nó mới biết đã được về nước.

Khẩu phần dành cho bữa trưa hôm đó là mỗi người một ổ bánh mì loại 225 gram và ba người chung một hộp sữa “Ông Thọ” trước khi lên ô tô ngược Lương Sơn (Thái Nguyên) - nơi đóng đại bản doanh của Quân đoàn bộ (Lúc này mang phiên hiệu là Binh đoàn 15, Tư lệnh là Đại tá Nguyễn Quốc Thước thay vì thiếu tướng Kim Tuấn trên đường đi thị sát tình hình bị phục kích và đã hy sinh trước đó).

Lại trở về với cuộc sống trại lính. Không di chuyển theo đà phát triển của chiến dịch như bên nước bạn Campuchia nên không còn phải vất vả lo đào hầm, làm nhà bạt cho các cấp chỉ huy mỗi khi di chuyển đến địa điểm mới. Lại xa mặt trận (cách thành phố Thái Nguyên hơn chục cây số) chẳng phải lo đánh đấm gì. Việc tuần tra canh gác, bảo vệ vòng ngoài khu vực Quân đoàn bộ đóng quân cũng chỉ chiếu lệ bởi không còn lo Khơmer Đỏ trà trộn trong đám dân chạy loạn bất ngờ tập kích; nhưng... đói! Những vạt đất trống trong khu vực đóng quân nhanh chóng biến thành những vạt rau màu các loại để có thêm nguồn thực phẩm cải thiện cho bữa ăn hàng ngày nên cứ có cảm tưởng không phải là đang có chiến tranh; không phải nơi đây là đầu não của một Binh đoàn chủ lực có nhiệm vụ tham chiến mà như là một đơn vị làm kinh tế!

Suốt thời gian đóng quân tại đây, kể từ khi về nước cho đến khi được ra quân, nhiệm vụ của Nó là ngày ngày lo bắt sâu, nhổ cỏ và bón tưới cho những vạt rau...

Nhập ngũ tháng 10 năm 1978. Xâm nhập nước bạn tháng 11 cùng năm. Về nước tháng 9 năm 1979. Được ra quân (vì lý do sức khỏe) ngày 10 tháng 12 năm 1980. Thời gian phục vụ trong quân ngũ của Nó tính ra là 2 năm 3 tháng vẫn với cấp bậc: Binh nhất, chức vụ: Chiến sĩ ghi trong quyết định và lời nhận xét: “Ý thức tổ chức kỷ luật kém!” ghi trong “Lý lịch quân nhân”.

## 32

*(Đã trích, dưới dạng truyện ngắn với cái "tít":  
"Hai năm và bốn buổi chiều")*

Phùng đã vui suốt buổi chiều. Sự khắc khổ luôn thường trực trên "cái mặt không chơi được" của Y, giống bản mặt của một kẻ mắc chứng đau bụng kinh niên, chiều nay như có phép màu đã rạng rỡ, đã tươi tỉnh...

Khi vui người ta cũng bỗng bật như con trẻ. Y nói nhiều hơn bình thường, nói như kẻ uống rượu đã ngà ngà say. Hết thơ Bút Tre, hậu Bút Tre đến chuyện Tiếu lâm hiện đại. Phải công nhận một điều là Y nói chuyện rất có duyên. Máy đưa con Y cứ há hốc mồm ra mà nghe, mà cười...! Nhìn cảnh ấy, Hiền - vợ Y cũng thấy lòng tươi lại. Thịnh thoảng đến những đoạn không thể nhịn được, thị cúi đầu, cắn môi cười lặng lẽ...

Thường những lúc như thế này là những khi Y vừa viết xong một bài thơ hoặc một cái truyện ngắn mà Y ưng ý. Thơ thì có thể không đòi hỏi thời gian nhưng phải là trong một phút xuất thần. Còn truyện ngắn - vì quá yêu mình, Y viết rất chậm - phải hai ba tháng mới xong một cái. Vậy là những lúc như thế



này thật hiếm hoi. Vợ con Y đã quen lệ! Nhưng hôm nay thì không phải thế. Thời gian gần đây, Y chẳng viết được một cái gì. Mặc cảm có tội với vợ con về việc bỏ tiền ra in thơ (tập thơ đầu tay, trong điều kiện và hoàn cảnh gia đình Y chưa cho phép) vẫn cứ đeo đẳng ám ảnh Y cho đến tận bây giờ! Năm triệu đồng đổi lấy 500 cuốn sách để tặng, để cho, để biếu chứ không phải để bán (biết nhờ ai bán và bán cho ai?!) suy cho cùng cũng chẳng để làm gì nếu không muốn nói chỉ để thỏa mãn cái thị dục huyền ngã của Y là thói háo danh! Đến nỗi, bây giờ -khi thực tế đã giúp Y kịp bình tĩnh lại - thỉnh thoảng Y vẫn còn giật mình thảng thốt...

Vậy sao bỗng dưng chiều nay lại có sự xa xỉ ấy?! Nguyên do: Phùng vừa nhận được thư của Trinh Quân - một nhà thơ có tên tuổi, thay mặt cho Nhà xuất bản X...gửi đích danh cho Y. Nội dung lá thư cho biết: Trong năm tới Nhà xuất bản X... có kế hoạch in một Tuyển tập "**Thơ nghìn nhà**" (tương tự như "**Thiên gia thi**" của Trung Quốc) nhằm giới thiệu với bạn đọc 1000 gương mặt thơ tiêu biểu thuộc các vùng miền của cả nước. Trên tinh thần đó, Trinh Quân - người chịu trách nhiệm bài vở - yêu cầu Phùng gửi cho mười

bài thơ mà Y tâm đắc nhất để từ đó Nhà xuất bản có được năm bài đưa vào Tuyển tập...

Vậy là việc vợ Y bỏ tiền cho Y in thơ không phải là uổng! Không dễ gì một kẻ vô danh tiểu tốt như Y lại được Nhà xuất bản X... và một nhà thơ có tên tuổi như Trinh Quân biết đến. Và cũng không phải ai có thơ in cũng dễ dàng có thơ đứng trong Tuyển tập mà lại là Tuyển tập của một nghìn nhà...

Phùng đã không dấu giếm niềm tự hào với vợ con. Và - từ lúc nhận được lá thư đó - Y đã đọc đi đọc lại không biết là bao nhiêu lần. Phùng như kẻ mất trọng lượng. Khi vui thường người ta hay thái quá. Lúc này, Phùng cũng vậy. Y có cảm giác lâng lâng như người say bia...

Ba tháng

Sáu tháng

Rồi một năm sau.

Cũng vào một buổi chiều...

Phùng đang ngồi viết thì vợ Y từ ngoài cổng lật đật chạy về nói như reo:

"Này mình ơi! Có thư..."

Liếc qua phong bì thấy nơi gửi là Nhà xuất bản X... tim Phùng nhảy căng lên một cái rồi bắt đầu loạn nhịp. Phùng run run mở phong bì. Thư được đánh

máy, kiểu gửi đồng loạt cho nhiều người theo một mẫu chung, chỉ có phần ghi họ tên người nhận là được viết tay. Nguyên văn:

*"Hà Nội ngày....tháng....năm....."*

*Kính gửi nhà thơ Lạc Âu Phùng*

*Nhà xuất bản rất vui mừng báo tin để anh chị (sic) biết: "**Tuyển tập thơ nghìn nhà**" cho đến nay chúng tôi đã biên tập xong. Đọc mười bài thơ của anh chị (sic) gửi đến, chúng tôi rất phấn khởi vì thấy anh chị (sic) đã sớm định hình, báo trước một cây bút đầy hứa hẹn và nhiều triển vọng. Trong tương lai, chắc chắn anh chị (sic) sẽ còn đi xa hơn nữa. Rất tiếc khi quy định của Tuyển tập là mỗi tác giả chỉ được giới thiệu tối đa 5 bài...*

*Vì gặp khó khăn về kinh phí, Nhà xuất bản yêu cầu các tác giả, mỗi người ứng cho 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh chị (sic) có thể trực tiếp mang đến Nhà xuất bản hoặc gửi qua đường bưu điện. Thời gian từ ngày... tháng.... đến ngày... tháng.... năm.....*

*Rất mong nhận được sự ủng hộ của anh chị (sic) để Tuyển tập có thể ra mắt bạn đọc trong năm nay. Cuối cùng, chúc anh chị (sic) cùng toàn gia an khang, thịnh vượng.*

*Chào thân ái*

*Thay mặt Nhà xuất bản X...*

*Nhà thơ Trinh Quân.*

Vốn nhạy cảm, thấy Phùng có vẻ không vui - khác hẳn với mọi lần, sau khi nhận thư - Hiền, vợ Y nhìn Y rụt rè:

"Có...chuyện gì thế mình?"

Phùng ấp úng:

"Họ bảo...phải nộp tiền!"

"Tiền gì?"

"Tiền mấy bài thơ đưa vào Tuyển tập..."

Vợ Phùng ngân ra:

"Bao nhiêu?"

Phùng ngắc ngư:

"Ba...trăm...nghìn!"

Gương mặt vợ Phùng thoáng nét bối rối:

"Họ có nói thời hạn...?"

"Nửa tháng!"

"Mình tính sao?"

Phùng ngập ngừng:

"Hay là...thôi...không in nữa?!"

"Mình đừng nghĩ quẩn!"

"Nhưng...tiền đâu?"

"Không có thì đi vay..."

Phùng nẩy người lên như bị điện giật:

"Vay rồi lấy gì mà trả?"

"Có bụng ăn khắc có bụng lo. Việc đại sự - ngừng một lát, thị tiếp - khối người muốn còn không được, mà... - thị trách yêu - mình là chúa hay tiếc tiền..."

Phùng nhìn vợ như vừa nhận ra ở thị một điều gì đó. Miệng Y giật giật, Y lắp bắp:

"Kìa...mình...."

\* \* \*

Lại sáu tháng nữa trôi qua!

Mặc dù tiền đã gửi đi nhưng cái "**Tuyển tập thơ nghìn nhà**" vẫn bật vô âm tín! Đúng vào lúc Phùng đã quên nó đi, đã không còn nghĩ đến nó nữa thì - vào một buổi chiều - Y lại nhận được thư của Trinh Quân - lần này là cảm giác bị sỉ nhục, là Y đã bị người ta coi thường - khi thấy cái sản phẩm được sản xuất hàng loạt theo một mẫu chung:

*Hà Nội ngày.....tháng.....năm.....*

*Kính gửi nhà thơ Lạc Âu Phùng*

*Đầu tiên, Nhà xuất bản xin được thành thực cáo lỗi với anh chị về việc "**Tuyển tập thơ nghìn nhà**" đã không ra mắt được bạn đọc đúng như dự định. Một phần lý do của sự chậm trễ là công in quá cao và một*

phần do giá giấy tăng! Mặc dù vậy, Nhà xuất bản đã quyết tâm - Bằng mọi giá - ấn phẩm phải được ra mắt bạn đọc đúng vào dịp Tết nguyên đán sắp tới. Trong tình hình hiện nay, phải nói đó là một cố gắng rất lớn của Nhà xuất bản. Mong rằng "**Tuyển tập thơ nghìn nhà**" sẽ thực sự là món quà có ý nghĩa đối với anh chị nhân dịp đầu năm mới. Trên tinh thần đó, Nhà xuất bản yêu cầu anh chị - về phần mình - cùng chia sẻ khó khăn với Nhà xuất bản, mỗi người 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)- coi như anh chị bỏ vốn với Nhà xuất bản, theo phương thức "Nhà nước và nhân dân cùng làm." Số tiền đó (Năm trăm nghìn đồng cả hai đợt) sau này nhà xuất bản sẽ trả bằng sách. Nếu anh chị nào có nhu cầu (từ 6 cuốn trở lên) để tặng người thân hoặc bạn bè, xin đăng ký ngay để Nhà xuất bản kịp thời nắm được và lên kế hoạch vì số lượng in có hạn.

Nhân đây, cũng xin thông báo: Nhà xuất bản khuyến khích những ai nhận phát hành - nhằm quảng bá cho "**Tuyển tập thơ nghìn nhà**" đến với đông đảo bạn đọc - sẽ được hưởng 25% tiền phát hành phí theo giá bìa. Rất mong nhận được sự ủng hộ kịp thời và thiết thực của anh chị. Cuối cùng, chúc anh chị và gia đình vui, mạnh....

*Chào thân ái*

*Thay mặt Nhà xuất bản X...*

*Nhà thơ Trinh Quân*

Phùng đã vò nát bức thư. Y không đủ can đảm cho vợ biết rõ sự thật. Cũng như Y không thể ích kỷ đến mức vô liêm sỉ, một lần nữa lạm dụng lòng tốt của thị. Cũng may là vợ Y không có nhà...

"Đã thế in thì in, không in thì thôi!" Phùng quyết sẽ không són ra một đồng nào nữa. Để xem rồi sau này họ xử với Y thế nào! Đúng lúc đó cánh cửa buồng Phùng kẹt mở. Hương, đưa con gái đang học lớp 11, từ buồng bên hớn hờ chạy sang:

"Bố ơi, trên đài người ta vừa giới thiệu thơ của bố"

Phùng chưa nói gì thì nó đã tiếp:

"Con bảo với bà "Người ta đang nói về bố cháu đây!" Bà lại bảo "Thiên hạ thiếu gì người tên là Phùng. Liệu có phải đấy là Phùng bố mày không?"

Phùng chua chát:

"Bà nói có lý đấy con ạ!"

Hương ngây thơ cãi:

"Thơ của bố con lại không biết! Người ta ngâm cái bài bố làm tặng mẹ hồi bố in thơ ..." - Rồi như để chứng minh với Phùng, nó đọc "**Anh quên!**"

"Anh quên rằng đã có em  
từ lâu như lẽ đương nhiên thế rồi!  
In thơ chỉ một lần thôi  
để anh nhớ... có một người là... em!"

Rồi nó liền thoảng “Lại bài: **Tạ tội với bạn đời**”:  
Không được là đồ cổ  
Để em thành tỉ phú  
Cũng không là giả cổ  
Cho em được trưng bày!

Mình em vất vả  
Đời thường bon chen  
Không người chia sẻ  
Gánh nặng, đường trơn!

Anh là đồ dỏm  
Để em thiệt thòi  
Thì anh bên lở  
Cậy em bên bồi!

Tình ơi  
Sông ơi...  
Phùng buột miệng:



"Đài nào?"

Con bé hồn nhiên:

"Đài phát thanh và truyền hình tỉnh..."

\* \* \*

Phùng cùn!

Nhưng lần này thì Phùng cùn được! Sự đời "mềm nắn, rắn buông" - Dù có dằng dai thế nào thì cuộc hành trình của **"Tuyển tập thơ nghìn nhà"** cũng phải đến hồi kết thúc.

Sáu tháng sau - đúng vào dịp giáp Tết nguyên đán - lại cũng vào một buổi chiều, Phùng nhận được thư của Trinh Quân báo ra Nhà xuất bản lấy sách. Mặc dù Phùng chỉ cần một trăm nghìn làm tiền lộ phí là đủ nhưng sáng hôm sau vợ Y vẫn dúi vào tay Y tờ hai trăm nghìn:

"Minh cứ cầm cả đi, nhờ may còn phải chi món gì! Thừa còn hơn thiếu..."

Phùng vội quay mặt đi. Vốn dễ xúc động nhưng Y không muốn để cho vợ Y nhận thấy ở Y sự yếu lòng...

Ở Nhà xuất bản người ta tính cho Phùng "Anh góp với chúng tôi ba trăm nghìn. Mỗi cuốn tính theo giá bìa là một trăm nghìn. Như vậy của anh ba cuốn

cộng với một cuốn biểu cho tác giả (coi như nhuận bút) là bốn..."

Phùng hồ hững cầm bút ký. Nhận sách xong, trong bốn cuốn thì hai cuốn tập I và hai cuốn tập II (bộ sách gồm hai tập) và khi tra mục lục, Y mới biết Y được in trong tập I và người ta chỉ in cho Y có hai bài!

Không nhớ trong trường hợp cụ thể nào đã dẫn đến mối giao tình giữa Nó với nhà báo Trần Châu, một trong những bị can của vụ án xét lại. Ông tuổi Mậu Thìn (1928) dưới bố Nó 6 tuổi và trên Nó 22 tuổi. Tuy vậy, trong giao tiếp ông thường gọi Nó là chú, thân tình, coi như em mình...

Ông quê Gia Lộc, Hải Dương. Tham gia cách mạng tháng 1 năm 1947. Vào Đảng tháng 4 năm 1948. Cuối năm 1951, từ Nha thông tin (ở căn cứ An toàn khu Việt Bắc) được lấy lên “Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam” với nhiệm vụ biên tập và viết bản tin phản ánh tình hình chiến sự trong nước kiêm phát thanh viên. Giữa năm 1953, về “Việt Nam thông tấn xã” (Tiền thân là Nha thông tin) đến hết năm 1960. Từ năm 1961 là phóng viên của báo Nhân Dân (Cơ quan ngôn luận của Đảng cộng sản Việt Nam) cho đến khi bị bắt: 7 giờ sáng ngày 28/7/1967 tại 46 Hàng Chuối - Nhà tập thể Thông tấn xã Việt Nam.

Ông bị bắt với tội danh là có tư tưởng xét lại chống Đảng! Bằng chứng là trước đó, người ta đã “thuông” được một tài liệu gì đó tại nhà ông, có liên quan đến Khơ Rút Sốp, đến Hoàng Minh Chính, đến Liên Xô, đến 5 điểm chung sống hòa bình, trong thời

điểm “Tất cả cho tiền tuyến”, “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” có thể “đốt cháy cả dãy Trường Sơn”.

Trong thời gian 5 năm 6 tháng ngồi tù, đã từng trải qua các trại: Hỏa Lò (Hà Nội), Nam Du (Bát Bạt), Ba Sao (Hà Nam), Thái Nguyên, rồi lại Ba Sao (Hà Nam)...

Năm 1973, sau khi Hiệp định Pari được ký kết, ông được ra tù. Ra tù, nhưng vẫn chưa được tự do mà được/ bị đưa về Xưởng nông cụ huyện Quốc Oai lao động ở phân xưởng mộc (mặc dù không biết gì về nghề mộc) với thời hạn quản thúc là 3 năm. Ra ngoài, nếu thuộc xã khác phải báo cáo với Xưởng; huyện khác, tỉnh khác phải báo cáo Công an huyện và (sau tháng 4/1975) vào Nam phải làm đơn xin phép ông Lê Đức Thọ, nhưng cũng phải mãi đến năm 1979 ông mới được đi.

Hẳn ông không ngờ đó cũng là sự sắp xếp của định mệnh khi sau này ông đã quyết định chọn Quốc Oai là nơi dừng chân cuối cùng của mình để gắn bó cả quãng đời còn lại và rồi cũng do cơ duyên mà Nó được biết ông và quen thân với ông. Ông đã coi Nó như một đứa em, một người bạn vong niên mà ông có thể tin tưởng, có thể sẻ chia tâm sự.

Có một chuyện khá hài hước là cho đến khi ông được thả và được đưa về quản thúc ở Xưởng nông cụ huyện Quốc Oai, ông mới bị (hay được?) người ta tuyên bố khai trừ khỏi Đảng. Vậy là hơn 5 năm Đảng bắt đi tù, tuy mất quyền công dân, nhưng ông vẫn có “vinh dự” được đứng trong/ chung hàng ngũ với những người đã ra lệnh bắt mình!

Em ông, Trần Đình - tác giả “Bất khuất” cũng bị/ được quy kết là có tư tưởng xét lại chống Đảng, nhưng nhờ cao số, nên không phải ngồi tù mà chỉ phải đi cải tạo lao động một thời gian đã từ Hà Nội lên thăm ông vào dịp giáp tết, cái tết đầu tiên (kể từ sau khi ông được ra tù) ở Xưởng nông cụ huyện Quốc Oai - nơi ông bị quản thúc.

Rồi trong khi “ngẫu lục” về sự “tang thương” đâu chỉ là chuyện hơn 5 năm riêng ông phải chịu ngồi tù mà còn là cảnh gia đình ông phải “tan đàn, xẻ nghé”!

Theo đó, ông xây dựng với người vợ đầu (bà Vân) vào tháng giêng năm 1953. Có với nhau 3 mặt con, gồm 2 gái là cháu Thủy (1955), cháu Hà (1956) và một trai út là cháu Trung (1959).

Khi ông bị bắt, trong 3 cháu chỉ có cháu Thủy và cháu Trung ở nhà (từ Lập Thạch, Vĩnh Phú nơi sơ tán về từ hôm trước, còn cháu Hà ở lại). Ngoài ông

trưởng khu nhà tập thể của Thông tấn xã Việt Nam được yêu cầu đi theo làm chứng, trong số 3 người đến đọc lệnh bắt có Lê Thành Tài - Cục phó cục chấp pháp.

Có một chi tiết phần nào nói lên tính cách con người của ông tướng cũng nên nhắc lại ở đây là ông đã yêu cầu những người thi hành lệnh bắt được nán lại vài phút để viết cho cháu Hà vài chữ đang ở nơi sơ tán và trước khi chào vợ con để ra xe, vì là tổ trưởng công đoàn cơ quan, ông vẫn không quên nhắc với vợ là ông còn thiếu 5 hào của công đoàn.

Rồi, thật đau lòng khi hai năm sau, năm 1969, ông đang ở trại Nam Du (Bát Bạt) bà Vân đã mang tờ quyết định li hôn của Tòa án lên tận trại để ông ký vào.

Vậy mà mỗi khi nhắc lại chuyện này, ông không hề có ý gì tỏ ra phiền trách bà Vân mà ngược lại, Nó cảm thấy như trong những điều tâm sự của ông chính ông mới là người có lỗi. Theo đó, khi ông bị bắt, bà Vân cũng là Đảng viên và đang là phóng viên của Thông tấn xã Việt Nam. Ba đứa con ông, cháu Thủy mới 12 tuổi, cháu Hà 11, còn cháu Trung mới lên 8. Vậy mà từ năm 1965, các cháu đã phải đi sơ tán, sống xa bố mẹ. Thời gian đầu là Văn Điền, thời gian sau là Lập Thạch, Vĩnh Phú. Nên, để tránh bị sa thải, để

được yên ổn làm ăn và nuôi dạy con cái, không bị người ta làm khó dễ trong khi có một người chồng, người cha phải ngồi tù vì tội xét lại chống Đảng thì việc làm của bà Vân là có thể chấp nhận được.

Phải chăng, vì vậy mà sau khi đã ra tù, việc bố con ông gặp nhau vẫn phải lén lút!

Đó là cái tết Giáp Dần (1974) sau hơn 5 năm bị ngồi tù và hơn một năm sau khi đã được ra tù, thông qua bà Hà (em gái bà Vân) ông mới gặp được cháu Thủy và cháu Hà nhưng không phải tại ngôi nhà mà ông và các con ông đã từng chung sống trước khi bị bắt mà ở nhà người em trai của mình - Trần Đình! Còn với cháu Trung lại phải chờ một dịp khác và cũng vẫn phải thông qua người chị con bà già là bà Lê Đào bằng cách bố trí để đưa cháu đến trước ngôi nhà số 86 hàng Đào (nhà bà Lê Đào) cho ông từ bên kia đường nhìn mặt! (Lúc này bà Vân đã tục hôn với ông Lê Hà - Chánh văn phòng Thành ủy, sau là Giám đốc Sở ngoại thương, đã có vợ và một người con trai, nhưng vợ mất).

Rồi cũng do cơ duyên, tháng 4 năm 1976, ông tục huyền với bà Canh là cấp dưỡng của Xưởng nông cụ huyện Quốc Oai, nơi ông bị quản thúc, có với nhau hai cháu trai là cháu Quỳnh và cháu Tường.

Đến chuyện giải quyết lương hưu cho ông lại là một chuyện khôi hài! Theo quy đổi, trước khi bị bắt, ông đã có thời gian 25 năm công tác, nhưng người ta chỉ tính cho ông 12 năm ở Xí nghiệp nông cụ huyện Quốc Oai (sau này, nâng lên thành Xí nghiệp) nên chỉ được hưởng trợ cấp theo chế độ nghỉ mất sức là 3.000đ/ tháng (ba nghìn đồng/ tháng). Về sau, không hiểu sao, do có sự can thiệp của Ban tổ chức Trung ương với Ban tổ chức tỉnh, mới được tính đủ. Nhân chuyện này, Nó đã cười chua chát mà bảo ông:

“Như vậy, ai bảo là không ưu việt! Nhưng nếu không tính thời gian ở tù thì còn hơi cao! Còn tính cả thời gian ở tù thì lại quá thấp!”

Năm 1985, sau khi rời Xưởng nông cụ, bà Canh mở một hiệu tạp hóa ngay trước cửa nhà bán cho bà con lối xóm để phụ thêm vào đồng lương ít ỏi của cả hai vợ chồng nuôi cho các cháu ăn học. Còn ông với phương tiện là chiếc xe đạp, ngày ngày phải đạp xe ra Hà Nội (cách nhà hơn hai chục cây số) cất lại của người ta những mặt hàng thuộc nhu yếu phẩm như: Dầu hỏa, nước mắm, xà phòng, kem đánh răng và kẹo bánh... về cho bà Canh ngồi bán.

Sau này, ông có nhận thêm công việc dịch thuật cho Nhà xuất bản Phụ nữ, trong đó có cuốn “Truyện cổ tích của người da đỏ” (2 tập)



Biết Nó là thành viên của Câu lạc bộ “Văn nghệ sĩ xứ Đoài” do họa sĩ Phan Kế An là chủ nhiệm, ông nhắc lại một kỷ niệm cũ với giọng bùi ngùi như giọng của người chịu ơn mà chưa trả được:

“Hồi mình còn ở trong tù, biết mình nghiện thuốc lá, Phan Kế An có gửi cho mình một “tút” (cây) Tam Đảo...”

Nó vẫn định khi nào có dịp gặp họa sĩ Phan Kế An sẽ nói lại chuyện này. Thì, trong một lần gặp mặt Văn nghệ sĩ xứ Đoài tại Phủ đường Quốc Oai, sau khi hội nghị kết thúc, Nó còn chưa kịp nói gì, họa sĩ Phan Kế An đã chủ động tìm Nó:

“Phùng đưa mình đến thăm Trần Châu, chẳng đã nhiều tuổi với nhau cả rồi, sợ không còn dịp...”

Rồi Kiến Giang, nhà lý luận cách mạng nòi và cũng là người tiên phong, kiên trì trong công cuộc đổi mới - cũng nhờ bạn bè tháp tùng đã từ Hà Nội về nhà Nó thăm ông. Còn nhớ, khi được hỏi thực hư về lý do mà Trần Châu phải ngồi tù, nhà cách mạng Kiến Giang cười rất hồn nhiên:

“Chính chị, chính em gì Trần Châu!”

Dường như nhận thấy mặt Nó nghệt ra trước nhận xét của mình, ông không cười nữa mà tiếp, giọng nghiêm chỉnh:

“Vì Trần Châu nó tốt và thật thà quá!”

Quả có như vậy! Trên dưới hai chục năm quen biết và sau này có dịp tiếp xúc, gần gũi với ông (gần như hàng ngày) Nó thấy ông đúng là tốt và thật thà quá, nhưng nhẹ dạ, cả tin và có phần hơi cực đoan nữa, nên trong quan hệ, có những trường hợp ông đã gửi gắm niềm tin không đúng chỗ! Về điểm này, lúc sinh thời, bà Canh - vợ ông không những đồng ý với Nó mà còn tái khẳng định bằng việc dẫn ra một đối tượng (cũng trùng với nhận xét của Nó) để minh chứng. Chủ quan, Nó nghĩ hẳn những người thân của ông, nếu hiểu ông cũng sẽ nhận ra điều này.

Trong giao tiếp, Nó nhận thấy, khi không cùng quan điểm với ai, ông thường nhường nhịn, không bao giờ tranh luận với người đối thoại. “Cảm ơn” hay “Xin lỗi” là những câu cửa miệng của ông. Tuy vậy, thỉnh thoảng ông cũng rất “hóm”. Đó là lần ông rủ rỉ kể cho Nó một chuyện “Tiểu lâm” có cái “tít” là **“Kêu nó bằng gì?!”** không hiểu do ông sáng tác hay là cũng được nghe người khác nói lại. Đại ý:

*Bố chồng con dâu nhà họ thông dân! Kết quả của cuộc “câu phối” là sau chín tháng mười ngày có thêm một “con Lạc cháu Hồng” - oa oa cất tiếng khóc chào đời!*

*Không thể để chuyện loang ra ngoài vì cả ba bố con đều là đảng viên, nên cuối cùng cả 3 đều thống*

*nhất đi đến hiệp thương là giải quyết nội bộ. Đến đây  
nảy ra chuyện danh xưng!*

*Thằng con bảo:*

*“Danh không chính thì ngôn không thuận! Bây  
giờ tôi không biết phải kêu nó bằng gì? Kêu là con  
thì... “thằng ăn ốc thằng đổ vỏ” bởi ông mới là bố  
nó; còn kêu là em thì... mẹ nó lại là... vợ tôi!”*

*Thằng bố nhìn thằng con:*

*“Thì... tao cũng đang không biết kêu nó bằng  
gì? Kêu là con thì không được vì... vì mẹ nó là... vợ  
mày; còn kêu là cháu thì... thì... “chẳng hóa ra cú  
kêu cho ma ăn”, bởi... bởi... con thì con tao mà  
nghiêm nhiên mày lại là bố nó!”*

*“Vậy ông tính thế nào?!”*

*“Thì tao cũng đang nghĩ nát cả óc...!”*

*Đúng lúc vấn đề tưởng như bế tắc thì mẹ đưa trẻ  
bất ngờ lên tiếng:*

*“Có mỗi một việc đơn giản như thế mà hai bố  
con không giải quyết được thì tôi không hiểu những  
việc quốc gia đại sự, bố con các người giải quyết ra  
sao!” Rồi như sợ hai bố con không nghe rõ, con đàn  
bà nhún từng tiếng một:*

*“Gọi - nó - là - đồng - chí!”*

*Nó vẫn còn những kỷ vật ông tặng. Đó là chiếc  
máy chữ của ông Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước*

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Campuchia  
tặng ông (ông có nói họ tên nhưng Nó quên và nếu  
như không nhầm thì ông Đại sứ đó họ Lưu), cuốn  
“**Từ điển tiếng Việt**” do Hoàng Phê chủ biên,  
“**Truyện cổ tích của người da đỏ**” (2 tập) và cuốn  
tiểu thuyết “**Linh Sơn**” của Cao Hành Kiện do Trần  
Đĩnh - em ông dịch - được tái bản năm 2003, bản  
dành tặng ông:

*“Thân mến tặng anh Châu - chị Canh và các  
cháu*

*Sắp tết Quý Mùi 17/1/2003*

*Sắp rời Hà Nội và miền Bắc và gió mùa đông  
bắc, gió heo may nghe thổi từ thời bé thơ...*

*Một quyển sách mà dịch thấy hài lòng*

*Đĩnh*

Và ông đã tặng lại Nó:

*“Thân tặng chú Phùng*

*6/12/2007*

*Trần Châu (ông chỉ ký họ tên không đệm như đã  
được mặc định)*

*Trần Kim Châu*

## 34

*(Đã trích, dưới dạng truyện ngắn “Bà tôi”)*

Cụ Sáu được truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”

Bố Nó bảo hôm bà cụ bị bắn, bố Nó là một trong hai người đã khiêng bà cụ...

“Ai bắn?”

“Ta bắn!”

“Ta bắn?”

“Ta bắn!”

“Ta bắn, sao còn truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng?”

“Ta bắn vì bà cụ bị quy là địa chủ; còn truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” vì bà cụ có một người con trai độc nhất là liệt sĩ” - Rồi, bố Nó kể:

“Thằng con trai thì hi sinh trong chiến dịch biên giới (1950). Chồng thì làm nghề thuốc, chuyên bốc thuốc trị bệnh cứu người nhưng rốt cục không thể cứu được mình thoát khỏi lưỡi hái của tử thần bởi sự buồn phiền trước cái chết của đứa con trai đã khiến căn bệnh nan y của ông cụ tái phát. Sau hai cái tang gần như cùng lúc, bà Sáu nằm liệt giường mất mấy tháng! Vừa vực dậy được, có người đến rỉ tai là có mấy nhà ở

làng đang muốn bán ruộng với một cái giá rất phải chăng, bà Sáu liền bán căn nhà ở Phố Phủ vốn là cửa hàng thuốc của chồng cộng với gánh hàng xén của mình và số vốn liếng dành dụm được trước đó để tậu ruộng mà không ngờ rằng những người bán ruộng cho mình đều là những nhà có con em ở vào những cương vị cao trong hàng ngũ cách mạng, nên biết trước được tình thế, họ đã bán tổng bán tháo số ruộng đang canh tác để chạy... làng. Tính đến khi bị quy là địa chủ và bị xử bắn, bà Sáu mới chỉ là địa chủ được trên dưới ba năm! Với lại, không hiểu ai xui khôn, xui dại, mà đứa con dâu lẳng lơan đã bị người ta mớm lời để tố bà cụ: “Thủ đoạn bóc lột người làm của mụ rất tinh vi, xảo quyệt! Mụ luôn lấy tấm gương “Thờ chồng nuôi con” của mình ra để ngăn cản không cho tôi tái giá, nhằm mục đích biến tôi thành một người làm việc kiêm đưa ở không công trong nhà!”

Lý do để bà cụ bị quy là địa chủ và bị xử bắn là nhà chỉ có một lao động (người ta không tính đứa con dâu bởi đứa con dâu cũng tố bà cụ là mình bị bóc lột) mà có hơn chục mẫu ruộng, là người nhiều ruộng nhất làng và do đó cũng là người có nhiều người làm thuê nhất làng!

Trước đó, cũng không nghĩ là mình bị bắn nhưng lo đứa cháu sẽ theo mẹ nó “cắt đứt” với mình, nên

một lần bà Sáu đã gọi đứa cháu lại ướm thử: “Mẹ cháu đã theo anh đội (cải cách). Nghe nói, mấy hôm nữa sẽ về đón cháu đi đấy!” Nó bảo: “Không! Cháu không đi đâu cả, cháu ở với bà...” Bà Sáu đã âu yếm kéo nó vào lòng, xoa đầu khen nó ngoan, hứa sẽ mua cho nó một bộ quần áo mới để mặc tết rồi cả hai bà cháu ngồi ôm nhau khóc. Không ngờ, đó cũng là lần cuối cùng hai bà cháu bà Sáu được ngồi với nhau!

Sau đó, gửi đứa cháu về bên ngoại, thuộc xã khác, cách nhà chừng hai cây số nhờ các cậu các mợ trông nom, bà Sáu đã phải chịu đựng không biết bao nhiêu là nhục nhã, ê chề! Không kể ruộng đất, toàn bộ của nả, từ tiền bạc thóc lúa, con trâu cái cày; rồi cối xay cối giã cho đến cái chổi cùn, rế rách trong nhà đều bị tịch thu. Năm gian nhà ngói và ba gian nhà ngang trên mảnh đất mười hai thước được chia cho ba hộ thuộc thành phần bản cổ nông. Bà Sáu bị giam lỏng một nơi, có dân quân canh gác. Đi đái, đi ỉa phải xin phép và phải chào hỏi, vâng dạ, phải xưng con và phải kêu là ông là bà với tất cả những người mình gặp kể từ đứa trẻ con còn ẵm ngửa trở đi...

Hôm bà Sáu bị bán, như có linh tính mách bảo, đứa cháu từ bên ngoại trốn về. Đến nhà không thấy bà đâu lại thấy nhà cửa tan hoang như vừa bị mất cướp, bất giác nó òa khóc bởi nỗi sợ hãi là tai họa đã giáng

xuống đầu bà nó. Rằng đúng vào lúc bà nó cần đến nó thì nó lại không có mặt và nó đã vĩnh viễn mất bà! Đúng lúc đó thì bố và một ông cũng bị quy là địa chủ bị một “ông” dân quân vai đeo súng dẫn vào. Theo lệnh của ông ta, bố và ông địa chủ phải tháo hai cánh cửa sổ buồng nhà bà Sáu xuống và mỗi người một cánh mang đi. Đứa cháu chạy theo:

“Sao các ông lại tháo cửa nhà tôi?”

“Ông” dân quân quay lại:

“Nhà nào của mày! Đây là nhà của nông dân!” - Rồi “ông” ta nhìn nó cười nhăn nhở - “mà... tháo hai cánh cửa này... là... tháo cho... bà mày đấy!”.

“Bà tôi đâu?”

“Ồ...! Thì ra mày vẫn chưa biết à? Có muốn chia tay bà mày thì ra Đồng Trước?”

Cánh Đồng Trước vừa gặt xong còn trơ gốc rạ bây giờ là cả một biển người với cờ, loa, khẩu hiệu; với cả rừng những cánh tay giơ lên, hạ xuống và những tiếng hô: “Đả đảo! Đả đảo! Đả đảo!” trong niềm phấn khích của đám đông nghĩ là mình đã đổi đời!

Đứa cháu đến đúng lúc người ta vừa thi hành án với bà nó và Tòa án nhân dân cách mạng đã tuyên bố kết thúc phiên tòa. Đến đây nó mới hiểu hai cánh cửa sổ được mang ra đây để làm gì! Một cánh thay cho



tắm “địa”, một cánh làm tắm “thiên” rồi với hai vòng thừng hai đầu và một chiếc đòn tròn (đòn gánh rạ) bó và ông địa chủ mỗi người một đầu - theo lệnh của “ông” dân quân - khiêng xác bà nó ra bãi tha ma! Nghĩa tử là nghĩa tận, ngoài việc dành cho bà cụ hai cánh cửa để làm “cỗ áo” người ta còn chứng tỏ lòng nhân đạo bằng việc đốt cho bà cụ cả một bó nhang!

Với ai đó thì “chết là hết” nhưng số bà Sáu còn khổ cả sau khi chết! Vốn người thấp bé nhưng vì hai cánh cửa sổ quá ngắn nên suốt dọc đường đi mái tóc và hai chân bà cụ, đoạn từ đầu gối trở xuống cứ lê thê quét đất! Khi chỉ còn cách bãi tha ma một đoạn, bó nhang phía đầu “áo quan” - vì ngược gió - bùng cháy và bèn vào tóc khét lẹt. “Ông” dân quân liền lệnh cho bó và ông địa chủ hạ bà cụ xuống và thật bất ngờ khi “ông” ta chỉ vào bó rồi chỉ vào đám tóc đang cháy của bà Sáu, ra lệnh:

“Thằng này! Đái...”

Bố lấp bắp mãi mới thốt được nên lời:

“Dạ... thưa ông... con... con không mót!”

“Ông” ta liền quay sang ông địa chủ:

“Thằng này...”

Cùng lúc nhận ra đũng quần của ông địa chủ đã ướt sũng, “ông” dân quân liền xăm xăm tiến đến trước mặt bà cụ và vén quần lên...

Đứa cháu bà Sáu nhào đến và chỉ kêu được hai tiếng “Bà ơi” rồi không biết gì nữa...

Do có người con tham gia cách mạng và lại là liệt sĩ nên trong sửa sai gia đình bà Sáu được xếp thuộc diện “địa chủ kháng chiến”. Năm gian nhà ngói và ba gian nhà ngang trên mảnh đất mười hai thước được trả lại. Trả giá cho lỗi lầm của mình, đứa con dâu đã tìm đến cái chết nhưng không dám chết ở làng mà ra Hà Nội, tìm đến tận hồ Hale tự tử...

Đứa con dâu thì thế nhưng được đứa cháu, khác hẳn với mẹ nó, phải nói là giỏi. Hôm Ủy ban nhân dân thị trấn tổ chức lễ đón nhận “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, trước mặt bao nhiêu quan khách, bà ấy (đã 50 tuổi) tuyên bố:

“Anh hùng? Không! Bà tôi không phải là anh hùng cũng như trước đây bà tôi không phải là “cường hào ác bá”! Có gì mà “cường hào ác bá”! Bà tôi chỉ là một người phụ nữ Việt Nam như bao người phụ nữ Việt Nam bình thường khác! Vậy xin hãy để cho linh hồn bà tôi được yên nghỉ. Bởi, tôi muốn mãi mãi bà tôi vẫn chỉ là... bà tôi thôi!”

## 35

Chuyện cái Hĩm đi xuất khẩu lao động, lấy chồng "Tây", nhập quốc tịch "Tây", bây giờ cùng chồng con bay về thăm anh em, họ hàng làm cả làng Hoàng sôi lên, nháo nhác, chộn rộn cả lên như ngày vào đám...

Vì đã được cái Hĩm thông báo trước khi nó mới đặt chân xuống sân bay quốc tế Nội Bài - sau một tuần nghỉ ngơi và đưa chồng con thăm thú Hà Nội, nó sẽ về thăm quê, nên đúng ngày hẹn, vừa thấy bóng hai chiếc taxi chạy vào làng rồi lăn bánh về phía Ủy ban nhân dân thị trấn thì người lớn, trẻ con kéo nhau ra xem cứ gọi là... đông như... hội.

Chẳng ai còn nhận ra cái Hĩm người khắng khiu như que sậy, tóc sém nắng, da đen nhẻm, con gái vợ chồng bác đĩ Tồn ngày xưa. Bây giờ nó béo, nó trắng, nó đẹp, cổ và tay đầy vàng. Thời trang thì khỏi phải nói, như... Tây! Tiếng mẹ đẻ chưa quên, chỉ tội nói hơi lơ lớ! Chồng nó thì... Tây 100%: Cao, to, tóc vàng, mắt xanh, mũi lõ. Đứa con trai khoảng bảy, tám tuổi - sản phẩm liên doanh của hai nền văn minh da trắng và da màu, trông đúng là như... chúa hài đồng: Bụ bẫm, kháu khỉnh, dễ thương...

Sau khi cho người chuyển bánh kẹo, thuốc lá, nước ngọt từ trên xe xuống, gọi là có chút quà để mời chính quyền và bà con dân làng, cái Hים bày tỏ lòng biết ơn của nó đối với quê hương - nơi sinh thành ra nó - đã quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi, giúp đỡ nó, để nó có được như ngày hôm nay. Rồi lúc bố mẹ nó mất - nó đang còn ở bên kia nửa vòng trái đất - đã lại tang ma, lo cho bố mẹ nó đến nơi yên nghỉ cuối cùng được mồ yên, mả đẹp. Để đáp lại tình cảm sâu nặng ấy, chuyến về thăm quê lần này, ngoài việc - theo lệ làng - con gái khi đi lấy chồng thiên hạ (chứ chưa nói nước ngoài) phải đóng góp mỗi người một nghìn viên gạch dùng cho việc lát đường, nó nghĩ sẽ làm hẳn một con đường bê tông, đủ cho hai luồng xe thô sơ tránh nhau chạy thẳng từ lộ chính vào làng. Để lưu lại một chút kỉ niệm đối với quê hương, nó xin phép con đường sẽ mang tên nó, một cái tên nửa Mỹ, nửa Việt: Giên E Hoa. Hai tấm biển bằng xi măng, đắp nổi dòng chữ " Đường Giên E Hoa" sẽ được dựng ở mút hai đầu con đường. Điều đó thì quá đơn giản, bởi dù đổ bê tông thì vẫn là đường làng, và chiều dài, bất quá chỉ hai, ba trăm mét là cùng. Nhưng... Giên E Xuân, Giên E Lan, Giên E Thu, Giên E Cúc; nghĩa là... Giên E... gì cũng được chứ không thể là Giên

E... Hoa! Xa quê mới ngót hai chục năm, chẳng lẽ khi đặt điều kiện như vậy, cái Hĩm đã quên rồi sao....? !

...Vợ chồng bác đĩ Tồn hiếm hoi. Ở cái tuổi ngoài ba mươi mới sinh được một mụn con gái. Để thân, phật khỏi bắt nó đi, hai bác đã tìm một cái tên thật xấu - như xưa nay những cặp vợ chồng hiếm hoi vẫn làm - để đặt tên cho con: Hĩm - cái Hĩm. Từ nhỏ cho suốt những năm ngồi nghề nhà trường, hết cấp một rồi cấp hai, chẳng bao giờ cái Hĩm lộn cộn về cái tên của nó; nhưng lên cấp ba, phần vì đã lớn, phần vì bị chúng bạn chế nhạo, một bữa bác Tồn gái thấy nó từ đâu chạy về, nằm tằm tức khóc:

"Đứa nào đánh mày?"

"Thiếu gì tên mà bố mẹ lại đặt là Hĩm!"

Bác đĩ đã hiểu ra cơ sự:

"Không thể, chắc đã nuôi được mày đến ngày hôm nay (?)"

"Thế nhà "dững" cái Hương, cái Huệ...?"

"Nhà chúng nó khác, nhà mình khác!"

"Khác cái gì?"

"Nhà... nhà người ta đông đàn, dài lũ..."

"Đông đàn, dài lũ thì thế nào?"

Bác đĩ phát cáu:

"Thôi, tao không hơi sức đâu mà lục vấn với mày..."

Sau đó không hiểu ai mách, cái Hĩm lên Ủy ban nhân dân thị trấn xin đổi tên. Đổi làm sao được nữa khi giấy khai sinh, học bạ, rồi bằng tốt nghiệp các cấp từ trước tới nay đều ghi là Hĩm. Hĩm đã là cái tên định mệnh của nó! Không đổi được tên, nó xoay sang tìm một từ lót (đệm). Nào Ái Hĩm, Bích Hĩm, Thanh Hĩm, Mộng Hĩm, rồi Vân Hĩm, Thu Hĩm, Kiều Hĩm... nhưng rốt cuộc chẳng có một từ lót nào có thể đánh bóng, có thể giải phẫu thẩm mỹ được cho cái tên Hĩm của nó. Giận thân, giận đời, nó bỏ học về nhà làm ruộng được đâu hai năm thì xin đi làm công nhân nhà nước. Đi thoát ly, nó chỉ sửa có một nét những chỗ ghi tên nó trong hồ sơ, thế là từ Hĩm thành Hiên. Cả cơ quan, ai cũng nghĩ tên nó là Hiên. Nhưng đây là ở cơ quan, còn ở quê - kể cả vợ chồng bác đi - vẫn gọi nó là cái Hĩm! Rồi vận may đến với nó, nó có tên trong danh sách những người cơ quan cho đi xuất khẩu lao động. Ở nước ngoài, thời gian đầu nó vẫn mang tên Hiên. Sau khi lấy chồng "Tây", chẳng còn gì trói buộc, chuyện kị húy ở làng thành chuyện ngớ ngẩn, nó đổi từ Hiên sang Hoa - Giên E Hoa. Và một

lần nữa, Giên E Hoa đã là cái tên định mệnh của nó trong giấy phép xuất nhập cảnh và trong hộ chiếu...

Theo thần phả, đình làng Hoàng thờ đức Quốc Mẫu Âu Cơ. Chẳng hiểu căn cứ vào đâu, người ta biết tên húy của Người là Hoa. Vì vậy, từ bao đời nay Hoa là một từ mà cả làng phải kiêng kị. Trường hợp đọc hoặc viết, gặp húy của đức Thượng đẳng, người làng Hoàng phải viết hoặc đọc chệch là Huê. Cho nên, chuyện cái Hĩm lấy tên phạm đến "húy" Thành hoàng làng quả là chuyện táo tợn! Nhưng đó là việc của nó. Bây giờ nó có ở làng, ở nước nữa đâu! Nó về rồi nó lại đi. Nếu lỡ người có quả phạt thì nó phải chịu. Song việc lấy tên nó để đặt tên cho con đường thì lại là chuyện khác. Cả làng mắc tội phạm húy đối với đức Thượng đẳng, rồi ra... liệu Người có phù hộ cho được "Tứ thời hòa cốc, phong đăng" để mà làm ăn?

Trước sự kiện động trời đó, có ba luồng ý kiến:

1. Thà không có đường, chứ điều kiện của cái Hĩm đưa ra là không thể chấp nhận được.

2. Đây là một dịp may hiếm có phải biết triệt để tận dụng. Bởi suy cho cùng, việc đặt tên đường là Giên E Hoa cũng chẳng ảnh hưởng gì vì kiêng húy với đặt tên đường là hai việc hoàn toàn khác nhau (chưa

kể còn có ý nghĩa tôn vinh như việc đặt tên đường là danh nhân ở thủ đô Hà Nội và các thành phố lớn).

3. Cố gắng tìm ra một giải pháp có tính khả thi; làm sao để làng vẫn được đường mà không phương hại đến tín ngưỡng chung.

Nghe có vẻ căng, nhưng ý kiến của nhóm thứ ba thực ra chỉ là sự trung hòa ý kiến của hai nhóm trên. Vì sự "uyên chuyên" ấy, nó thuyết phục được số đông và cuối cùng đã dành được sự ủng hộ với số phiếu cao nhất...

Làng Hoàng, phía Đông và phía Nam được dòng sông Cái như một vành đai bao bọc, che chắn. Phía Tây ken dày những lũy tre gai trông như một bức tường thành. Muốn vào ra làng chỉ có một con đường (độc đạo) từ hướng Bắc. Án ngữ trên đoạn đường đó là cổng làng. Để chống cướp, cổng làng ngày xưa được xây rất kiên cố. Hai cánh cổng bằng gỗ lim chạy trên hai bánh xe cũng bằng gỗ, trông to cao như hai chiếu ghé ngựa dựng ngược. Tới đến, cổng được đóng lại và có tuần phiên canh giữ. Muốn đóng cổng, người ta phải dùng đến những đoạn tre đực to và già chèn ngang theo hai bên hốc tường làm dõ. Nhưng đây là trước kia, bây giờ tuy cổng vẫn còn, song lúc đóng, lúc mở tùy hứng.



Công làng là ranh giới giữa làng và đồng làng. Hết đoạn đường lát gạch nghiêng, qua công làng là đồng làng. Từ đây, muồn ra lộ chính, phải theo con đường trực rải cấp phối vừa vòng, vừa xa...

Theo cái Hĩm, con đường mang tên nó sẽ mở về hướng Tây: Từ cửa đình (nơi dẫn vào khu vực tiền tế) vắt qua con đường gạch thông ra lộ chính. Có thể hình dung, khi đường làm xong, trên bản đồ địa chính của làng sẽ thêm một nét ngang, tạo thành một chữ H in. Nét ngang đó là đường Giên E Hoa, hai nét dọc gần như song song, một là lộ chính, một là đường làng. Vì vậy, những rặng tre gai mà con đường đi qua sẽ phải chặt bỏ. Hai tấm biển bằng xi măng, đắp nổi dòng chữ mang tên nó sẽ được dựng: Một từ lộ chính rẽ vào, một: trước cửa đình - nơi có tấm bia đá đề hai chữ: "Hạ Mã".

Việc đầu tiên, làng thuyết phục cái Hĩm lấy tên đường là Giên E Hiên (Hĩm thì không được rồi) nhưng nó bảo Hiên không phải là tên chính thức của nó. Cuối cùng, để "mềm" hóa vấn đề, làng và cái Hĩm cũng đạt được một thỏa thuận: Vẫn lấy tên đường là Giên E Hoa nhưng thay vì dựng hai tấm biển xi măng có đắp tên nó, chỉ dựng một ở ngoài lộ chính, bớt một ở trước cửa đình.

Trước hôm con đường bước vào thi công, cái Hĩm chủ động đến tìm Phùng:

"Anh viết cho em bài báo, thù lao bao nhiêu em gửi"

"Viết cái gì?"

"Về sự đổi mới của làng, về con đường, về em..."

"Xin lỗi! Thời gian này tôi bận!"

Nó cười nhâng nháo:

"Đúng là... văn nghệ sĩ các anh... mặt đã vàng như nghệ lại... còn sĩ!" - Rồi tiếp "Em còn lo để đình làng mình được xếp hạng "Di tích lịch sử" anh có tin không?"

Phùng cười khẩy " Tiền!"

Đến lượt cái Hĩm cười xì ra đằng mũi:

"Tưởng thế nào! Tâm suy nghĩ của anh cũng chỉ thế thôi! Tiền! Đành rằng thế! Nhưng không phải chỉ có tiền! Anh có biết không? Em đã tìm được tấm bia đá bị mất cách đây mấy chục năm ở Tù đường cụ Trạng và đã nhờ người sao chụp, phiên âm, chuyển nghĩa làm hồ sơ gửi lên Sở văn hóa thông tin và các cấp có thẩm quyền..."

Phùng ngẩn ra:

" Nhưng.... Tù đường thuộc thôn Thượng?"

"Thôn Thượng! Nhưng thôn Thượng chẳng đã mang ra bắc bậc cầu ao Nghiên là gì! Vói lại đình làng là chung của cả 3 thôn: Đình ở thôn Trung đưa về thôn Trung là hợp lý bởi căn cứ vào "lòng" (nội dung) của đạo "Chúc văn" đình có phối thờ cụ Trạng.

- Vậy tấm bia đó bây giờ ở đâu?

- Em đã thuê thợ làm một nhà bia và cho người chuyển về đình...

Theo đó, cái Hĩm có một cô em con dì con già người thôn Hạ đang công tác ở viện Hán Nôm. Cô em cho biết tấm bia đá ở Từ đường cụ Trạng bị đưa ra làm bậc cầu ao mấy chục năm trước đã được ông bác và hai người con trai đang đêm kéo xe cải tiến bí mật ra ao Nghiên đưa lên xe chuyển về giấu ở trong buồng bởi không đành lòng vì cũng thuộc dòng dõi cụ Trạng...

Bây giờ các cơ sở tín ngưỡng như Đình chùa miếu mạo đều đã được phục hồi. Chưa kể, nếu có giá trị về mặt kiến trúc hoặc lịch sử, văn hóa, được Bộ hoặc Sở văn hóa công nhận, còn được trên rót kinh phí để sửa sang, tu tạo. Do đó cô em mách nước bàn với hai ông anh (ông bác đã mất) cung tiến tấm bia lên đình. Việc sao chụp, phiên âm, chuyển nghĩa tấm bia và lập hồ sơ để đình được công nhận di tích là việc

của cô em. Còn kinh phí từ A đến Z, cái Hĩm lo. Hai ông anh và cái Hĩm đều nhất trí ngay vì thấy đây là một việc làm rất có ý nghĩa...

Rồi, việc gì đến sẽ đến. Đường Giên E Hoa đã được đưa vào sử dụng. Vì hai từ Giên E (nhất là nguyên âm E) đứng trước, nên khi phát âm tên đường, đến húy của đức Thượng đẳng, mặc dù người làng Hoàng đã đọc trại (chệch) là Huê nhưng vẫn cứ trật thành... Hoe - Giên E Hoe ! Rồi - không biết tự lúc nào - từ "Huê" đã biến mất trong tập tục, thổ ngữ của làng. Gặp trường hợp phải đọc trại - giờ đây - người làng Hoàng đều đọc trại là Hoe!

Ám chỉ việc phát âm từ "Huê" thành "Hoe", trên mạng xã hội có tin đồn "Vì tội báng bổ thần thánh, cả làng Hoàng già trẻ trai gái đều bị méo mồm..."

Bất giác, Phùng nhớ đến một ca từ của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn:

*"Làm sao em biết bia đá không đau ?!"*

## 36

Truyện Kiều, đoạn Kiều bán mình chuộc cha, cảnh mua bán giữa một bên là Mã Giám Sinh và một bên là mụ mối đã được đại thi hào Nguyễn Du miêu tả như sau:

*“... Mặn nồng một vẻ một ưa  
Bằng lòng khách mới tùy cơ dặt dìu  
Rằng: “Mua ngọc đến Lam Kiều  
Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường”  
Mối rằng “Giá đáng nghìn vàng  
Dóp nhà nhờ lượng người thương dám nài!”  
Cò kè bớt một thêm hai  
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài **bốn trăm....”***

(Từ câu 641 đến câu 648, trang 183 + 184  
Truyện Kiều - Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú thích - NXB Đại Học và Trung học chuyên nghiệp - Hà Nội, 1973)

Như vậy, rõ ràng là Mã Giám Sinh đã mua Kiều với giá bốn trăm lạng vàng (có lẽ) nhưng đoạn nói về sự tính toán của Mã Giám Sinh sau khi đã rước Kiều về đến trú phường (nhà trọ):

*“...Về đây nước trước bẻ hoa  
Vương tôn quý khách ắt là đua nhau*

*Hắn ba trăm lạng kém đâu*

*Cũng đà vừa vốn còn sau thì lời....”*

(Từ câu 827 đến câu 830, trang 193 - sách đã dẫn)

Mua Kiều với giá bốn trăm lạng vàng (có lẽ), lần đi khách đầu tiên của Kiều (sau khi Mã bẻ hoa) được ba trăm lạng (theo sự tính toán của Mã) như vậy vẫn còn thiếu hơn một trăm lạng - hơn một trăm lạng vàng chứ không phải là ít - làm sao mà tay buôn người họ Mã lại có thể coi là “cũng đà vừa vốn...”?

Giải thích đó là cái giá mà Mã chấp nhận việc “... nước trước bẻ hoa” của mình - với một kẻ “buôn hoa” như Mã - e rằng là sự gán ghép, khiên cưỡng!

Vậy thì Kiều bán mình được ba hay bốn trăm lạng vàng? Nếu ba trăm lạng, thì câu “giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm” phải là “giờ lâu ngã giá vàng ngoài ba trăm; còn với giá bốn trăm lạng, thì câu “Hắn ba trăm lạng kém đâu” phải là “Hắn bốn trăm lạng kém đâu” mới hợp lô gic

Liệu các bản Kiều từ trước tới nay (cả quốc ngữ Nôm và quốc ngữ La tinh) đều thống nhất hay có sự sai, khác về chi tiết này?

Theo Nguyễn Thạch Giang (phần khảo dị - sách đã dẫn) thì câu “*giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm*”, bản của Kiều Oánh Mậu là:

“*Giờ lâu ngã giá **chịu** ngoài bốn trăm*”

Bản Quan Văn Đường”

“*Giờ lâu ngã giá **ra** ngoài bốn trăm*”

Bản Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim:

“*Giờ lâu ngã giá **vâng** ngoài bốn trăm*”

Bản Nguyễn Văn Vĩnh (không có trong phần khảo dị của Nguyễn Thạch Giang):

“*Giờ lâu ngã giá **vâng** ngoài bốn trăm*”

Còn hai câu:

“*Hắn ba trăm lạng kém đâu*

*Cũng đà vừa vốn còn sau thì lời*”

Bản Quan Văn Đường: “*Hắn ba trăm lạng kém  
đâu*

*Cũng là vừa vốn còn sau thì lời*”

Bản Nguyễn Văn Vĩnh: “*Hắn ba trăm lạng kém  
đâu*

*Cũng **đà** vừa vốn còn sau là lời*”

Như vậy, tuy có tiểu dị (2 chữ, mỗi câu một chữ) song về nội dung, các bản Kiều đều thống nhất:

1. Mã Giám Sinh đã mua Kiều với giá “ngoài bốn trăm...”

2. Mã tính toán: Lần “đi khách” đầu tiên của Kiều sau khi Mã đã “nước trước bể hoa” phải được ba trăm lạng và như vậy là đã “cũng đà vừa vốn...”

Các thiên tài thường hay đăng trí. Khi đề Mã tính toán: “*Hắn ba trăm lạng kém đâu/ cũng đà vừa vốn còn sau thì lời*”, liệu đại thi hào của chúng ta có nhầm (lộn) cái giá Mã đã mua Kiều “...vàng ngoài bốn trăm” với việc “*Tính bài lót đó luôn đây/ phải ba trăm lạng việc này mới xuôi*” là cái giá chuộc Vương viên ngoại?

Nhân một chuyện giao lưu của Hội văn học nghệ thuật tỉnh nhà mà Nó là hội viên với Hội văn học nghệ thuật Hà Tĩnh, Nó đã đem thắc mắc này hỏi đại thi hào: “Vậy thừa đại thi hào, Kiều bán mình bao nhiêu?” và nhờ hai đồng chinh Khải Định thông linh, nhưng cụ chỉ cười. Bất giác, Nó cũng bật cười vì sự “tản mẫn” của mình! Thì đây, đã bao nhiêu người đọc Kiều, học Kiều, giảng Kiều, rồi những bài viết, những luận văn, những công trình nghiên cứu và cả những nhà “Kiều học” từ xưa đến nay, nào có thấy ai rồi hơi như Nó bận tâm đến chuyện ấy đâu!



## 37

### QUỐC SƯ VŨ KHIÊU!

Theo Wikipedia với từ khóa "Vũ Khiêu đương đại quốc sư": Họ tên thật là Đặng Vũ Khiêu, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1916 tại làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định.

#### **Học vị:**

- Tốt nghiệp Tú tài trường Bonnal xưa (nay là trường Trung học Phổ thông Ngô Quyền, Hải Phòng).
- Trường Đảng cao cấp (Bắc Kinh: 1954 - 1956)

**Học hàm:** Học giả (nghiên cứu về văn hóa Việt Nam)

- Là Viện trưởng đầu tiên của Viện xã hội học Việt Nam (1977 - 1983)

#### **Những chức vụ đã trải qua:**

- Giám đốc Sở Văn hóa khu 10 tại Việt Bắc rồi Tây Bắc (1947 - 1954)
- Phó tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam (1956 - 1959)
- Giảng viên Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
- Sau năm 1954, từ công tác tuyên huấn (thời gian làm Giám đốc Sở Văn hóa khu 10) chuyển sang

làm công tác nghiên cứu. Tham gia giảng dạy triết học và lý luận khoa học xã hội cho các trường Đảng và các trường Đại học.

- Thư ký Khoa học xã hội của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. Sau đó được bổ nhiệm làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1977 - 1987), nay là Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

### **Tác phẩm:**

Đã viết gần (sic) 30 cuốn sách và tham gia biên soạn với tập thể chừng (sic) 30 cuốn nữa ở nhiều lĩnh vực: Triết học, Đạo đức học, Văn học, Nghệ thuật, Văn hóa, Xã hội, Nghiên cứu, Giới thiệu thơ văn và cuộc đời của một số thi hào... Nhiều tác phẩm ca ngợi tư tưởng Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. **Các tác phẩm về vấn đề văn hóa gồm:**

- Đẹp (1963)
- Anh hùng và nghệ sĩ (1972)
- Cách mạng và nghệ thuật (1979)
- Bàn về văn hiến Việt Nam (3 tập, năm 2000, dày gần 1500 trang)...

Và là tác giả của nhiều công trình nghiên cứu, trong đó có:

- Cao Bá Quát (1970)
- Ngô Thì Nhậm (1976)

- Nguyễn Trãi (1980)
- Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng của người trí thức Việt Nam (1980)

### **Học hiệu:**

\* Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I ngày 10 tháng 9 năm 1996 cho cụm các công trình:

- Anh hùng và nghệ sĩ (1972)
- Góp phần nghiên cứu cách mạng tư tưởng và văn hóa (1987)
- Người trí thức Việt Nam qua các chặng đường lịch sử (?)

\* Anh hùng lao động thời đổi mới (2000)

\* Huân chương độc lập hạng Nhất (ngày 12/9/2006) vì có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp phát triển khoa học xã hội và nhân văn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc).

\* Công dân ưu tú thủ đô.

- Là người đề xuất lấy hoa mào gà làm quốc hoa.
- Là người đề tựa cho cuốn “Truyện Kiều Nguyễn Du với Tiếng Việt hiện đại, phổ thông, đại chúng và trong sáng” của Đỗ Minh Xuân (NXB Văn Hóa - Thông tin, 2012).

“Có công” bức tử Truyện Kiều, ca ngợi một kẻ lưu manh, sửa chữa một phần ba Truyện Kiều (Trạm sách):

*“Với một tinh thần khoa học rất nghiêm túc, ông (Đỗ Minh Xuân) tìm lại hầu hết các bản Truyện Kiều từ trước đến nay, so sánh các dị bản, tìm đọc hầu hết các bài đã bình luận, phân tích tác phẩm và tác giả Truyện Kiều. Từ đó, ông đã có ý tưởng lớn là làm thế nào để phổ cập hóa Truyện Kiều cho quảng đại công chúng, ông gạt bỏ những câu chữ khó hiểu từ tiếng Hán để thay bằng ngôn ngữ thuần Việt trong Truyện Kiều... Tôi hoan nghênh công phu nghiên cứu của ông Đỗ Minh Xuân và tin rằng cuốn sách này của ông là một đóng góp đáng kể vào việc nghiên cứu Truyện Kiều...”*

Là người được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tặng đôi câu đối:

*“Triết gia trong cách mạng  
Nghệ sĩ giữa anh hùng”*

Choáng! Quá choáng! Là “Đương đại Quốc sư” (tự xưng), hẳn Quốc sư nghĩ mình đã là thầy của cả nước nên trong “Lời giới thiệu” cho cuốn: “Các vị Trạng Nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa qua các triều đại phong kiến Việt Nam” của tác giả Trần Hồng Đức (Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam - Nhà xuất bản Văn

hóa - Thông tin, 1999) Quốc sư nhận xét: “*Cuốn sách này sẽ là một tài liệu tra cứu quý báu đối với các nhà nghiên cứu đồ mất công sưu tầm ghi chép*” và: “*Tác giả đã làm việc rất nghiêm túc bỏ vào đây khá nhiều công sức để tìm tòi ghi chép và cũng để lại ở đây tâm huyết đối với truyền thống vẻ vang của dân tộc*”. Chưa hết, để quảng bá cho cuốn sách và tên tuổi của mình, tác giả Trần Hồng Đức đã “lo” để treo được tấm Pano áp phích "Bảng danh sách trạng nguyên" tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) với đầy đủ họ tên, quê quán, năm đỗ của 47 vị trạng nguyên của cả nước (mà Quốc sư không thể không biết) trong đó Lê Quảng Chí (theo số thứ tự là người thứ 15) quê xã Thần Đầu, huyện Kỳ Hoa (Hà Tĩnh) đỗ năm 1478. Vậy có đúng là Lê Quảng Chí đã đỗ trạng nguyên hay không?

Đại Việt Sử ký toàn thư (NXB Khoa học Xã hội - Hà Nội, 1998) tập II, trang 471 đã chép về khoa thi này như sau:

“Mùa hạ, tháng 5, ngày 14, vua ra hiên, ra đề văn sách, hỏi về đế vương trị thiên hạ, duyệt các bài trả lời. Cho Lê Quảng Chí đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ, đệ nhị danh; Trần Bích Hoành, Lê Ninh đều đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ, đệ tam danh. Bọn Nguyễn Địch Tâm 9 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân.

Bọn Nguyễn Nghiễm 50 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân”.

Bìa số 6 (trong số 82 tấm bìa còn lại hiện nay) ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám (trở trêu thay lại là nơi treo bảng “Danh sách trạng nguyên”) có “Bài ký đề tên tiến sĩ khoa Mậu Tuất, niên hiệu Hồng Đức năm thứ 9 (1478), trong đó có đoạn:

“Ngày 14 tháng 5, Hoàng thượng thân tới điện ngoài, ra đề, chấm các bài thi, rồi quyết định thứ tự.

Theo chỉ dụ của Hoàng thượng thì danh hiệu cao nhất, nhiều người khó bề đương nổi. Khoa này hạng tiến sĩ cập đệ không có ai đáng thứ nhất, chỉ cho Lê Quảng Chí đỗ thứ hai, Trần Bích Hoành và Lê Ninh đỗ thứ ba. Ngoài ra cho bọn Nguyễn Địch Tâm 9 người đỗ tiến sĩ xuất thân. Cho bọn Nguyễn Hiến 50 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân (bìa số 6, trang 129 - Đỗ Văn Ninh - Văn bia Quốc Tử Giám Hà Nội - Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2000).

Như vậy, ngoại trừ sự sai khác về người đứng đầu hàng Đệ tam giáp (Đại Việt sử ký toàn thư chép “Bọn Nguyễn Nghiễm 50 người đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân”. Văn bia chép “... cho bọn Nguyễn Hiến 50 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân” còn cả chính sử và văn bia đều thống nhất về số người đỗ (62) trong đó có 3 người đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ, 9

người đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (hay còn gọi là Hoàng giáp) và 50 người đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Về 3 người đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ thì Lê Quảng Chí đỗ thứ hai (đệ nhị danh); Trần Bích Hoàn và Lê Ninh đều đỗ thứ ba (Đệ tam danh).

Trở lại với danh hiệu Trạng Nguyên; vậy thế nào là Trạng Nguyên?

Theo quy chế của nền khoa cử Nho học dưới các triều đại phong kiến (mà cụ thể ở đây là trường hợp đang bàn) thì những người đỗ kỳ thi Đình (gọi chung là tiến sĩ) được chia làm ba hạng (tam giáp) là:

- Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ
- Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (hay còn gọi là Hoàng giáp)
- Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Theo đó, Trạng Nguyên là người đứng đầu hàng Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ (đệ nhất danh); thứ đến Bảng nhãn (Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ, đệ nhị danh); thứ nữa là Thám hoa (Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ, đệ tam danh). Như vậy, nếu đối chiếu với trường hợp ba vị được dự vào hàng Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ khoa Mậu Tuất (1478) thì không có ai đạt được danh hiệu Trạng Nguyên (đệ nhất danh), Lê Quảng Chí chỉ đỗ

Bảng nhãn (đệ nhị danh), còn Trần Bích Hoành và Lê Ninh chỉ đỗ Thám hoa (đệ tam danh).

Đến đây, thiết tưởng không cần phải bình luận gì thêm về sự bất cần và tắc trách với những ai có liên quan (chưa kể những sai sót khác). Cùng một nhân vật và tại cùng một địa điểm, ở bia đá thì đỗ Bảng nhãn, sang đến “Bảng vàng” đã đỗ Trạng Nguyên ở một nơi Trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của cả nước như thủ đô Hà Nội, nhất là nơi đó lại là Văn Miếu - Quốc Tử Giám!

Nó đã viết một bài báo với cái “tít” là: “Bảng vàng bia đá cãi nhau!” phản ánh sự việc này gửi cho những tờ báo và tạp chí chuyên ngành có liên quan cùng các cơ quan chủ quản nhưng không thấy tờ báo và tạp chí nào đăng và cũng không thấy hồi âm! Vậy mà bài lại được đăng trên một tờ báo tỉnh. Biết chuyện, em nữ phóng viên báo tỉnh phụ trách trang Văn hóa Văn nghệ bảo Nó: “Anh thử ra Văn Miếu - Quốc Tử Giám xem cái gọi là “Bảng vàng” bây giờ có còn ở đây nữa không? Sau khi nhận được bài viết của anh, người ta đã “hiệp thương” bán đứng anh rồi! Sở dĩ báo tỉnh dám đăng vì còn cuốn sách và bức ảnh (phụ bản) chụp bảng “Danh sách Trạng Nguyên” làm chứng cứ - rồi em cười ý nhị - cũng may là người ta không nghĩ anh gửi cho báo tỉnh; nếu không mà họ



tìm đến “hiệp thương” có khi em cũng bán đứng anh luôn!”.

Nó giật mình nghĩ đến cái đại danh “Đương đại Quốc sư và bỗng nhớ đến tiêu đề một cuốn tiểu thuyết của nhà văn Nguyễn Bình Phương: **“Những đứa trẻ chết già!”**”.

## 38

*Chương này được viết nhờ cảm hứng từ những ca khúc  
của nhạc sĩ Phạm Tuyên*

*(Đã trích, dưới dạng truyện ngắn với tiêu đề “**Truyện  
ngoài chính sử**”)*

Trong một chuyến điền dã về thôn Cổ Hiền, xã Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai (trước thuộc Hà Tây, nay thuộc Hà Nội) Nó đã được chính quyền địa phương nhờ dịch một văn bản do một người dân trong xã phát hiện được khi hạ móng nhà. Đó là một cuốn thư tịch cổ (có thể nói là tối cổ) được bảo quản trong một chiếc khạp gốm, viết chữ Hán, lối đá thảo, nét chữ phóng khoáng, không theo một khuôn phép nào và được viết theo thể “chí”, trong đó nói về hành trạng của một nhân vật có tên là Đỗ Thích, con Đỗ Cảnh Thạc - một danh tướng dưới triều nhà Ngô. Vì có những chi tiết không thấy chính sử ghi chép, nên để tiện theo dõi, trước khi làm quen với Đỗ Thích, nhân vật chính được nói tới ở đây, cần phải nói qua về Đỗ Cảnh Thạc, một trong Thập nhị sứ quân thời tàn Ngô.

Đỗ Cảnh Thạc (912 – 968) là người huyện Thuận Đức, tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc). Năm 936, ông khởi binh chống lại triều Nam Tấn và trong một lần

giao chiến, ông đã bị Lương Ngột, một viên tướng của nhà Nam Tấn lấy mất một tai (vì vậy, ông còn có biệt hiệu là Độc Nhĩ Vương), phải ôm đầu máu, dẫn tàn quân chạy sang Giao Chỉ, đến đất Đường Lâm khuất thân theo phò Ngô Vương Quyền. Nhờ có nhiều công lao, được nhà Ngô phong cho chức Chỉ huy sứ, cai quản cả một vùng Đỗ Động, Liệp Hạ (nay thuộc hai huyện Thanh Oai và Quốc Oai – Hà Tây). Năm 965, hậu Ngô vương là Ngô Xương Văn con Ngô Vương Quyền mất. Giao Chỉ đại loạn! Mười hai sứ quân nổi lên, mỗi người hùng cứ một phương, không ai chịu thống thuộc ai! Đỗ Cảnh Thạc xưng là Đỗ Cảnh Công, lấy luôn đất Đỗ Động và vùng Trại Quèn (tên nôm của thôn Cổ Hiền) làm căn cứ, tạo thành thế ý độc để khi lâm sự có thể ứng cứu lẫn nhau, chống lại với các sứ quân. Ông là người cuối cùng cầm cự được với Đinh Bộ Lĩnh. Sau đó, vì mắc phải kế nghi binh của họ Đinh, trong một trận giao tranh tại khu vực núi Tượng Linh thuộc địa phận xã Hoàng Xá, Đỗ Cảnh Thạc bị trúng một mũi tên có tẩm thuốc độc, một người, một ngựa chạy được về đến chân núi Sài Sơn (núi Thầy) thì mất, thọ 57 tuổi. Đó là ngày 8 tháng Giêng năm Mậu Thìn (968).

Vì có nhiều ân huệ với dân từ khi còn giữ chức Chỉ huy sứ, nên sau khi mất, suốt một vùng thuộc

quyền Đỗ Cảnh Thạc cai quản, không nơi nào người dân không lập đền thờ ông...

Đến đây, lịch sử mở ra một thời kỳ mới. Chính quyền về tay nhà Đinh. Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, tự xưng là Vạn Thắng Vương. Đặt tên nước là Đại Cồ Việt (nước Việt to cồ) bao gồm những vùng đất đã thu phục được và đặt dưới sự thống thuộc của mình...

## I

Đỗ Cảnh Thạc sinh được một trai là Đỗ Thích. Sau cơn binh hoả, Thích là người duy nhất của dòng họ Đỗ Cảnh còn may mắn sống sót vì đang theo học đạo sĩ Trương Ma Ni bên kinh thành Cổ Loa. Thời thế đổi thay, bỏ Đỗ Động Giang – quê mẹ và cũng là nơi chôn nhau, cắt rốn của mình – Thích lánh sang trang Lập Hạ, lấy một người vợ họ Phùng và sống mai danh ẩn tích ở đó. Năm Tân Mùi, niên hiệu Thái Bình thứ hai (971), nhà Đinh mở khoa thi tam giáo, bao gồm cả Nho, Phật, Lão để chọn người tài. Thích nhân dịp này muốn đem sở học để tiến thân, liền lều chõng vào kinh đô Hoa Lư ứng thí. Phép thi lần ấy là một bài Kinh nghĩa hỏi nghĩa chữ “Đạo” trong “Đạo Đức Kinh”, chữ “Thời” trong “Chu Dịch”, và hai chữ: “Sắc”, “Không” trong kinh “Bát Nhã” – ba bộ kinh tiêu biểu cho kinh điển của ba nhà. Đề ra phải nói là khó, cho nên rốt cuộc chỉ có ba người qua được thì

một là đệ tử đạo Phật: Ngô Chân Lưu, một là đệ tử đạo Nho: Đặng Huyền Quang, và thuộc diện học trò mặt trắng là Thích, trong đó Thích là người ít tuổi nhất. Để định cao thấp, ba người phải bước vào kỳ Đình thí với đề ra là một bài văn sách hỏi về việc đế vương trị thiên hạ so với vũ công của nhà Đinh trong việc đánh dẹp mười hai sứ quân. Vốn nặng kiến thức sách vở song chưa lịch duyệt việc đời nên trong bài làm của mình, Thích đã “hớ hênh” khi dùng chữ “Vương” – vua để chỉ mười hai sứ quân và chữ “Quốc” - nước để chỉ những vùng đất dưới quyền các sứ quân cai quản. Đọc thấy những: Thái Bình vương, Tam Chế vương, Ngô Lãm vương, Kiều Lệnh vương, Nguyễn Hữu vương, Trần vương, Lã vương, Lý vương, Phạm vương, Đỗ vương, Ngô vương, Nguyễn vương, rồi... nước Bồ Hải Khẩu, nước Phong Châu, nước Tam Đái, nước Đường Lâm, nước Siêu Loại, nước Tiên Du, nước Tế Giang, nước Tây Phù Liệt, nước Hồi Hồ, nước Đằng Châu, nước Bình Kiều, nước Đỗ Động, Đinh Bộ Lĩnh lộn ruột, vớt ngay bài văn sách xuống đất, quát võ sĩ lôi Thích ra trước sân điện, nọc nằm sấp xuống đất, đánh đủ năm mươi trượng! Không hiểu do quá sợ hay do bọn võ sĩ quá tay hay do cả hai mà Thích phọt cứt ra cả đặng đít và đặng mồm! Cũng may là Thích còn giữ kín hành tung của mình, nếu không qua vụ này Đinh Bộ Lĩnh biết

Thích là con Đỗ Cảnh Thạc thì dòng họ Đỗ Cảnh đã tiệt giống.

Kết quả khoa ấy Thích bị đánh hỏng dù bài Kinh nghĩa trước đó kiến văn của Thích có phần trội hơn hai người kia (trong khi Ngô Chân Lưu đề cao đạo Phật, Đặng Huyền Quang bài Lão và cổ súy cho việc lấy Nho giáo làm Quốc giáo thì Thích chủ trương dung hợp cả bà nhà – Tam giáo đồng nguyên). Ngô Chân Lưu đỗ đầu được phong là Thái sư; Đặng Huyền Quang đỗ thứ hai được phong là Sùng Chân uy nghi.

## II

Đinh Bộ Lĩnh (924 – 979) người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng, vốn là dòng dõi quyền Thứ sử Hoan châu Đinh Công Trứ thời Dương Diên Nghệ và tiền Ngô vương. Mồ côi cha từ khi còn nhỏ, Đinh cùng mẹ là Đàm thị dẫn đám gia thuộc dời Hoan châu về Hoa Lư, lập nên thôn Đàm gia và cũng chính tại đây, ngay từ tuổi còn thơ, Đinh đã sớm bộc lộ một tính cách khác người. Chăn trâu với lũ trẻ cùng động, bày trò đánh trận giả, Đinh luôn cầm đầu và luôn là người dành phần thắng. Được suy tôn làm Động chủ, Đinh thường bắt lũ trẻ treo tay làm kiệu, lấy hoa lau làm cờ, đi kèm hai bên để rước Đinh như nghi vệ của bậc quân trưởng. Cùng động không có đối thủ, Đinh kéo

lũ trẻ đi đánh trẻ con các động khác. Đến đâu bọn chúng đều sợ phục. Sau khi “thống nhất” được các động, một lần Đinh tổ chức “hội quân” ở Hoa Lư. Nhân lúc Đàm thị đi vắng, Đinh cho bắt lợn của nhà đem ra nơi vắng thường tập trận làm thịt để khao chúng. Biết chuyện, chú của Đinh là Đinh Dự nổi giận, vác dao ra động tìm Đinh. Lũ trẻ đang ăn uống thấy thế bỏ chạy tán loạn. Đinh chạy về phía sông Nương Loan, theo sau là hai “tướng” Đinh Điền và Nguyễn Bặc hộ vệ. Qua cầu, cầu gãy, Điền, Bặc nhanh trí nổi người làm cầu để đưa chủ tướng sang sông. Dự đuổi đến nơi, nhìn gà hoá cuốc, tưởng là rồng vàng vươn mình ngang sông hộ giá, sợ quá, ném bỏ cả dao chạy về. Đinh chạy đến đất Giao Thủy, ở lại đó và theo phường chài làm nghề chài lưới. Tại đây, một lần kéo lưới, Đinh được một viên ngọc khuê nhưng bị va vào mũi thuyền sứt mất một góc. Giấu viên ngọc dưới đáy giỏ cá, đêm ấy Đinh vào ngủ nhờ ở chùa Giao Thủy. Nửa đêm thấy từ giỏ cá có ánh sáng lạ phát ra, vị sư trụ trì vội đánh thức Đinh dậy để hỏi duyên cớ. Đinh kể lại chuyện mình được ngọc và lấy ngọc ra cho xem. Xem xong, nhà sư than rằng: “Nhà ngươi ngày sau phú quý không thể nói hết, chỉ tiếc phúc không được dài!” Lúc này, Trần Lãm, một trong mười hai sứ quân đã xưng là Trần Minh công chiếm giữ vùng Bó Hải Khẩu. Đinh bèn bỏ nghề chài

lưới, dẫn vợ con chạy sang với Trần Minh công. Thấy Đinh tướng mạo khác thường, Trần Minh công đem lòng biệt đãi, nhận Đinh làm nghĩa tử và cho cùng được bàn việc quân ở nơi màn trướng. Sau khi Trần Minh công mất, binh quyền về tay Đinh. Nhận thấy Bồ Hải Khẩu là nơi trống trải khó có thể phòng thủ khi bị tấn công, Đinh liền bỏ Bồ Hải Khẩu, kéo quân về Hoa Lư. Nơi đây tuy chật hẹp nhưng thế đất hiểm, bốn mặt đều có núi đá bao quanh, dựng đứng như bức tường thành, duy nhất chỉ có một lối để ra vào, khiến tiến có thể công, thoái có thể thủ đã được Đinh coi là đất căn bản để xây dựng lực lượng và tính kế lâu dài. Nam Tấn vương Ngô Xương Văn và Thiên Sách vương Ngô Xương Ngập (hai con của Ngô vương Quyền) liền cất đại binh, thân chinh đến đánh. Ban đầu, vì thế còn yếu, Đinh sai con trưởng là Đinh Liễn sang làm con tin để giảng hoà. Liễn đến, Văn và Ngập gọi Đinh là giặc, kể tội Đinh manh tâm làm phản, xé bỏ thư nghị hoà rồi giữ Liễn luôn ở trong quân. Đánh suốt hơn một tháng trời vẫn không thắng nổi vì Đinh dựa vào địa thế hiểm trở, cố thủ không ra, Văn và Ngập liền đem Liễn treo lên đầu ngọn sào, dẫn ra trước quân, sai người bảo Đinh nếu không chịu hàng thì sẽ giết Liễn. Đinh thản nhiên trả lời: “Tài trai đã quyết chí ở chỗ công danh, khi nào lại chịu bắt chước lũ đàn bà, con trẻ!” Rồi sai mấy chục tay cung nỏ



nhằm Liễn mà bắn. Văn và Ngập thấy thế, kinh hãi bảo nhau: “Ta làm thế là muốn lấy tình cốt nhục để buộc hấn phải đầu hàng, nay hấn đã tàn nhẫn như vậy thì dầu có giết con hấn đi cũng chẳng ích gì mà lại mang tiếng là giết sứ giả”. Bèn tha cho Liễn và rút quân về...

Vốn trọng võ hơn trọng văn, sau khi lấy được nước, Đinh chủ trương dùng pháp trị chứ không dùng đức trị. Trước sân điện, Đinh cho đặt những chiếc vạc lớn và cũi nuôi hổ dữ. Nếu ai phạm pháp, bất kể nặng nhẹ đều phải chịu chung một hình phạt là bỏ vạc dầu hoặc ném vào cũi cho hổ xé xác.!

Nhân vụ Đỗ Thích, Liễn đã hỏi Đinh:

“Tội của Thích là tội phải bỏ vạc dầu hoặc ném vào cũi làm mồi cho hổ, sao phụ vương chỉ phạt trưng?”

“Sở dĩ có chuyện đó là vì ta còn tiếc tài...”

“Tài sao không dùng?”

“Tài có nhiều hạng! Có tài dùng được, có tài không dùng được...”

“*Dùng được và không dùng được* thì cái nào hơn?”

“*Không dùng được* hơn.”

Lại hỏi:

“Tài của Thích “*dùng được*” hay “*không dùng được*”?”

“Đó là điều ta cũng chưa biết!”

“Thần e rằng điều đó sẽ dẫn đến hậu hoạ!”

“Ta không muốn mang tiếng là giết kẻ sĩ! Hơn nữa, ta muốn cho hắn một cơ hội. Bởi, nếu ta không nhầm thì sẽ còn gặp lại hắn. Đến lúc đó, dù thuận hay nghịch, dù “*dùng được*” hay “*không dùng được*”, hắn không thể trách ta và ta cũng không còn phải ân hận gì...”

“Liệu có thể biến cái “*không dùng được*” thành cái “*dùng được*”?”

“Chỉ có điều là bền hay không bền?”

“Thế nào là bền? Thế nào là không bền?”

“Thành thật khác với thủ đoạn!”

“Và... vua chúa khác với thánh nhân?”

“Nhu vậy là người đã hiểu được ý ta...”

### III

Lại nói chuyện Đỗ Thích vì sự làm bài tội hơn Ngô Chân Lưu và Đặng Huyền Quang nhưng do “tội” dùng chữ bất cẩn trong bài văn sách mà hai người kia được lấy đỗ còn mình thì bị đòn và bị đánh hỏng, Thích thấy chuyện “Long bảng đề danh” nơi trường

ốc đối với y cũng không lấy gì làm khó, chỉ có điều Thích tự dặn mình, câu: “được làm vua, thua làm giặc” luôn luôn phải nhớ nằm lòng.

Năm Mậu Dần, niên hiệu Thái Bình thứ 9 (978), nhà Đinh lại mở khoa thi và Thích một lần nữa lều chõng vào kinh đô Hoa Lư ứng thí. Phép thi lần này so với lần trước có sự thay đổi. Thay vì bài Kinh nghĩa, thích nghĩa các Kinh và bài văn sách hỏi về việc đế vương trị thiên hạ là các thể: Thi, phú, cáo, chế, chiếu, biểu, mỗi thứ một bài. Như vậy về số lượng (sáu đề so với hai đề) thì lần này “nặng” hơn, nhưng đòi hỏi về mặt kiến văn (nói chung), sáu đề lần này lại có phần “nhẹ” hơn hai đề lần trước. Cụ thể là: “**Đại Cổ thi vịnh**” (theo thể Đường luật) một bài, “**Tụng Hoa Lư phú**” một bài, “**Cáo bình mười hai sứ quân**” một bài, “**Chế về việc ban bố hình luật**” một bài, “**Chiếu lên ngôi**” với đề ra là ba chữ “**Vạn Thắng Vương**” một bài, và cuối cùng là “**Biểu chúc mừng**” (việc lên ngôi) một bài. Riêng phép chấm là có phần chặt chẽ hơn. Tất cả các “*quyển*” của thí sinh đều phải qua ba kỳ sơ khảo, hai kỳ phúc khảo và được phân làm bốn hạng: *Ưu, bình, thứ, liệt*. Từ sáu *ưu* trở xuống đến bốn *ưu* hai *bình* mới được kể là *ưu*; từ ba *ưu* ba *bình* đến sáu *bình* chỉ được kể là *bình* và mới được lấy đỗ; còn trong sáu *quyển* chỉ cần “*dính*” một

quyển *thứ* hoặc một quyển *liệt* (mặc dù năm quyển kia đều *ưu*) là bị đánh xuống hạng *thứ*, hạng *liệt* và bị đánh hỏng! Lại phân ra đầu hạng hỏng và cuối hạng hỏng: Nếu là năm *ưu* một *thứ* (*thứ* thượng) hoặc bốn *ưu*, một *bình*, một *thứ* (*thứ* trung) thì còn được cấp cho một khoản “học bổng” và được lưu lại kinh học tập để khoa sau thi tiếp; nếu lại là cuối hạng *liệt* (quá kém), chẳng những không đỡ còn bị phạt theo quy định: Phạt tiền (hai *thứ*, bốn *liệt*), phạt trượng (một *thứ*, năm *liệt*) và phạt cả tiền, cả trượng (sáu quyển đều *liệt*). Bài của Thích, ngoài quyển “*Chế*” là chịu điểm *bình*, còn năm quyển kia tất cả đều được lấy *ưu* và vì không có ai có phân số điểm cao hơn nên Thích là người được lấy đỗ đầu với phân số điểm cao nhất: năm *ưu*, một *bình*. Những bài này đã được Đinh Bộ Lĩnh lệnh cho khắc in ngay vào “*kim sách*” (sách vàng) để lưu giữ và coi như vật “*Quốc bảo*” (vật quý của nước). Chỉ có điều Đinh không ngờ tới là tác giả của những “*Lời vàng, ý ngọc*” đó lại là Thích. Lúc nghe xướng danh, từ trên cao nhìn xuống, Đinh đã hơi ngờ ngợ. Kịp đến khi vờ các tân khoa vào cung ăn yến và ban mũ áo, nhận ngay ra Thích, Đinh cười âm thầm “Trẫm không ngờ lại gặp lại khanh trong hoàn cảnh này. Để có ngày hôm nay quả là khanh đã phải trả một cái giá quá đắt! Nhưng dù sao trẫm cũng có

lời mừng và mong khanh hãy vì trăm mà cố gắng”. Thích đỏ mặt, cúi đầu nín lặng không nói gì!

Là người đỗ đầu lại đỗ cao nhưng sau đó Thích chỉ được Đinh phong cho chức: "Chi hậu nội nhân" là một chức quan nhỏ, chuyên dùng để sai bảo trong triều. Sở dĩ có sự không bình thường như vậy bởi đối với Thích, tuy không nói ra nhưng từ lúc biết Thích là tác giả của những bài được khắc in vào "*Kim sách*" trong bụng Đinh đã có ý khinh...

#### IV

Ngày vinh quy, Thích lấy lễ "*Tam sinh*" cho giết trâu, dê, lợn để cáo yết tổ tiên và khao dân làng. Trước đó Thích đã tìm đến đỉnh Câu Lậu Sơn nơi đạo sĩ Trương Ma Ni đang trụ trì để trả ơn thầy học đồng thời mời Trương về đền "*Tam sách*" - ngôi đền do ba sách (xã) lập nên để thờ Đỗ Cảnh Thạc - dưới chân núi Sài Sơn (núi Thầy) làm lễ cho cha mình. Lúc đầu Trương cáo bận từ chối không đi nhưng vì Thích nài nỉ mãi, cuối cùng Trương nhận lời, song bảo Thích cứ về trước và hẹn sẽ đến sau. Không hiểu Trương có biết trước những gì xảy ra và đã có chủ ý hay không, chỉ biết vào ngày "*chính tịch*", khi Thích vừa đọc xong bản "*chúc văn*" do chính tay mình soạn thì chân hương trong chiếc lư đồng đặt trên bệ thờ bỗng nhiên

ngùn ngụt bốc cháy! Đỗ Cảnh Thạc “*lên miệng*” Phùng thị - vợ Thích, chỉ vào mặt Thích mà mắng:

“Tên nghịch tử Đỗ Thích nghe ta nói đây! Bản “*chúc vãn*” ngươi viết cho ta hay lắm! Nhưng hôm nay ta muốn nghe những bài văn đã được họ Đinh cho khắc in vào “*Kim sách*” của ngươi!”

Sự việc xảy ra quá bất ngờ khiến Thích sợ đến rú lưỡi:

“Xin thân phụ tha tội! Xin thân phụ tha tội!...”

“Ngươi đã đề cao Vạn Thắng vương lên tận mây xanh trong “*Chiếu lên ngôi*” và không tiếc lời mạt sát thập nhị sứ quân trong đó có cha ngươi trong “*Cáo bình mười hai sứ quân*”! Ngươi ca ngợi Vạn Thắng vương là “Vạn thặng”, “Vạn thế” trong “*Biểu chúc mừng*”, khen vũ công của nhà Đinh vượt xa so với vũ công của nhà Tần trong việc thống nhất đất nước “*Đại Cồ*” trong “*Đại Cồ thi vịnh*”! Ngươi tán tụng cảnh đẹp của kinh đô Hoa Lư; và nước Đại Cồ dưới thời Vạn Thắng vương được ngươi sánh ngang với cảnh thái bình thịnh trị thời Nghiêu Thuấn trong “*Tụng Hoa Lư phú*”! Ngươi đã hạ mình làm cái việc mà người có liêm sỉ không bao giờ làm! Chẳng lẽ chỉ vì cái chức “*Chi hậu nội nhân*” mà ngươi đã quên cái nhục mất nước và mối thù giết cha ngươi rồi sao?”

Vừa sợ lại vừa thẹn, Thích rập đầu xuống đất không dám ngẩng lên:

“Tội thần thật đáng chết! Tội thần thật đáng chết!...”

Đúng lúc đó thì Trương Ma Ni xuất hiện:

“Xin đại vương thứ lỗi cho tại hạ vì đã thất lễ...”

Giật mình ngẩng lên, nhận ra Trương Ma Ni, Đồ đứng phắt dậy:

“Sự có mặt của Trương huynh lúc này không phải với ý định gây khó cho ta đấy chứ?”

“Tại hạ đã nghe được những lời đại vương trách mắng công tử. Đại vương đối với công tử là tình cha con. Tại hạ đối với công tử là nghĩa thầy trò. Nếu như công tử có lỗi, chẳng lẽ đại vương cho tại hạ là người ngoài cuộc sao?”

Đồ vội vàng vòng tay thi lễ:

“Xin Trương huynh thứ lỗi bởi ta đã hiểu lầm thiện ý của Trương huynh.”

“Cũng chỉ vì đại vương trách mắng công tử “...*đã quên cái nhục mất nước*” nên tại hạ mới phải đường đột xin được tiếp kiến. Nước là gì? Nước chẳng phải là do con người bày đặt ra cho mình đấy ư? Bởi từ khởi thủy, có người nhưng có nước đâu! Và lại, cái gọi là nước là của chung mọi người nào có

phải của riêng ai! Vậy mà trong cuộc tranh giành, kẻ thắng thì nhận nước là nước của mình, người thua thì nước vẫn chảy lại kêu mất nước! Lại nữa, nước chỉ là sự phân chia biên giới về mặt địa lý nhưng chẳng phải biên giới cũng đã bao phen phải dời đổi rồi sao? Cho nên, suy cho cùng cái gọi là nước và biên giới một nước vốn dĩ phụ thuộc nơi lòng người. Được lòng người theo về, dù không có một tấc đất trong tay vẫn là có nước. Ngược lại, không được lòng người, thì dầu có đất đai ngàn dặm cũng phỏng có nghĩa lý gì đâu?! Như đại vương, cai quản tuy chỉ một dải Đổ Động (Thanh Oai), Thượng Cung (Thường Tín), Liệp Hạ (Quốc Oai), nhưng lúc sống được dân tin yêu, khi mất được dân thờ phụng, há chẳng phải cũng là có nước đó sao? Lại nữa, đại vương người Quảng Đông, những vùng đất trên thuộc Giao Chỉ, vậy mà đại vương lại nói đến “...*cái nhục mất nước*” thì chẳng hóa ra đại vương cũng nhầm lẫn ru!”

Trương vừa dứt lời, bỗng nhiên thấy Phùng thị - vợ Thích học lên ba tiếng rồi ngã vật ra bất tỉnh! Đổ Cảnh Thạch qua cuộc đối thoại, hoát nhiên đốn ngộ, biến thành một luồng khí trắng, lượn tròn trước mặt Trương ba vòng như cáo biệt trước khi biến mất.

\* \* \*



...Về Đỗ Thích có thuyết cho rằng: Sau đó Thích trả lại mũ áo triều đình, không nhận quan chức, ở nhà mở trường dạy học và làm thuốc vì vợ Thích có nghề làm thuốc Nam gia truyền. Nhà nào nghèo, nếu đến lấy thuốc, vợ chồng Thích không bao giờ lấy tiền; nếu có con em theo học, được vợ chồng Thích chu cấp cho cơm ăn và tiền giấy bút. Cảm cái ơn ấy, cả hai sau khi mất đều được người dân các vùng Đỗ Động (Thanh Oai), Thượng Cung (Thường Tín) và Liệp Hạ (Quốc Oai) phối thờ cùng với tướng quân Đỗ Cảnh Thạc.

Lại có một thuyết khác nói Đinh Bộ Lĩnh và Đinh Liễn hai bố con ăn yến ban đêm, say rượu nằm ngoài sân điện, bị Chi hậu nội nhân là Đỗ Thích giết. Và sau đó Thích cũng bị Nguyễn Bặc giết. Đó là vào tháng 10 năm Kỷ Mão, niên hiệu Thái Bình thứ 10 (979).

Trong hai thuyết, riêng thuyết sau là thấy ghi trong chính sử. Như vậy, ngoại trừ trường hợp có hai người ngẫu nhiên trùng họ, trùng tên, còn như nếu lấy chính sử làm tin thì thuyết thứ nhất chẳng cũng đáng ngờ lắm sao?!

### **Lời bàn của người dịch:**

Trong hai thuyết trên, thuyết nào thì thuyết, cuối cùng Đỗ Thích vẫn còn là người biết “liêm sỉ”.

## VĨ THANH

**Nhạc sĩ Phạm Tuyên** sinh ngày 12 tháng 01 năm 1930. Quê làng Lương Ngọc, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. là con thứ 9 của Thượng thư Bộ Lại (triều Nguyễn) Phạm Quỳnh.

Năm 1949: Công tác tại Trường lục quân Trần Quốc Tuấn (khóa V)

Năm 1950: Đại đội trưởng trường Thiếu sinh quân

Năm 1954: Phụ trách Văn - Thể - Mỹ (Khu học xá Trung ương: Nam Ninh - Trung Quốc)

Từ năm 1958 (sau khi về nước cho đến khi nghỉ hưu): Công tác tại Đài Tiếng nói Việt Nam. Đảm nhiệm nhiều chức vụ chỉ đạo về biên tập âm nhạc.

\* Là Cựu chủ tịch Hội âm nhạc Hà Nội

\* Là Ủy viên thường vụ Ban chấp hành Hội nhạc sĩ Việt nam (1963 - 1983)

\* Nhiều năm là Chủ tịch Hội đồng giám khảo của nhiều Hội diễn toàn quốc về Văn hóa - Văn nghệ của Bộ Văn hóa thông tin và nhiều ngành khác trong nước.

\* Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật năm 2001 cho cụm 5 tác phẩm:

**- Đẳng đã cho ta một mùa xuân**

- **Bám biển quê hương**
- **Chiếc gậy Trường Sơn**
- **Gậy đàn lên hỏi người bạn Mỹ**
- **Như có Bác trong ngày đại thắng**

Trong đó, bài “**Như có Bác trong ngày đại thắng**” được sáng tác đêm 28 tháng 4 năm 1975, tập và thu âm ngay chiều ngày 30 tháng 4 để phát sóng trong bản tin thời sự đặc biệt 17 giờ cùng ngày của Đài Tiếng nói Việt Nam, chính thức công bố tin giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam.

\* Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt IV về Văn học Nghệ thuật (năm 2012) cho các tác phẩm.

- **Những ngôi sao ca đêm**
- **Từ làng Sen**
- **Đêm trên Cha Lo**
- **Tiến lên đoàn viên**
- **Đảng đã cho ta sáng mắt, sáng lòng.**

## 39

### BỘ SƯU TẬP MẶT (CHƯA ĐẦY ĐỦ) ĐƯỢC XẾP THEO THỨ TỰ: A, B, C...

#### A

...

#### B

1. Mặt búng ra sữa
2. Mặt bự, mặt bự phân, mặt bự thịt
3. Mặt bia
4. Mặt bủng beo, mặt bủng da chì
5. Mặt bánh đúc
6. Mặt bầu bĩnh
7. Mặt bằm bầu
8. Mặt bóng nhẫy
9. Mặt bụ bẫm, mặt bụ sữa
10. Mặt buồn (buồn thiu, buồn rười rượi, buồn so)

#### C

11. Mặt chuột
12. Mặt chùm (**Thiên sứ - Phạm Thị Hoài**)
13. Mặt chó
14. Mặt cầu tài
15. Mặt cô hồn
16. Mặt cặc
17. Mặt choắt
18. Mặt cong cớn, mặt cong (hoặc vênh) như bánh đa nướng
19. Mặt căng căng
20. Mặt cà khịa

21. Mặt chúa hài đồng
22. Mặt cầu âu
23. Mặt chàm (mặt như chàm đỏ, mình dường dễ giun **(Kiều - Nguyễn Du)**)
24. Mặt chảy dài
25. Mặt chau

### **D**

26. Mặt dơi (mặt dơi, tai chuột)
27. Mặt dày (mày dạn)
28. Mặt dài dại
29. Mặt dái
30. Mặt dài (thườn thợt)
31. Mặt dẹt
32. Mặt dạn (mày dày)

### **Đ**

33. Mặt đù **(Thiên sứ - Phạm Thị Hoài)**
34. Mặt đâm lê
35. Mặt đen (như trôn chảo)
36. Mặt đỏ (như lồn phải phát)
37. Mặt đôn hậu
38. Mặt đồng ca **(Siêu thị mặt - Trần Quang Quý)**
39. Mặt điếc đặc **(Người đi tìm mặt - Hoàng Hưng)**
40. Mặt đực (như ngỗng ỉa)
41. Mặt đằm chiêu
42. Mặt đờ đần

### **G; H**

43. Mặt giặc
44. Mặt giả
45. Mặt già nua

- 46. Mặt gân guốc
- 47. Mặt gãy, mặt gãy góc
- 48. Mặt gồ ghề
- 49. Mặt góc cạnh
- 50. Mặt hơn hơn
- 51. Mặt hăm tài
- 52. Mặt hăm hăm
- 53. Mặt hình nhân
- 54. Mặt hồ phù
- 55. Mặt hồng hào
- 56. Mặt hoa (da phấn)
- 57. Mặt hóc hác

**I**

- 58. Mặt iu xiu xiu

**KH**

- 59. Mặt khắc khổ
- 60. Mặt khi
- 61. Mặt khả ái
- 62. Mặt không biểu cảm
- 63. Mặt khô (như ngói)
- 64. Mặt không chơi được (**Cái mặt không chơi được - Nam Cao**)
- 65. Mặt không có mặt (**Thiên sứ - Phạm Thị Hoài**)
- 66. Mặt khó (đăm đăm)

**N, NH, NG, NGH**

- 67. Mặt ngó lơ
- 68. Mặt ngựa (đầu trâu, mặt ngựa)
- 69. Mặt nạ
- 70. Mặt nghệt (như măt sỏ gạo, như ngỗng ỉa)
- 71. Mặt nặng (như chì), mặt nặng mày nhẹ; mặt

- nặng như đá đeo
72. Mặt nhâng (mày nháo)
  73. Mặt ngẩn cùn
  74. Mặt nhẩn thín
  75. Mặt nhàu nhĩ
  76. Mặt nộm
  77. Mặt nạc (mặt nạc, đóm dày)
  78. Mặt nhờn (mày nhuốc)
  79. Mặt nhem (mày nhuốc)
  80. Mặt ngây (**Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình - Kiều - Nguyễn Du**)
  81. Mặt ngái ngủ
  82. Mặt lợn
  83. Mặt nhọt nhọt

## L

84. Mặt lồn
85. Mặt lưỡii cày
86. Mặt lằm lạp
87. Mặt lạnh lợi
88. Mặt lợn
89. Mặt lạnh (tanh); mặt lạnh như tiền

## M

90. Mặt mo
91. Mặt mẹt
92. Mặt méo

## U, U'

93. Mặt ưu tư
94. Mặt ủ (mày chau)

## P

95. Mặt phình phính
96. Mặt phản trác

97. Mặt phương phi  
98. Mặt phản phúc  
99. Mặt phồn phơ  
100. Mặt phật  
. .  
101. Mặt phúc hậu  
. .  
102. Mặt phờ phạc  
. .  
103. Mặt phèn phẹt  
. .  
104. Mặt phùng chèo  
. .  
105. Mặt phì nộn  
. .  
106. Mặt phù thũng  
. .  
107. Mặt phớt (đời); mặt phớt Ăng lê  
. .  
108. Mặt quý, mặt quý dạ xoa
- Q**
- S**
109. Mặt sắt  
. .  
110. Mặt sa sâm  
. .  
111. Mặt sáng sủa  
. .  
112. Mặt sứa (gan lim)  
. .



## T, TH, TR

- 113 Mặt thiếu (**Thiên sứ - Phạm Thị Hoài**)  
.  
114 Mặt tro (mặt tro trán bóng, mặt tro như lồn  
.  
con đĩ)  
115 Mặt trái xoan  
.  
116 Mặt thật  
.  
117 Mặt thỏa mãn  
.  
118 Mặt to (tai lớn)  
.  
119 Mặt thớt  
.  
120 Mặt teo tóp  
.  
121 Mặt thanh thoát  
.  
122 Mặt thánh thiện  
.  
123 Mặt thiên thần  
.  
124 Mặt trắng (cũ - ít dùng: Học trò mặt trắng);  
.  
mặt trắng bệch  
125 Mặt tái xanh (tái xám, tái giải)  
.  
126 Mặt tím (tím tái, tím lịm, tím như quả bò  
.  
quân, tím nhợt)  
127 Mặt tròn (**khuôn trắng đầy đặn, nét ngài  
.  
nở nang - Kiều - Nguyễn Du**); mặt tròn trịa

- 128 Mặt thịt
- .
- 129 Mặt trẻ thơ
- .
- 130 Mặt thanh thản
- .
- 131 Mặt thộn
- .
- 132 Mặt thườn
- .
- 133 Mặt tiêu tụy
- .
- 134 Mặt tư lự
- .
- 135 Mặt tỏ đũa

**V**

- 136 Mặt vô cảm
- .
- 137 Mặt vuông (chữ điền)
- .
- 138 Mặt vàng ệch (vàng bệch, vàng như nghệ)
- .
- 139 Mặt vênh (như chiếc bánh đa nướng, vênh vênh, vênh váo, vênh vênh váo váo)
- .
- 140 Mặt vô hồn

**X**

- 141 Mặt xưng (mày xĩa), mặt xưng mày đặc
- .
- 142 Mặt xám ngoét

- 143 Mặt xương xương  
 .  
 144 Mặt xanh (như ớt nhái); mặt xanh nanh vàng  
 .  
 145 Mặt xương xẩu  
 .
- R**
- 146 Mặt rỗ (rỗ hoa; rỗ tổ ong, rỗ như tổ ong bầu)  
 .  
 147 Mặt rượu  
 .  
 148 Mặt rúm (rúm lại, rúm ró)  
 .  
 149 Mặt rạn rỡ  
 .  
 150 Mặt rạn ngời (**Em rạn ngời gương  
 nguyệt - 99 khúc tặng Liên, Nguyễn  
 Nguyên Bấy**)  
 .  
 151 Mặt rạc (mày dày)  
 .

Có một nhà văn, ba nhà thơ và "*người chép chữ xuôi rồi bảo là văn, chép chữ vắn rồi bảo là thơ*" đã viết về mặt. Nhà văn nữ trong tác phẩm của mình với tư cách là người quan sát đã đưa ra vài cái mặt trong bộ sưu tập mặt, rồi chùm mặt (nhiều mặt) trên một cái nọng (cổ); rồi một série mặt. Nhưng tựu trung, tác giả sợ nhất là những "*Kẻ không mặt, kẻ đánh mắt mặt, kẻ*

*đã quên bộ mặt của riêng mình" chiếm trên 3/4 dân số nơi nhà văn cư trú.*

### **Ba nhà thơ.**

#### **Nhà thơ thứ nhất:**

*"Ta đói mặt người ta khát mặt ta*

*Ta vọng mặt em mặt em ở đâu"*

Nhà thơ đã bị bỏ đói vì thiếu vắng những cái mặt người, trong đó có cái bản mặt của mình nên phải vào vai "*Người đi tìm mặt*"! Còn đang loay hoay với cái mặt mình, nhà thơ tán thán: "*Ta vọng mặt em mặt em ở đâu!*" Vậy là em cũng đã mang một gương mặt khác và em cũng có quyền được "*vọng*" lắm chứ: "*Em vọng mặt anh mặt anh ở đâu!*"!

#### **Nhà thơ thứ hai tự nhận:**

*"Mỗi ngày ra đường, tôi lạc vào cả một siêu thị mặt"*

Rồi dẫn ra một vài dạng mặt mang tính khái quát. Về kích thước thì: to, nhỏ, ngắn, dài; về hình dáng thì tròn, méo; về trạng thái thì: buồn vui, lạnh tanh, cáu giận; rồi "*Những mặt nạ treo dài trên shop phố Hàng Gai*", "*Mặt bán rong thường trú vỉa hè*", "*Mặt mặt dịch lạc mùa tiếp thị*" và:

*"Ngay cả một chiếc ghế, không ít người tranh thủ mặt*

*Giá mặt ngòi đâu chỉ mua chơi  
Những lô mặt xếp hàng trong hội nghị  
Những cái mặt đong đũa ngoài chợ  
Mặt mỹ nhân hay mặt tài năng  
Mặt nhìn xuống hay mặt nhìn thẳng  
Mặt ngó lơ hay mặt cô hồn"*

Lại nữa, tác giả đã làm một phép "thử" với ý thức bót đi cái mặt riêng của mình để nhập vào "dàn mặt đồng ca" xem liệu giá trị của sự tử tế có được nhích lên:

*"Tôi đo bằng cách ném mặt mình vào siêu thị  
mặt*

*Hy vọng mỗi ngày giá nhân nghĩa nhích lên"*

Nói là "thử" thôi nhưng hẳn cũng đã nhem nhuốc:

*"Và một ngày trầm tĩnh trước gương, tôi bỗng  
đọc ra nhiều ngôn ngữ*

*Tự tay mình từng đã vốc lên*

*Một gương mặt từ trong chậu rửa"*

Nhưng vẫn ý thức được sau khi "ném mặt mình vào siêu thị mặt" cái bản mặt của mình vẫn còn lẩn quất đâu đó:

*"Tôi gọi mặt về sau những cuộc đi rong, gió  
trắng đồng cỏ*

*Sau cả những lơ ngơ mặt khác*

*Mặt ơi*

*Mặt ơi*

*Tiếng người chột thức*

*Biết mặt mình không mặt hình nhân"*

và:

*"Lúc rảnh rồi tôi lại ngòi nghịch mặt"*

Nhà thơ tự thú cũng đã từng có hàng gánh mặt:

*"Đôi lúc túng tiền tính gánh mặt bán buôn*

*Lại chỉ gặp những người mua lẻ"*

Tóm lại, "chơi ván cờ những cái mặt", tác giả đã thừa nhận "là người bại trận":

*"Những cái mặt đồng ca làm vỡ trận cờ"*

**Nhà thơ thứ ba:**

*"Anh là tháp Bay-on bốn mặt*

*Giấu đi ba, còn lại đây là anh*

*Chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc*

*Làm đau ba mặt kia trong cõi ẩn hình"*

Không úp mở, nhà thơ thừa nhận là mình có một chùm mặt 4 cái: Một cái chường ra và ba cái giấu đi!

Cái chường ra thì "Chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc/ Làm đau ba mặt kia trong cõi ẩn hình". Vậy cái chường ra là cái nào trong bộ sưu tập mặt và ba cái

giấu đi là những cái nào...? Hay là siêu hình? Hay là... không mặt?

**"Người chép chữ xuôi rồi bảo là văn. Chép chữ vắn rồi bảo là thơ":**

*"Em rạng ngời gương nguyệt"*

Một gương mặt đẹp, một câu thơ đẹp (trong nhiều câu thơ đẹp của ông) nhưng ông không nhận mình là nhà văn, nhà thơ mà chỉ là *"người chép chữ xuôi rồi bảo là văn; chép chữ vắn rồi bảo là thơ"* và đưa ra lời khuyến cáo cho những cái mặt thơ được **"tụng"** là **"tụng"** thơ thì ít mà **"tụng"** địa vị của những cái mặt thơ thì nhiều...

## 40

Đến tìm Nó là một người đàn ông quăng ngoài sáu mươi tuổi, trông khắc khổ nhưng khỏe mạnh:

“Xin lỗi! Ông là nhà báo Lạc Âu Phùng?”

Nhìn người khách lạ, Nó buông một câu không mấy thiện cảm:

“Vâng, tôi là Lạc Âu Phùng...”

Có vẻ như không nhận ra thái độ lạnh lùng của Nó, ông ta vô tư tự giới thiệu mình và về mục đích của chuyến viếng thăm. Theo đó, ông ta đã được đọc những bài phóng sự điều tra chống tiêu cực mà Nó là tác giả; biết Nó là một nhà báo luôn đứng về phía lẽ phải sẵn sàng bênh vực kẻ yếu nên ông ta tìm đến Nó với hi vọng là sẽ được Nó giúp đỡ. Chuyện thì dài nhưng đại để là ông ta nhập ngũ năm 1966. Sau ba tháng huấn luyện cấp tốc, đơn vị ông được lệnh đi B, rồi chín năm trong quân ngũ thì chín năm ông gắn bó với chiến trường Tây Nguyên. Rằng, ông bị thiệt thòi chỉ vì trình độ văn hóa có hạn (mới qua xóa mù *Bình dân học vụ*) còn trong chiến đấu ông là người rất dũng cảm và có nhiều thành tích; rằng ông đã từng được công nhận là “Dũng sĩ diệt Mỹ” nhưng rốt cục vẫn chỉ là anh sĩ quan “một vạch”. Rồi năm 1975, sau ngày



thống nhất đất nước, ông được ra quân, song vì ở quê không còn ai là người thân thích nên ông đã xung phong ở lại Tây Nguyên và coi đây như quê hương thứ hai của mình. Vậy mà không hiểu do một sự nhầm lẫn nào đó, năm 1986 sau hai mươi năm xa cách, có điều kiện về thăm quê ông mới hay tin ở quê mọi người đều yên trí là ông đã chết vì đơn vị ông đã đánh giấy báo tử về địa phương là ông đã hi sinh từ năm 1972 và ở địa phương người ta đã tổ chức làm lễ truy điệu cho ông! Câu chuyện chỉ có thế, chẳng có gì đáng phải để tâm bởi ông nghĩ trong chiến tranh việc báo tử nhầm là chuyện bình thường và sau khi trở lại Tây Nguyên ông vẫn coi đó như một chuyện vui mỗi khi có dịp nhắc đến. Song sự đời lại không đơn giản như ông tưởng! Bây giờ khi đã ở cái tuổi 65, ông có nguyện vọng muốn chuyển vợ con về quê để sống nốt những năm cuối đời, phòng nếu có mất còn được gửi nắm xương tàn ở chính nơi mình đã sinh ra và để các con ông sau này khỏi mất gốc, nhưng đến khi chuyển ra rồi ông mới ngó người khi được biết mình vẫn là liệt sĩ! Những giấy tờ cần thiết như: Quyết định phục viên, sổ hộ khẩu kèm theo giấy giới thiệu và xác nhận của chính quyền địa phương quê vợ kể cả bằng “Dũng sĩ diệt Mỹ” mà ông đưa ra đều được trả lời là “không

hợp lệ” với lý do về mặt thời gian những giấy tờ đó đều có sau giấy báo tử! Ông đã phải nuốt nghẹn để hỏi lại “Hẳn các anh cũng biết đó là một sự nhầm lẫn mà không phải lỗi ở tôi” - “Nhầm hay không hay ai nhầm là việc của ông chứ không phải việc của chúng tôi” Họ đã trả lời ông như vậy và một lần nữa ông đành phải nuốt nghẹn “Chẳng lẽ việc tôi còn sống sờ sờ và đang đứng trước mặt các anh ngay lúc này đây lại không có giá trị bằng mảnh giấy báo tử” - “Việc nhà nước không đơn giản như ông nói! Tất cả đều phải có nguyên tắc và phải có cơ sở pháp lý! Chúng tôi làm việc theo pháp luật...” Cực chẳng đã ông đành phải hạ một câu: “Vậy theo các anh, trường hợp của tôi phải như thế nào mới hợp lệ, mới đủ cơ sở pháp lý?”- “Ông phải có giấy xác nhận của đơn vị cũ là trước đây đã báo tử nhầm! “Đòi hỏi đó với ông không gì khác hơn là một sự đánh đố bởi biết đơn vị ông bây giờ ở đâu, với lại ngần ấy năm đã trôi qua nếu có tìm ra thì những người cùng đơn vị với ông ngày ấy, bây giờ liệu có còn ai để mà xác nhận! Ông đã bỏ về và nhen nhóm trong đầu ý nghĩ "Chỉ còn cách trở thành tội phạm". Sau đó, trước cơ quan công quyền ông khai nhận là đã can tội giết người - một bé trai mới lên 3 tuổi rồi cho vào bao tải và vớt xuống giếng để phi

tang. Họ đã cho người đến hiện trường vớt chiếc bao tải lên nhưng đến khi mở ra thì bên trong chỉ là... một con chó! Với tội danh gây rối trật tự trị an, ông bị xử ba năm tù nhưng cho hưởng án treo và có thời gian mười lăm ngày để kháng án...

“Ông làm như vậy để làm gì?”- Nó hỏi

“Để được thấy là mình còn sống!”

“Và... bây giờ thì ông... chống án?”

“Tôi chống án!”

“Với lý do một người đã chết cách đây hơn 30 năm không thể sống lại để phạm tội?”

“Đúng thế!”

“Nghĩa là...?”

“Nghĩa là nghĩa vụ và quyền lợi phải đi đôi với nhau và bây giờ thì tôi lại muốn được là... liệt sĩ!”

“Vậy thì tôi có thể giúp gì được ông đây?”

Ông ta nói ông ta muốn Nó thảo giúp ông ta một lá đơn hay là kiến nghị gì đấy, nội dung đúng như những điều ông ta đã trình bày, chỉ để trông sau phần "Kính gửi..." để ông còn pho tô và sẽ điền vào sau khi được Nó tư vấn nên gửi đi những đâu; ngoài ra giúp ông ta làm sao vụ việc được đưa lên công luận, khiến báo chí phải vào cuộc, ông ta sẽ hoàn toàn chịu

trách nhiệm về những thông tin đã cung cấp và cả cái gọi là “thù lao” cho Nó!

Tất nhiên là với vị thế của mình và do những tình tiết của vụ án đã không tuân theo lo gic như là những tình tiết ở một vụ án thông thường nên Nó đã chẳng làm được gì hơn cho thân chủ của mình ngoài sự đồng cảm và lời tự thú rằng mình bất lực.

Nó chân thành khuyên ông ta nên đưa vợ con trở lại Tây Nguyên và đừng quá trông cậy vào cái gọi là công lý và sự trung thực của báo chí! Nó đã chia sẻ với thân chủ của mình Nó chỉ là một thằng viết văn tầm tẻ. Nhờ vài cái phóng sự điều tra, Nó được một hai tờ báo mời làm cộng tác viên. Rồi như sợ thân chủ của mình không hiểu, Nó đã giảng giải: cộng tác viên chỉ là anh viết báo nghiệp dư chứ không phải là nhà báo (mặc dù viết nhiều nữa là đằng khác so với một số phóng viên hoặc nhân viên trị sự, hoặc kế toán, thủ quỹ của tòa soạn) mà cộng tác viên chỉ là một dạng thường trú, nằm vùng không mất công đào tạo, không phải trả lương. Đã vậy còn bị ràng buộc trong khâu gửi bài (không được gửi cho báo khác). Bù lại, cũng có được những ưu tiên. Đó là khung nhuận bút cho mỗi bài viết sẽ cao hơn và số phận những bài vở gửi đi - đối với bản báo - nhờ ít nhiều đã có sự tin tưởng

nên không còn bấp bênh, không còn phải trông chờ ở sự may rủi. Chưa kể, cũng có thể - thể cộng tác viên do tòa soạn cấp, giúp trợ oai mỗi khi tác nghiệp và xuân thu nhị kỳ, mỗi năm một hai lần vào các dịp sơ kết, tổng kết hoặc ngày lễ, ngày tết được mời ra tòa soạn sau khi ngồi nghe những lời phũ phàng có tính hình thức là... được ăn, được nói, được gói mang về! Nhưng Nó đã sớm “dính cước” và nhận ra là Nó đã bị người ta lợi dụng...

Chùng như không chờ để được nghe những lời như thế, ông ta ngớ ra như không hiểu, như sợ mình nghe lầm! Nhận ra điều ấy, Nó xin lỗi vì đã phụ lòng tin của ông và đã để ông phải thất vọng. Nhưng giờ đây Nó không để cho bọn điếm bút ấy lợi dụng, biến Nó thành thằng ma cô, chỉ điếm, thằng đâm thuê chém mướn, tóm lại là lưu manh để chúng nó nhắm vào tổng tiền trực lợi. Và Nó hi vọng với những gì mà Nó đã chia sẻ có thể ít nhiều hữu ích với ông trên con đường gập ghềnh đi tìm công lý.

# 41

## CHỢT GÌ VIẾT NÀY

### THỜI!

Cải cách ruộng đất. Quy thành phần, bố tôi là địa chủ! Tất cả nhà cửa, ruộng nương bị tịch thu chia cho tá điền.

50 năm sau

Khu ruộng của bố tôi ngày xưa biến thành trang trại. Những hộ nhận khoán sản cho Hợp tác xã (trong đó có tôi) được ông chủ mới đền bù tính theo đầu sào một khoản tiền mang tính tượng trưng! Không ruộng, không biết nghề gì ngoài nghề nông, tôi thành tá điền!

Bố tôi và tôi đều không thức thời!

Bố tôi là địa chủ hơi sớm! Còn tôi, ngược lại ...  
tôi là tá điền hơi muộn!

## NÒNG NỌC... CẠN !

Khi còn sống cuộc sống dưới nước, Nòng Nọc rất thù ghét cuộc sống trên cạn và nói xấu họ hàng nhà Cóc hết lời! Cho đến một hôm, Nòng Nọc nhận thấy cái đuôi của mình mỗi ngày một teo đi rồi rụng hẳn, Nòng Nọc phải nhảy lên bờ và trở thành... Cóc con, bởi không thể tiếp tục cuộc sống dưới nước được nữa! Thấy vậy, Cóc cụ chẳng những không giận mà còn tỏ ra vui mừng: “*Chào người anh em!*”. Không hiểu do ngượng vì trước đây mình đã nói xấu họ hàng nhà Cóc hết lời hay không nhận ra bây giờ thì mình cũng đã là một thành viên trong họ nhà Cóc, Cóc con bảo Cóc cụ:

- Ai anh em gì với nhà người! Ta là Nòng Nọc!

Cóc cụ cười:

- Nhưng là *Nòng Nọc... cạn!*

## MA TO !

Vua Tề mất! Vua Lỗ khen đám ma vua Tề to và mong sao sau khi mình mất, đám ma cũng được to như thế!

Khổng Tử thưa:

- Bệ hạ ở nước Lỗ, đám ma ở nước Tề. Bệ hạ không nhìn thấy đám ma vua Tề, làm sao mà biết đám ma vua Tề to?

Vua Lỗ bảo:

- Trẫm sai người sang phúng điếu, được nghe nói lại...

Khổng Tử hỏi:

- Nói lại thế nào?

Vua Lỗ bảo:

- Nhiều hoa.

- Chưa to!

- Nhiều đối, trướng.

- Chưa to!

- Nhiều lễ vật.

- Chưa to!

- Các nước nghe tin đều gửi Quốc thư đến chia buồn.

- Chưa to!

Thấy thế nào Khổng Tử cũng bảo chưa to, vua Lỗ hỏi Khổng Tử:



- Chưa to sao được như thế?

Khổng Tử đáp:

- Được thế không phải vì vua Tề mà vì địa vị của vua Tề và vì quan hệ với nước Tề.

- Vậy theo khanh phải như thế nào mới được gọi là to?

- Phải được cả nước Tề *đi đũa* mới gọi là to!

## BÚT MÁY, BÚT CHÌ.

Bút Máy bảo Bút Chì:

- Một đời anh là bao nhiêu đời chú. Anh tiếc cho chú, đời chú ngắn ngủi quá, không “*viết*” được mấy cho đời.

Bút Chì bảo Bút Máy:

- Tôi “*rút ruột*” ra để sống, nào có chờ được ai “*bom*”; anh cũng như tôi, liệu có được qua một ngày?!

## NGÀY 27 THÁNG 7

Nhà có hai chị em. Năm 1954, chị ở lại với gia đình ngoài Bắc, em theo chồng vào Nam. Chiến tranh, thằng con người chị xung phong đi bộ đội, vào Nam chiến đấu. Thằng con người em dù trốn chui, trốn lủi, cuối cùng số phận cũng bắt phải cầm lấy khẩu súng và là người lính của phía bên kia. Cả hai đều tử trận

Đất nước thống nhất. Hai chị em (lúc này đã là hai bà lão) đều sống trong cảnh cô đơn. Em đón chị vào Nam ở để chị em sớm tối có nhau.

Từ đó, hằng năm cứ đến ngày 27 – 7, người em lại vắng nhà...

**I. NGÀY KHÔNG NHẬP MỘ!**

*Một thiên di*

*Ba trùng tang*

*Không nhập mộ!*

*Gà trắng*

*Chó đen*

*Kim*

*Chỉ ngũ sắc*

*Lá đào*

*Đàn ông bảy vía*

*Đàn bà chín vía*

*Phương bùa trừ tà*

*Vỏ ốc bò xuôi...*

*...Không trùng tang*

*Vẫn chưa nhập mộ!*

*Đất nước đã nhiều chục năm sau ngày thống  
nhất*

*Máu chảy ruột mềm*

*Nhức nhối thiên di!*

## II. LỖ

*Lỡ*

*Một thời*

*Không*

*Bia rượu*

*Mà*

*Say!*

*Phút*

*Chót cuộc*

*Lỡ*

*Mềm môi*

*Chợt*

*Tĩnh...*

## III. TÌNH THIÊN THU

*Tôi ăn sương em*

*Đui giờ hoàng đạo!*

*Tôi sang đoạt em*

*Mù đêm hợp cấn!*

*Tôi hành khát em*

*Tình mình thiên thu...*

#### **IV. HƯƠNG ỒI**

*Chợt lòng đã thu*

*Mùa xa heo may...*

*Về với ngày xưa*

*Tuổi chưa rụng rốn*

*Chín trong mong đợi*

*Trái ương đầu mùa*

*Thèm lại còn xanh*

*Thoáng như vô tình*

*Tiếng chào mào gọi*

*Ồi thấp sáng cảnh*

*Trong hương thu chín*

*Tình vương vấn hồn*

*Một thời xuân sắc*

*Hoa dành trái thơm...*

#### **V. NHỮNG CUỐN SÁCH, NHỮNG CON MỘT VÀ... TÔI!**

*Giải thoát tôi khỏi thân phận nô lệ  
Nhưng cũng cảm vận tôi tiếp cận chân lý  
Những con mọt sách vừa là đồng minh vừa là kẻ  
thù của tôi!*

*Nhằm tránh họa diệt chủng  
Những cuốn sách được bó lại thành từng bó  
Bằng những đoạn dây chằng hàng  
Và đứng xếp lớp bên nhau  
Trông như những tên tù binh bị trời giật cánh  
khuyu!*

*Với những cuốn sách  
Tôi vừa là vị cứu tinh  
Vừa là một tên độc tài...*

## **VI. CHUYỆN LANG LIÊU**

*Giao thừa chạnh nhớ vua Hùng  
Bánh dày mấy cặp?  
Bánh chưng mấy đòn?  
Trời tròn...  
Chẳng biết có tròn (?)  
Không vuông  
Đất vẫn cứ vuông với đời.*

## VII. BÀI THƠ CÂM!

*Trên trang in  
Không ai nghe  
Bài thơ nói!*

*Xin được  
Trên trang viết  
Bài thơ câm...*

Chương này bảo là thơ thì nó là thơ. Bảo không phải là thơ thì nó không phải là thơ!

Đơn giản nó chỉ là một chương của/ cho một cuốn tiểu thuyết. Thơ hay không với nó không quan trọng, không phải là mục đích. Thế thôi!



## 43

(Đã trích dưới dạng truyện ngắn với cái tí:  
"Gọi hồn")

"Phùng ơi! Phùng à...."

Phùng đi dọc đường làng, vừa đi Y vừa hờ tên mình như bố hờ con chết. Giọng Y đã khản đặc nhưng lũ trẻ con vẫn lẳng nhặng chạy theo đeo bám, trêu chọc:

"Anh Phùng đọc thơ cho chúng em nghe đi..."

Mặt Phùng ngẩn ra:

"Phùng nào?"

"Thế anh không phải là Phùng à?"

Đôi mắt Phùng xa vắng, vô hồn. Y lắc đầu:

"Anh thì biết gì thơ phú..."

"Trước đây anh chẳng đã có thơ in?"

"Các chú cứ "chửi đều" anh làm gì!"

Nói thế, nhưng sau đó Phùng vẫn hăng giọng và u ơ đọc. Theo Y, bài thơ có cái tí là "Hư danh" Chẳng biết thơ Y làm hay là Y đọc được ở đâu, nghe đi, nghe lại nhiều lần quá đến nỗi lũ trẻ đã thuộc:

*"Tôi mang trầu*

*Vãi xuống cánh đồng...."*

Lũ trẻ xúm quanh nhao nhao:

"Hết thóc giống hả anh Phùng ơi?"

"Chắc là anh nhận nhiều ruộng quá (!) "

"Có thuê chúng em làm cho...?"

Phùng lừ mắt nhìn mấy đứa vừa hỏi, không thèm trả lời rồi tiếp:

*"Trấu không nảy mầm*

*Vô tình nuôi cỏ!"*

Lũ trẻ đồng thanh, đế theo:

*"Trấu không nảy mầm*

*Vô tình nuôi cỏ!"*

Đôi mắt Phùng vụt long lanh vì được phấn khích:

*"Huyền hoặc về một mùa gặt hái*

*Mơ... mình ăn cháo kê!"*

Cả lũ lại gào lên: "Cháo kê, cháo kê!" rồi xúm quanh Phùng, chúng vỗ tay đồm độp. Tiếng một đứa hỏi:

"Cháo kê chắc là ngon lắm phải không anh Phùng?"

Phùng nhìn trân trối những đứa trẻ đang đứng vây quanh. Đôi mắt đã lại đờ đẫn, vô hồn khiến gương mặt Y trông ngây ngô, đần độn. Bất giác, Y cười sảng sặc. Đang cười, bỗng nhiên Y dừng lại rồi khóc hu hu. Y lại thất thểu bước đi vừa hờ vừa khóc:

"Phùng ơi! Phùng à...."

\* \* \*

Bắt đầu từ việc Phùng in tập thơ đầu tay theo phương thức tác giả tự bỏ tiền và tự phát hành lấy. Chỉ mới cách đây năm, sáu năm mà nghĩ lại đã như là lâu lắm rồi!

Còn nhớ hôm Phùng mang bản thảo ra Nhà xuất bản. Từ nhà, Y nhảy ô tô ra Hà Nội. Xuống xe, Phùng đi bộ không dám gọi xích lô, sợ bị chẹt và vì số tiền trong túi chỉ đủ phòng tiền ăn và tiền về. Y đã phải lộn đi lộn lại không biết là bao nhiêu phố để hỏi thăm vì không biết rõ địa chỉ và không thuộc đường (!)

Người tiếp Phùng hôm đó là Phan Quân (không hiểu sao trong cái truyện ngắn, Y lại đổi là Trương Quân) một nhà thơ mà tên tuổi và tác phẩm từ nhiều năm qua Phùng đã được biết đến trên mặt báo nhưng trực tiếp đối thoại thì đây là lần đầu tiên. Đói, mệt, mặc cảm và mất tự chủ trước một cây bút đàn anh làm hàm Y cứng lại! Vốn hoạt khẩu vậy mà trong khi tiếp chuyện Y cứ riu lũi, nói năng lắp bắp như người hụt hơi, đến nỗi Phan Quân đã phải tập trung cao độ để lắng nghe nhưng thỉnh thoảng vẫn phải cắt ngang để hỏi lại! Sau khi biết rõ ý định và mục đích của Y, Phan Quân bảo Y để lại địa chỉ để tiện liên hệ và hẹn sẽ có thư trao đổi với Y trong quá trình biên tập....

Cho đến khi tập thơ được cấp giấy phép, mấy lần nữa thư đi từ lại và cũng mấy lần nữa Phùng phải ra Hà Nội gặp Phan Quân để được nghe góp ý về một vài câu chữ, bổ sung thêm một số bài bù vào những bài bị loại bỏ vì quá non kém và cắt xén một số câu mà theo Phan Quân là dễ gây ra sự hiểu lầm không cần thiết (!). Cuối cùng, tập thơ còn lại 32 trong tổng số 45 bài. Hôm Phùng ra nộp tiền, vợ Y phải mua một bát họ và lấy suýt soát một tấn rươi thóc phường bán đi để có đủ năm triệu và ngoài ra còn dư được hơn hai trăm nghìn làm tiền lộ phí cho Y. Với hoàn cảnh nhà Y thì đó quả là một số tiền quá lớn!

Vậy là chưa kể tiền bát họ, vợ Y và các con Y sẽ phải bớt ăn, bớt mặc trong bốn năm để mỗi vụ có được hai tạ thóc nộp trả phường. Bốn năm vị chi là tám vụ. Nếu được mùa đã vậy, còn mất mùa? Trong khi, từ trước đến nay vợ Y đã phải rất chi li từ vài trăm lẻ trong việc chi tiêu hàng ngày...

Phùng thấy trong việc bỏ tiền ra in tập thơ của Y có cái gì gần như là sự liều lĩnh của kẻ tự sát. Y bỗng thấy mình ích kỷ, thấy sợ. Rồi Y khóc, tiếng khóc vỡ ra ông ổng vì cảm động. Trong tâm trạng như thế Y đi Hà Nội, nhưng đến khi Phan Quân ngỏ lời khen ngợi tập thơ sau khi biên tập xong thì Y lại cảm thấy những

so đo, tính toán trước đó của Y là nhỏ nhen, là đã quá yếu đuối, là "Nếu thế sẽ không bao giờ Y có thể "lớn" lên được..."

...Ngày ấy, Phùng còn chưa biết đến cả mở nắp một chai bia. Trong một lần ngồi quán, Phùng đã phải lúng túng khi người chạy bàn đến lễ phép hỏi Y dùng loại bia gì (!) Bởi vì ở nhà quê, Y có dám uống bia bao giờ! Tửu lượng của Y tuy cũng vào loại khá nhưng chỉ những dịp giỗ tết hoặc gặp khi cao hứng lắm, Y mới dám bảo vợ đưa tiền cho con đi mua một cút hoặc quá lắm đến nửa lít rượu là cùng. Hình như cũng hiểu được điều ấy, Phan Quân đã tề nhị gọi hai chai bia Tàu và để tránh cho Y một việc khó xử tiếp theo, Phan Quân đã nhanh nhẹn cầm lấy cái mở nắp chai....

Lại đến đận ra lấy sách. Đứng vào dịp 27 tết. Cập rập như thế vì Phan Quân sốt sắng muốn cho Y kịp thời có sách để biếu anh em bạn bè trong dịp này. Không quen biết ai ở Hà Nội. Cũng chẳng biết đặt vấn đề ở đâu để nhờ người ta phát hành giúp, Phùng ôm tất cả năm trăm cuốn sách, gọi xích lô, đưa cho anh ta một bản danh sách liệt kê địa chỉ tòa soạn các báo và tạp chí mà Y biết. Tất cả vào khoảng trên dưới năm mươi điểm - theo phương thức khoán gọn. Mất bảy

mười nghìn cho việc này nhưng với Y đó là bài tính đúng đắn và khôn ngoan nhất đối với một kẻ không có phương tiện và không thuộc đường. Giáp tết, ở đâu người ta cũng bận túi bụi vì bao nhiêu công việc phải lo, cho nên sự có mặt của Y trong lúc này có vẻ như là không hợp thời ! Y nhận được những cái bắt tay hồ hững, những câu thăm hỏi và cảm ơn hời hợt. Tất cả như thuần túy chỉ là những hình thức xã giao sáo rỗng, chiếu lệ! Phùng có cảm giác như tất cả đều muốn nhanh chóng thoát được Y ra! Như là Y thuộc diện những kẻ chuyên đến để nhiễu sự, mặc dù có những nơi họ cũng chẳng bận gì mà chỉ túm lại bàn tán với nhau về giá cả của một số mặt hàng. Thảng hoặc, Phùng cũng bắt gặp những cái nhìn ái ngại. Cả sự thương hại, chiếu cố! Không loại trừ những trường hợp Y có cảm giác qua ánh mắt không mấy thiện cảm, Y đang bị "khả nghi" đang bị người ta "đo đạc" không phải bằng vào tầm vóc tác phẩm mà vào dáng dấp, cử chỉ và giọng nói đặc nhà quê rất khó nghe của mình!

Rồi thì Phùng cũng đến được hết những nơi định đến. Đầu tiên còn ý thức được công việc mình làm nhưng sau đó thì Y vung vãi một cách hào phóng "những đũa con tinh thần" của mình như kiểu người ta rải truyền đơn. Chia tay anh bạn xích lô sau khi ngỏ

lời cảm ơn và mời anh ta cùng dùng với mình một bữa cơm vỉa hè, Phùng nhảy xe buýt "tăng - bo" về thủ phủ tỉnh nhà. Từ đây, Y còn phải lấy vé, còn phải ngồi tiếp một lần xe nữa để về quê. Lộ trình của Y vòng vèo như thế vì điểm cuối cùng để hoàn tất chuyến đi của Y là Sở văn hóa tỉnh. Số sách lúc này đã vơi đi một nửa. Thời gian thì mới là hai giờ chiều, đủ để Y giải quyết nốt phần việc còn lại và kịp nhảy chuyến xe cuối cùng về nhà. Lưng đeo ba lô, Phùng còn đang ngơ ngác vì vừa mới "chân ướt chân ráo" từ trên xe bước xuống thì một bà cụ già nua, yếu đuối như từ dưới đất chui lên, bất ngờ chắn ngang trước mặt "Xin ông đón tay làm ơn, làm phúc..." Phùng nhìn bà cụ thoáng ý bất nhẫn, dò xét nhưng Y cũng phải thừa nhận với mình "đúng là ăn mày thật chứ không phải ăn mày dờm!" Bất giác, Phùng liên tưởng đến chuyện Y bỏ ra năm triệu đồng in sách để mang đi cho không, biểu không với bà cụ đang đứng trước mặt, cầu xin ở Y lòng thương hại. Sự so sánh đẩy Y đến tận cùng, buộc Y phải thừa nhận đó là một sự thật tàn nhẫn và dù muốn hay không Y phải đối diện với chính mình. Chẳng biết thành thật hay là giả dối, như để chạy trốn, như là để biện hộ và tự bào chữa cho sự so sánh ấy, Phùng móc túi, chỉ bớt lại đủ tiền mua vé, còn thì Y

dúi tất cả vào tay bà cụ. Đầu óc mụ mị, Phùng đi như trôi trên đường, trông lạc lõng như một con lừa giữa dòng người xe tấp nập ngược xuôi sắm tết. Được quãng trăm mét thì trời đổ mưa. Tạt vào một hiệu tạp hóa, Phùng mua một chiếc túi ni lon, bên ngoài in dòng chữ "Chúc mừng năm mới" loại người ta vẫn mua để đựng hàng tết, giá tám trăm đồng để bảo quản cho số thơ còn lại trong ba lô khỏi bị ướt. Mưa không to nhưng mau hạt và có khả năng còn kéo dài. Không áo mưa, không mũ nón, Phùng đội mưa mà đi. Y đi như mê, đi như đang trong cơn sốt. Người Phùng hầm hập bốc hơi nhưng bị quần lại trong làn quần áo đã ướt sũng đang dán thêm cái lạnh vào da thịt không thoát ra được...

Người gác cổng lướt một cái nhìn từ đầu đến chân Phùng dò xét, không cần nghe xem là Y đang nói gì! (Phùng không nhận ra cái thực trạng của Y lúc đó nó thảm hại như thế nào). Vẫn ngồi yên trong căn phòng vừa hẹp vừa thấp trông như cái điểm canh đê, ông ta hất hàm, ngược mặt ra cửa làm hiệu rồi nói như quát vào mặt Phùng:

"Anh không nhìn cái biển trên đầu kia à? Đây là cơ quan!"



Phùng ngớ ra!Chùng như cũng thấy mình bất  
nhẫn, ông ta thấp giọng, vẻ khổ sở:

"Bố thông cảm, hai bảy tết mà"con" còn phải  
ngồi đây, chưa được về với vợ với con - Rồi chia cho  
Phùng mấy số báo và tạp chí, ông ta tiếp - không có  
gì, chỉ có mấy số báo tết! Biểu"bố"....!"

Phùng giận run người !Thì ra ông ta đã hiểu làm  
Y...(!)

Thiếu chút nữa Phùng đã túm lấy ngực áo ông ta,  
nói cho ông ta biết mục đích của Y đến đây không  
phải là để xin ăn nhưng nghĩ thế nào Y lại thôi! Còn  
lòng dạ nào nghĩ đến chuyện biểu sách, Phùng nhìn  
ông ta, vượt một cái nhìn khinh thị rồi không nói  
không rằng, Y quay ra, lộn trở lại bến xe.

Trên đường đi, Phùng chua chát nghĩ đến một  
câu thơ của nhà thơ Nguyễn Vỹ và Y thấy cảnh ngộ  
hiện thời của Y không phải là... khổ như chó mà  
khổ... hơn chó!

Về đến nhà đã hơn 3 giờ chiều. Vừa mệt vừa đói  
nhưng Phùng giật mình sững sốt khi thấy nhà cửa  
được quét dọn sạch sẽ và thu nép gọn gàng cùng với  
hơn chục bộ bàn ghế kê ở sân như nhà có đám. Còn  
đang ngỡ ngác thì vợ Y đã từ đâu son sòn chạy về.  
Gương mặt thị rạng rỡ vì hạnh phúc! Thị tíu tít:

"Này mình, con Hương nó khoe: Hôm nay trước cả lớp, thầy giáo chủ nhiệm của nó bảo: "Lớp chúng ta rất vinh dự có bố em Hương là một nhà thơ". Rồi... thì dừng lại để suy nghĩ như muốn truyền đạt lại đúng với những gì cần truyền đạt - Rồi thầy giáo nó còn bảo "Nếu các em muốn tìm hiểu về thơ Việt Nam hiện đại mà tác giả là người địa phương thì đến gặp bố bạn Hương" Là... "Bố bạn Hương sẽ có tên trong Văn học sử". Là... "Thơ của bố bạn có thể còn được đưa vào chương trình giảng dạy trong sách giáo khoa..."

Phùng nhăn mặt như khi ăn phải mắm tôm! Y không biết nên khóc hay là cười nữa! Vừa lúc đó con Hương từ ngoài ngõ chạy về thở không ra hơi: "Bố"! Không để cho hai bố con kịp chuyện trò, vợ Phùng quay ra "Xong cả rồi chứ?" Con bé vẫn vừa thở vừa trả lời mẹ "Vâng ạ" - "Bây giờ thế này - vợ Phùng tiếp - con đến mời bác Hưng trưởng họ, bảo: Bố cháu về rồi, bác sang ngay..."

Phùng chột dạ: "Có việc gì..?" - Vợ Phùng quay lại, thì vui vẻ: " Sáng ngày mình đi khỏi, tôi đến hỏi ý kiến bác ấy xem nên thế nào? Bác ấy bảo: Hôm nay thím phải nghỉ buổi chợ, sửa lấy cái lễ để lúc nào sách về, thấp nén hương báo cáo các cụ. Rồi lo lấy nồi nước chè, ít bánh kẹo, hoa quả, mời bà con họ mạc tối

nay đến uống nước - Thị tiếp như phân bua với Phùng - Bàn với mình sợ mình phản đối nên tối qua đã định rồi tôi lại không dám bàn..."

Phùng chột hiệu! Hai mắt Y như lồi ra khỏi tròng. Giống như sợ hãi, như là đang bị đe dọa bởi một thế lực vô hình nào đó trước mặt - cứ thế Phùng đi giật lùi vào nhà. Vợ Phùng vội hốt hoảng chạy theo "Mình làm sao thế? Mặt mình tái thế kia! Không khéo bị trúng gió!" Rồi một tay đỡ lấy gáy Phùng, một tay thì đặt lên trán...

Ngoài cổng oang oang tiếng ông trưởng họ:

"Nhà thơ đâu rồi...?"

## CHƯƠNG CUỐI

Như Hình với Bóng, như Hai trong Một, rốt cuộc Nó và Y vẫn không thể không có nhau: Không thể có Nó mà không có Y hoặc có Y mà không có Nó. Nhưng lần này là sự hạnh ngộ. Đó là bài thơ Nó tặng Y có cái tí là “Ta tặng Tớ”.

Nghĩ mình còn trẻ  
Soi gương thấy già  
Lưỡng diện nhất thể  
Đó Tớ đây Ta

\* \* \*

Nghĩ trẻ là trẻ  
Thấy già là già  
Hai thặng đồng tuế  
Nhìn nhau cười xòa...

Đọc xong, Y cười phá lên và đề đáp lại, Y đọc tặng Nó bài:

“Cuộc trở về vĩ đại”:

Ô, sao lại khóc?  
Sống không là vui  
Thì sao phải buồn  
Khi về với đất?

Cõi trăm năm “sinh ký, tử quy”

Thì...  
Hãy coi như một lần chia ly  
    Như bao lần chia ly  
Nhưng đây là lần chót.  
    Vòng luân hồi  
    Kẻ trước người sau!  
Thì...  
    Hãy như Trang Chu  
    Gõ bôn mà hát  
Tiễn người về nơi *Tây phương cực lạc*  
    Hưởng thú vui  
    *Tiên cảnh nhàn du...*

Rồi sau đó không biết Y đọc Nó gõ bôn hay Y gõ bôn Nó đọc bài thơ không hiểu Nó là tác giả hay Y là tác giả hay Nó và Y là đồng tác giả hay không là đồng tác giả, là Một:

**Mặt trời, Bóng và... Tôi!**

Mặt trời ở bên trái  
Bóng tôi đổ bên phải  
Mặt trời ở bên phải  
Bóng tôi đổ bên trái  
Mặt trời ở trước mặt

Bóng lẽo đẽo theo Tôi  
Mặt trời ở sau lưng  
Tôi lẽo đẽo theo Bóng

...Bao nhiêu ngộ nhận  
Đi qua một thời  
Buổi trưa cuộc đời  
Mặt trời đứng... Bóng!

**KIẾN**  
TIÊU THUYẾT  
*Phùng Thành Chung*

**NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN**

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 04.38222135

E-mail: [nxbhoinhavan65@gmail.com](mailto:nxbhoinhavan65@gmail.com)

<https://nxbhoinhavan.vn>

**Chi nhánh miền Nam**

371/16 Hai bà Trưng - Q3 - TP. Hồ Chí Minh

Tel & Fax: 028.38297915

E-mail: [nxbhvn.saigon@gmail.com](mailto:nxbhvn.saigon@gmail.com)

**Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên**

65 Nguyễn Thị Định - TP. Đà Nẵng

Tel: 023.63849516

E-mail: [nxbhvn.mientrungtaynguyen@gmail.com](mailto:nxbhvn.mientrungtaynguyen@gmail.com)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập

**NGUYỄN QUANG THIỀU**

Biên tập: **Đào Quốc Minh**

Vẽ bìa: **Nguyễn Thị Ngọc Châu**

Sửa bản in: **Nguyễn Thị Ngọc Châu**

---

In 1000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 tại HKD Nguyễn Thị Ngọc Châu  
Phố huyện, Thị trấn Quốc Oai, H. Quốc Oai, TP. Hà Nội  
Số xác nhận đăng ký KHXB số: 326-2024/CXBIPH/03-07/HNV  
Số Quyết định xuất bản: 244/QĐ-NXBHNV ngày 25/3/2024  
In xong và nộp lưu chiểu: Tháng 6 năm 2024.  
Mã ISBN: 978-604-306-520-6